

NGUYỄN ĐỨC HIỀN

SAO KHUÊ LẤP LÁNH

Bia và minh họa của NGUYỄN THỦ

14/5/78
MS 42

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG - HÀ NỘI 1977

SÀO RAO ĐỀ
IẤP DÁNH



PHẦN MỘT

Tu hú... Tu hú... Tu hú...

Cứ hằng năm, vào mùa vải chín rộ, những con chim tu hú từ miền rừng núi xa xôi nào bay về đậu trên những cành cây cao bên kia vườn Thượng Lâm, hót chĩa xuống mái lầu nghiêm tĩnh, là ở nơi cung cấm bên này, những cô tú nữ ngây thơ lại cảm thấy lòng bâng khuâng, luyến tiếc...

Tiếng chim thồn thức gọi mùa hay tiếng gọi thồn thức hướng về những kỷ niệm êm đềm, xa xót?

Tu hú... Tu hú...

Hai cô tú nữ cùng một lứa tuổi mười tám dìu mươi – một cô mặc áo xanh màu lá dào, một cô mặc áo xanh màu lá trúc – đang lui hui cọ rửa những chiếc bình sứ trong «dục đường» (phòng tắm) ở hoàng cung. Hai cô nghe tiếng chim kêu xối xả đều muốn ngừng tay và không thể không chuyện trò giây lát.

— Đến mùa tu hú kêu rồi đó, già bà Lệ còn sống, mà y nhi – tú nữ áo xanh lá dào gọi chuyện – cánh mình lại đã theo bà về trày vải ở vườn Lê Chi⁽¹⁾ tha hồ bay nhảy thỏa

(1) Lê Chi nghĩa là quả vải, nhưng ở đây đã trở thành danh từ riêng. Sau khi xảy ra vụ án Nguyễn Trãi, người ta quen gọi là vụ án vườn Lê Chi hay vụ án Lê Chi viễn.

thích... bây giờ làm gì có được thế nữa nhỉ? Bây giờ tìm đâu ra khắp hoàng cung cho được người như bà Lộ? Làm đến chức «Lễ nghi học sĩ» giảng bài cho hoàng tử, công chúa chứ có phải chơi đâu, ấy thế mà đối với cánh nịnh, những lúc rảnh rỗi cũng chịu khó xuống dạy cho chị em dăm ba chữ. Rồi thì thỉnh thoảng có đi chơi đâu cũng cho đi theo; miếng ngọt, miếng bùi có thức gì cũng đem chia đều cho kẻ dưới.

Tú nữ áo xanh lá trúc nghe thế, thở dài ngao ngán:

— Chán thật... mày ạ. Tao thấy cuộc đời hình như bất công: kè bạc ác thường gặp may, người hiền đức lại hay gặp rủi. Đấy, con người tài sắc như bà «học sĩ» ngờ đâu phải chịu tai họa thảm khốc đến như thế! Có đúng không mày? Tao nghĩ bà Lộ chết, vì bà ấy là vợ thiếp nhan sắc của quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Ở ngoài, họ lại bàn tán ngược hắn lại: «vì bà Nguyễn Thị Lộ mà ông Nguyễn Trãi mới bị tru di cả ba họ»...

Tú nữ áo xanh lá đào trả lời một cách lững lờ:

— Chả rõ thực hư thế nào... Tao chỉ biết cái hôm hành hình ông Trãi tất cả cha mẹ, vợ con, anh em nhà quan Thừa chỉ đều bị dẫn ra pháp trường! Giời ơi là giời..., một người đã từng trốn quan về ở ăn còn dè ba họ bị vạ lây.

Đến đây, tú nữ chớp chớp mi mắt, nhìn trước, nhìn sau mới hạ giọng tiếp:

— ... Nghe đâu cùng ngày xử án ông Trãi, có hai dao phủ bị chết chém. Mà hai dao phủ này có phải là những tay không thiện nghẹt đâu! May chục lần họ khoa dao đều mấy chục lần hạ thủ ngọt xót. Nhưng khi hành hình đến ông Trãi thì người dao phủ thứ nhất ngập ngừng... Lập tức quan cầm vệ ở pháp trường cho dao phủ thứ hai vào thay thế. Người này cũng vậy, vung tay mãi mà dao không bén cù. May nghĩ thế nào..., cù ông Trãi cũng băng xương, băng thịt như xương thịt mọi người chứ có phải băng đồng, băng

sát hay có bùa phép là gì đâu? Tao nghe các anh sinh đồ
bên trường Quốc tử giám khao nhau rằng ngay lúc ấy, hai
người đao phủ kia bị khép vào tội « kiêng nè nghịch thần,
âm mưu giải thoát cho Trái! » rồi cùng bị xử trảm với quan
Thừa chi. Ghê lầm, trước khi chết, họ la to át cả tiếng loa
của hình quan: « Chúng tao thà mất đầu di theo quan Thừa
chi xuống âm phủ hẫu hạ ngài còn hơn là nghe bọn bay
giết oan một bậc lão thần ».

Cô bạn xoay xoay cái bình sứ, giọng nửa ai oán, nửa
châm biếm:

— Thị ra dưới cái gầm trời này, kè được công nhận làm
nghề cầm dao chém người không phải kè nào cũng mất
hết lương tâm. Trái lại, có người như bà Tuyên từ hoàng
thái hậu, mẹ của đức vua ta...

Biết mình lỡ lời, cô tú nữ bỗng nhiên im lặng. Bấy giờ cô
Bạn áo xanh lá trúc mới nhắc lại cái ý đã nêu lên ban nãy:

— Tao vẫn chưa hiểu vì sao ở ngoài người ta lại bàn
tán như vậy... Người ta bảo bà Lộ là... là... không phải...
là người!

— Thị là ma chứ gì?

— Ủ..., — cô bạn thủng thỉnh đáp, còn hơn cả ma nữa kia.
Người ta bảo Nguyễn Thị Lộ là một con rắn hổ tinh tu luyện
lâu năm hóa thân thành người...

Bấy lâu nay chẳng riêng gì chốn hoàng cung mà ở nhiều
nơi khác người ta cũng hay nói đến chuyện ma quái, hổ
tinh. Trò đời, người nhút nhát rất sợ bóng, sợ vía ma quỷ
nhưng lại thích nghe chuyện yêu quái! Và mỗi người trong
bọn họ, mỗi lần bí mật kè lại với người khác thường cố
gắng tìm cách tô điểm, thêu dệt câu chuyện theo cách tưởng
tượng của mình, hình như chuyện càng vô lý huyền hoặc
thì làm cho người nghe càng say đắm, dễ tin. Chính vì vậy
chuyện « Thị Lộ hổ rắn » lan di khắp kinh thành, rồi dựng
lên sự tích vụ án Lê Chi viên. Ở các trấn, lỵ xa xôi, nhiều

Ông già bà cả, ban đêm quanh ngọn đèn tù mù đã kè di kè lại cho con cháu nghe đến mức thuộc lòng rằng:

« Nguyễn Trãi khi còn dạy học ở Côn Sơn, có lần muốn xây dựng một ngôi trường mới, bèn sai học trò khai phá khoảnh rừng thuộc phần đất ông ngoại dề lại. Trước khi khởi công, Nguyễn Trãi đêm năm mồng thấy một người đàn ông mặc áo trắng đến năn nì: « Vợ tôi đang bụng mang dạ chửa, xin tướng công làm phúc ra lệnh cho các môn sinh chậm lại vài hôm hãy dẫn cây đè cho chúng tôi kịp thu xếp dời nhà đi nơi khác ». Sáng hôm sau, Nguyễn Trãi đi về phía khoảnh rừng cũ thì học trò đã phát quang xong cây cối, đang san đất làm nền trường. Họ trình cho thầy biết là trong lúc san gò dẫn gỗ, họ phát hiện được một cái hang có hai con rắn khá lớn và họ đã xúm nhau giết được cả đôi. Nguyễn Trãi đến tận nơi xem, thấy rõ xác hai con bạch xà, trong đó một con bụng đang có chửa. Ông ra ý phân vân rồi truyền lệnh cho học trò đem chôn.

Tối hôm ấy, ông đang ngồi căm cui dưới ánh đèn, bỗng nhiên có một giọt máu rơi xuống thảm đỏ liền ba trang sách. Ông ngẩng đầu nhìn lên xà nhà thấy thấp thoáng bóng một con rắn trườn qua...

Đến thời kỳ Nguyễn Trãi được vời vào triều trở lại cuộc đời làm quan, một buổi chiều nhàn tản, nhân di hóng mát ở Tây hồ, ông bắt gặp một người con gái đẹp gánh chiếu gon đi bán. Đang lúc cao hứng, quan Thừa chỉ đọc bông lơ mấy câu thơ:

*À ô đâu ta, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh chứng độ bao nhiêu nǎ
Đã có chồng chửa, được mấy con?*

Không dè người con gái ứng khâu họa luôn một bài từ tuyệt :

Thiếp ở Tây hồ bán chiếu gon

Có sao quan hỏi hết hay còn?

Xuân xanh vừa đỡ trăng tròn lè⁽¹⁾

Chồng còn chưa có, hỏi chi con?

Mến cảm tài văn chương, triều quan Nguyễn Trãi nhò người mạnh mẽ hỏi cô hàng chiếu làm thiếp, Người vợ thiếp đó chính là Nguyễn Thị Lộ. Tiếng Thị Lộ hay chữ đến tai vua Thái Tôn. Nhà vua triệu vào kinh phong cho chức « Lê nghi học sĩ » giữ việc giảng dạy trong cung. Chờ đến dịp nhà vua đi tuần miền Đông, ghé vào thăm lão thần Nguyễn Trãi ở Côn Sơn rồi về nghỉ lại ở vườn Lê Chi (Trại vải), đêm hôm ấy Nguyễn Thị Lộ mới đầu độc nhà vua. Khi vua băng hà, triều đình cho là Nguyễn Trãi mưu giết vua, xử giết ông cả ba họ. Khắc chót cuộc hành hình đem Nguyễn Thị Lộ ra chém thì Lộ hóa thành con rắn trắng...

Sự tích ma quái, thần bí của vụ án Lê Chi viên chỉ có thè đánh lừa được những kẻ căm tin, nhẹ dạ. Còn ở chốn kinh sư, bậc túc nho, người thức giả, nghe những chuyện tương tự trên đây thì im hơi lặng tiếng hoặc kín đáo thở dài, Ngãm lại, từ cuối đời Thái tử Cao hoàng đế Lê Lợi, trải chín năm vua Thái Tôn ở ngôi cho đến nay, họ đã từng chứng kiến biết bao nhiêu chuyện đau lòng. Họ hiểu vì đâu Nguyễn Trãi phải mang thảm họa, nhưng cũng do nhìn thấy thảm họa của Nguyễn Trãi mà họ cảm biêt thân phận mình chẳng qua chỉ như con sâu, cái kiến. « Có miệng thì cắp, có nắp thì dày », « vạ tay không hay vạ miệng », họ tự răn mình và răn dạy vợ con như vậy. Nhất là sau khi hoàng đế tắt mệnh, thái tử

(1) Trăng rằm : 15 ; trăng tròn lè là 16 tuổi.

lên nỗi nghiệp chưa dầy ba tuồi, mọi việc triều chính đều do tay một người dàn bà nỗi tiếng lộng quyền là mẹ vua, tức bà Tuyễn từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh định đoạt...



Vào khoảng cuối canh tư. Cảnh kinh thành còn đang say giấc. Cảnh vật chìm đắm trong một màn sương mù dày đặc. Đứng ở phía bên này hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) trông về mạn hoàng cung, nếu không có ánh đèn le lói ở tháp canh trên cửa Đoan môn thì người ta không tài nào phân biệt nòi đâu là Đông Tràng An, Tây Tràng An, đâu là vườn Thượng lâm, khu hi viện v.v... Vào giờ này, vua Nhân Tôn không ngự trên cỗ sập vàng. Đức vua nương mình trên tấm võng tía mắc vào một cái giá khung băng sừng tê ngưu đặt ở góc phía tây cung Vạn Phúc có cửa vòm cuốn thông với cung của hoàng thái hậu. Tấm võng của nhà vua quả là một công trình tuyệt mỹ. Gần ba mươi thợ khéo ở xưởng thủ công «bách tác» hoàng gia đã gắng sức ròng rã nửa năm trời mới làm xong những chi tiết khác nhau của nó. Bên trong võng, lót gấm hồng thêu hình rồng cuốn, còn thành võng là hai bức diềm viền kim, tuyển rủ hàng tua vóc vàng đính dầy những hạt trân châu óng ánh. Mười hai tú nữ xiêm áo lượt là thay phiên nhau chầu chực quanh tấm võng quý đó. Họ đã được hoàng thái hậu lựa chọn rất kỹ trong số hàng nghìn mỹ nữ cung tần. Những người này không phải chỉ cần có nét mặt thanh tú, giọng nói ngọt ngào, bước đi uyển chuyển. Họ còn phải thành thạo rất nhiều công việc: chế biến thức ăn, bày biện hoa quả, trang trí đèn lồng, khâu vá, thêu thùa, múa hát. Hơn thế nữa, họ còn phải biết tận tụy săn sóc nhà vua và phải hết sức thông minh. Phải thuộc lòng từng nết ăn, nết ngủ của ngài, phải đoán biết rất đúng ý nghĩa trong từng cái cựa mình, vuơn vai, dạp chân nhỏ

nhé... Khi nào cần giảm bớt vị ngọt trong bình sữa sơn dương, khi nào cần thay nước tắm ngũ vị hương bằng nước mưa ủ nhị hoa sen, khi nào cần cuốn cao rèm ngọc cho ánh sáng tự nhiên tràn vào, v.v... những bàn tay của họ phải cung đón đức vua chưa đầy ba tuổi được toại nguyện đúng như một vị thiên tử. Lúc này Ngài đang thiêm thiếp ngủ, một khúc ca êm ái soạn theo diệu nhạc Chiêm Thành thay cho lời ru nhẹ nhàng bay theo diệu võng du đưa...

Bà Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh rón rén đến bên tấm võng tía, vén màn nhìn đức vua phập phồng cánh mũi ngáy đều đều một cách thỏa mãn, rồi bà mới bước lên ngồi ngài uy nghi và lạnh lùng như một pho tượng đá.

Từ khi hoàng thượng về chầu tiên đế, ngay cả ban đêm lúc ngủ thái hậu cũng bận tang phục, ngày thì ba lần đến thái miếu tự tay dâng lễ thắp hương kêu khóc thảm thiết, tưởng như tình thương của tất cả những người vợ trên thế gian này cộng lại cũng không bằng tắc lòng thành của bà đối với Thái Tôn hoàng đế. Bà ngồi đó, nếu thỉnh thoảng không nhếch mép dè ánh lên màu hạt na của mấy chiếc răng nanh hơi khèn thì toàn thân là một khối trắng toát: vòng nguyệt quế trắng bao quanh chiếc vương miện phủ khăn lụa trắng, quần áo trắng, dải thắt lưng trắng, và đôi hài trắng. Cả cái nhìn cũng gây cảm giác ghê lạnh vì lớp nhãnh cầu sáng lóa. Đúng là thái hậu có hai con mắt khác lạ. Mắt bên phải lớn hơn mắt bên trái tới hai phần mươi. Con mắt này khi hàng mi cụp xuống trông tĩnh tú, dịu dàng, nhưng khi nhìn thẳng thì lông mày dựng lên dữ tợn, đồng tử nở xòe ra và lóe lên những tia sáng sắc lạnh. Ngày xưa, khi bà còn là một thiếu nữ, mới chạm mặt lần đầu, vua Thái Tôn đã muốn tuyên làm phi, chỉ hơi ngại vì con mắt ấy. Đoán trúng ý vua, bỗ dè ra cô thiếu nữ biện bạch ngay: «Tâu bệ hạ, biết bao nhiêu bậc quyền quý đều chưa lọt được vào mắt con gái kè quê mùa này. Xin bệ hạ đánh chử

đại xá cho, nào có phải tiện nữ (1) dây mành vàng vóc ngọc gì, chẳng qua chỉ nhờ cái tướng «mục đị» (2) kia. Đẹp, đúng thế, quý tướng có hai loại : một là nốt ruồi, ăn tướng của các vị cao sang ; hai là «mục đị» thì... bầm... các nhà lý số nói đó mới là đặc điểm dung mạo hạng người làm nên quốc mẫu». Đó là lời tâu của một người giàu có nhất vùng, trong dịp xa giá di qua trấn Thanh Hoa, huyện Đông Sơn, làng Bố Trạch và dừng lại dấy một đêm. Thế rồi nhà vua trẻ tuổi không «ngại» con mắt ấy nữa, và mấy tháng sau, lão phủ hộ ở huyện Đông Sơn nghiêm nhiên trở thành bậc quốc trượng.

Với con mắt khác lạ ấy — trong ban đêm tĩnh mịch — Thái hậu không ngược lên nhìn ai cả mà lại nhìn thẳng vào chính lòng mình. «Sự đổi thay nhanh chóng quá. Ta... chính ta đã làm những việc ghê rợn đến thế ư ? Ôi, xin tiên đế và các bậc thần minh lượng xét cho, nếu Thị Anh không bạo tay trừ khử tên lão thần bướng bỉnh thì ai tôn kẻ cõi quả này lên ngôi Thái hậu ?.. Và có thật ta đang là hoàng thái hậu, là người ngồi rủ rèm thính chính cho vua Nhân Tôn, là người có quyền hành lớn nhất trong khắp nước Đại Việt này không ? Hay là ta đang sống trong mơ ? » Thái hậu cắn mạnh vào ngón tay út. Mi mắt trái giật thót lên. Đau diết người ! Đúng là sự thật hiển nhiên rồi. Bà mở to mắt ra ngắm nhìn cảnh tượng mình đang ngự trị. Trước mặt bà, một làn khói thơm nhẹ nhè tỏa lan từ chiếc lư ngọc bích gọt hình trái phật thủ. Sau lưng bà dựng lên một quả non bộ kết bằng trúc gọi là «Vạn thọ Nam sơn». Quả núi này có năm ngọn, mỗi ngọn mang một tên khá cầu kỳ mà các quan Đông các phải tra cứu kinh sách rất lâu mới đặt nổi. Hai bên bà, hai phi tần mặc áo kiều Giáng hương nhăn nại quỳ xuống nền đá cầm thạch, đầu đội những chiếc

(1) Tiện nữ : người con gái hèn mọn. Cách nói khiêm tốn.

(2) Mục đị : mắt khác lạ với người thường.

khay dồi mồi khám xà cừ : một khay dâng hỏa lò đặt sẵn ấm dun nước pha trà, một khay dâng bát mỗn nhân sâm cách thủy. Chỗ bà ngồi thông với hậu cung có một lối đi ngầm dưới đất gọi là Vạn an lộ, ban ngày cũng như ban đêm đều đốt nến sáng trưng. Bọn cận thần và lũ quan hoạn đánh bạc, uống rượu, hát xướng mặc sức trong các ngách của lộ Vạn an ấy.

Tuyên tử hoàng thái hậu đang nóng ruột đợi quan Tả hình Tạ Thanh là tên cầm đầu các nội quan, tới. Chỉ ở nơi cung cấm mới có những buổi chầu lạ lùng vào giờ này.

Tả hình Tạ Thanh xuất thân là một tên ăn chơi d่าง diếm. Vì mê dao hát và có chút hơi hướng họ ngoại với quan Lỗ bộ Lương Đăng nên được Đăng tuyển vào ban nhã nhạc trong cung đình. Ít lâu sau thấy hắn không có khiếu âm nhạc, lại nhàn trong cung thiếu một chân thị vệ, Đăng mới xin với Huệ phi cho hắn vào làm hoạn quan. Từ đó, Thanh dám ra bài bạc và ăn của đút lót, đã nhiều lần được Huệ phi che chở. Khi Huệ phi bị giáng truất, Thanh làm sớ tâu vua vạch thêm tội của phi. Quan Hành khiền Nguyễn Trãi biết việc đó, than với Thái Tôn rằng :

— Bình nhật Tạ Thanh hết lời tán tụng Huệ phi, nay ân nhân bị lâm nguy, hắn dã không thương xót thì chớ, lại dĩ tố giác người ta một cách a dua, vu khống. Như thế trước hết là hắn tự tố giác cái lương tâm hèn hạ của hắn, sau nữa hắn dã làm tồn xúc đến cái đạo sáng của đời thịnh trị. Hạng như Thanh bung bát cơm ăn nhưng chưa hiều lẽ làm người. Xin bệ hạ hãy bỏ ngoài tai,

Vua bệ lại :

— Thanh vạch tội một kẻ đáng trị tội thì đó cũng là hợp với lẽ làm người chứ sao ?

Nguyễn Trãi lại tâu :

— Có người vì đại nghĩa, phải lau nước mắt gạt tình riêng, nhưng tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ hạng người như Tạ Thanh chưa thè vươn tới cái lẽ đó.

Vua ậm ừ cho qua chuyện rồi vẫn dè Thanh về hẫu cản Nguyễn Thị Anh. Càng ngày họ Tạ càng được tin dùng Chuyện gì phi cũng đem bàn bạc với Thanh. Thanh tâu điều gì, phi cũng khen là hợp ý. Hai tâm địa ấy giống nhau như hai cái dây nghiên mực cùng dúc một khuôn. Hồi vợ chồng Nguyễn Trãi đồng lòng cứu thoát nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao – một người vợ khác của vua Thái Tôn – xúc xiém vua không được. Thị Anh trợn tròn mắt, giậm chân nói với Tạ Thanh :

– Còn Trãi thì ta và bọn các ngươi chưa biết lúc nào mới mở mày mở mặt được !

Tên hoạn quan cười nham hiểm :

– Trãi còn hay không, theo ngụ ý, chính là do ở nguyên phi...

Tả hình Tạ Thanh vào cung không bận triều phục. Hắn ngái ngủ, chỉ kịp chụp vội lên đầu chiếc mũ bì biện kiều quan võ. Hắn sắp phủ phục xuống chân ngai thì Tuyên tử Nguyễn Thị Anh xua xua tay :

– Thôi! Miễn lẽ cho khanh (chỉ có Tạ Thanh mới được hưởng đặc ân ấy). – Rồi hỏi luôn – Công việc đến đâu rồi?

– Muôn tâu hoàng thái hậu... – Tả hình hơi ấp úng... – Lũ thần đã cho lùng sục khắp nơi nhưng vẫn... chưa thấy tẩm tích Phạm Thị Mẫn đâu cả.

– H... ừ... m..., bọn khanh lùng sục ở những nơi nào ?

– Dạ... suối sâu, rừng rậm, hang cùng ngõ hẻm. Khắp vùng Côn Sơn và bất kỳ một chốn nào có hơi hướng quen thuộc với Nguyễn Trãi và Phạm Thị trước đây.

– Hồng! Hồng!... – Thái hậu dập tay xuống thành ngai giọng mia mai – các ngươi di lùng chuột chó không phải đi vây bắt vợ của kẻ « phản nghịch »!... Hãy nghe ta, cho quân rút ngay khỏi Côn Sơn và những nơi cũ! Mở cuộc thám nã ở huyện Sơn Nam!

Ngừng một lát, Thái hậu rít qua kẽ răng:

—... Mà khanh phải nói cho cái lũ quân lính tôi corm của khanh hiểu rằng lần này nếu không tìm bắt bằng được tội phạm thì bọn chúng trở về đừng có trách hoàng thái hậu độc ác. Ta gia hạn cho mười lăm ngày nữa đó...

Khi tên gian thần họ Tạ nhận mệnh lệnh xong đã di & huất vào nèo Vạn An lộ, Tuyên từ Nguyễn Thị Anh còn ngồi lưỡng lự suy tính: « Thị Mẫn sắp đến ngày mẫn nguyệt khai hoa rồi. Biết đâu nay mai nó chẳng đẻ ra một đứa con nối dõi Thừa chi... Hừ...m... Nhờ cô phải nhớ tận gốc... Cần ngầm báo cho Tạ Thanh biết: nếu không tiện bắt sống thì bằng cách nào cũng tốt, miễn là thủ tiêu được Thị Mẫn và cái thai trong bụng... Cố nhiên phải có bằng cứ gì mang về để cho ta dù tin... » Ý nghĩ ấy làm cho Thị Anh khoan khoái thực sự. Mụ không thèm nhấp giọng nữa, đứng dậy hất ống tay áo gạt đõ bát nhân sâm xuống chân ngai...

Hai tú nữ sợ hết vía. Họ vẫn không dám nhúc nhích, cứ đợi những chiếc khay quì mopies tại chỗ. Lúc này họ cảm thấy khắp nơi trong cung điện đâu đâu cũng hiện ra những con mắt mang đồng tử sáng lóe, kỳ quái, cứ mỗi lúc một nở to mãi ra, long lên sòng sọc, xuyên những cái nhìn sắc lạnh vào vai, vào cổ, vào lưng, vào... số phận đáng thương của họ.

* * *

Cách kinh thành sáu mươi dặm về phía đông nam, ở huyện Sơn Nam, trên bờ sông Đáy có một làng tên là làng Đoài, dân cư không đông lắm nhưng đất đai trù phú. Cả làng sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm. Riêng có một tên giàu nhất làng, ngoài mấy chục mẫu nương dâu, còn có thêm một vườn cây ăn quả. Đến Thái Tôn hoàng đế, có lần vào dịp tết Nguyên Đán, hắn băng một cây quất sai quả nhất đem vào cung dâng vua. Nguyễn phi Nguyễn Thị Anh bứt một quả ném

thứ và khen là giống quất quý. Phi cho rằng khắp nước Đại Việt chỉ có đất làng Đoài mới ưa trồng quất, liền nảy ra một ý quái gở: bắt gần ba trăm hộ trong làng dời di nơi khác cho tên nhà giàu kia phá tất cả mẩy trăm mẫu dâu tơ, đem trồng giống quất thế vào. Nếu không có quan Thừa chí Nguyễn Trãi can ngăn, chắc chắn bấy giờ vua Thái Tông đã làm theo ý nguyên phi và như vậy, làng Đoài... còn đâu nữa?

Trong lúc bà họ Nguyễn Trãi bị thảm sát, bà Phạm Thị Mẫn trốn thoát rồi tình cờ lưu lạc đến bên bờ sông Đáy... Ngày một, ngày hai dân làng biết chuyện. Đề đèn ơn tri ngõ năm xưa, làng Đoài từ ông già, bà cả, đến đứa bé dè chừng, đều bẻ que ăn thè quyết nuôi giấu bà Mẫn gìn giữ bằng được dòng máu của vị đại ân nhân. Họ không ngờ tên nhà giàu kia đã mạnh tay trốn vào kinh di báo với Tuyên tử Nguyễn Thị Anh.

Tin Tả hình Tạ Thành nay mai mang binh quyền về bao vây làng Đoài lùng bắt thân thích của Nguyễn Trãi phút chốc lan di khắp chòm trên ngõ dưới. Lập tức người xã trưởng cho đánh một hồi chín tiếng mõ khản cổ triệu bà con vào họp kín trong núi. Ai cũng lo cho tính mạng bà Mẫn. Người ta tranh nhau hiến kế:

– Cứ tạm thời giấu Phạm phu nhân trong hang rồi chúng tôi thay phiên nhau đem cơm nước vào, có được không?

– Không được. Cả địa thế làng ta chỉ nồi lên một quả núi. Cả quả núi chỉ có một cái hang, ăn trong đó, sớm muộn bọn Tạ Thành cũng đánh hơi thấy.

– Tôi có người em ruột ở phủ Thiên Trường. Hay là gửi phu nhân về náu mình ở đấy một thời gian?

– Phải bàn kỹ nữa đi! Có nên đem phu nhân ủy thác cho một người phu nhân chưa hề quen biết hay không? Mà phủ Thiên trường sát quốc lộ là nơi bọn quan quân hay qua lại...

Xét ra kế nào cũng chưa thật ổn. Cuối cùng, người xã trưởng nói :

– Tôi biết, chỉ có một người cứu được phu nhân trong lúc này mà thôi.

– Là ai, là ai vậy? Nói mau lên cụ xã trưởng.

– Xin đừng có nôn nóng... Tôi chưa thè nói lộ ngay tên, tuỗi... Chỉ biết là tôi có thè di tìm được người ấy về đây để hộ tống phu nhân đến một nơi hoàn toàn yên ổn, nếu bà con chúng ta chịu ưng thuận cho một điều...

– Cứ nói lên xem nào! Cứu được phu nhân thì dù có gấp trăm điều khó khăn, chúng tôi cũng không quản nữa là một điều!

– Vâng, tôi xin nói, bà con ạ, trong khi tôi đi vắng, nếu tên Tả hình Tạ Thanh đến đây lùng nã phu nhân thì xin bà con cứ làm đúng theo lời tôi dặn như thế này...

Nghe xong, mọi người reo lên sung sướng :

– Cụ xã trưởng cao kiến lắm! Có khó gì điều đó. Chúng tôi sẽ làm đúng như lời cụ dặn.

**

Đất nước lại phải bước vào vòng binh lửa!

Cái chí hận thù nung nấu đánh giặc kỳ cho giặc phải van xin đầu hàng, cái tâm đồng cam cộng khò cùng ba quân thiên hạ « nêu hiệu, gậy làm cờ, tụ tập khắp bốn phương manh liệt; thất quân, rượu hòa nước, dưới trên đều một bụng cha con » (1) như ở các bậc thánh quân thì đã lùi xa vào thời kỳ quá vãng.

Nguyễn Trãi, bậc lão thẩn tài kiêm văn võ, ngôi sao rực sáng ở phương Nam... ánh hùng tinh đó đã lịm tắt trong bầu trời đầy mây mù oan khuất.

(1) *Bình Ngô đại cáo* do Nguyễn Trãi soạn.

Các bậc đại thần dũng lược như Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Lê Bảo, Lê Yên, Lê Bôi... tuy dội mõ mặc áo đương triều nhưng lại không được tin dùng!

Vua còn nhỏ tuồi, quyền hành ở cả trong tay Tuyên từ Nguyễn Thị Anh và bè lũ hoạn quan xiêm nịnh...

Tình trạng áy tạo thời vận lăm le kiếm chác cho bọn giặc cướp bên ngoài vốn dĩ đã mon men nhòm ngó bờ cõi nước Đại Việt từ lâu. Trước nguy cơ bị ngoại xâm, hoàng thái hậu và triều đình không bàn tính đến kế luyện võ bị, tích lương thảo để phòng giữ Tò quốc, lại gây thêm ta thán lòng người bằng những việc làm hèn hạ, độc ác như việc mưu hại bà Phạm Thị Mẫn.

Trong khi Tả hình Tạ Thanh hùng hổ mang quân về bủa vây làng Đoài thì bọn tướng giặc ngoại bang cũng bí mật mang quân đến cướp phá thành Châu Hóa (Thừa Thiên). Bấy giờ vào cuối mùa hạ năm Bình Dần. Tin cấp báo về kinh sư, Tuyên từ Nguyễn Thị Anh ôm vua Nhân Tôn vào lòng, rồi cuống quýt triệu tập lũ hoạn quan cận vệ. Bọn này dứa cáo ôm, dứa vin vào tuồi già mỏi mệt, dứa thi kiếm cớ làng tránh... Không còn cách nào khác, cùng đường, thái hậu dàn hịch muối mặt « hỏi thăm » đến các vị cựu thần của tiền triều. Dương nhiên khi nước có biến, các vị không bao giờ khước từ lời hiệu triệu cứu nguy cho xã tắc. Thế là Thái Bảo Lê Bôi lại thống lĩnh mười vạn quân gấp rút lên đường.

Biết quân ta thế mạnh, quân giặc bỏ trống mặt tiền cho ta nhập thành dễ dàng rồi chúng lặng lẽ rút lui về án ngữ dọc hai phía tả và hữu ngạn sông Hương. Ở đây thủy quân của chúng hoạt động ráo riết. Đường tiếp viện, chuyền lương của ta các ngả đều bị cắt đứt. Tiến thoái lưỡng nan, quân sĩ ta bắt đầu xao xuyến. Trước tình thế ấy, Thái Bảo Lê Bôi hội các tướng lĩnh lại bàn rằng : « Ta tiến đại binh phá giặc, không dè lại rơi vào giữa vòng vây của chúng ; bây giờ rút lui cũng chết, nằm chờ quân ứng cứu

cũng chết. Chỉ còn một kế là lấy nguy giải nguy tìm cách đột nhập vào sào huyệt của giặc, bắt sống tướng giặc. Nhưng quân ta không quen đánh nhau dưới nước mà chiến thuyền giặc san sát mặt sông, làm sao có thể nhận ra lâu thuyền chỉ huy của chúng. Ai là người dám nhận làm nồi việc đó?

Đến đây cần nhắc lại việc tên hoạn quan họ Tạ vâng mệnh Tuyên từ Nguyễn Thị Anh đi lùng bắt bà Phạm Thị Mẫn. Gần tới địa phận làng Đoài, Tạ Thanh cho rải quân bao quanh vùng rồi hắn tự thân đi tìm người xã trưởng. Không tìm thấy cụ đầu cả, hắn nồi xung đọa nạt những người dân chung quanh:

— Ta là quan Tả hình Tạ Thanh cầm quân triều đình về què các người lùng bắt vợ tên nghịch thần Nguyễn Trãi còn sống sót ở đây (hắn vừa nói vừa chìa tờ chiếu chỉ nhà vua ra). Ta đã sức lệnh trước cho chức dịch trong làng phải tìm bắt bằng được tội phạm đem giải nộp, tại sao bọn bay dám trái lệnh hứ! Tên xã trưởng bỏ nhà đi đâu? Phạm Thị Mẫn ăn náu ở đâu? Các ngươi phải tường khai ngay, không thì ta chém đầu cả lũ.

Nhưng mọi người đã được cụ xã trưởng dặn dò từ trước, đều trả lời một phách giống nhau:

— Bầm thượng quan... Đúng là có một người đàn bà xa lạ, bụng chứa vượt mặt, lâu nay vẫn sống quanh quất ở vùng chúng tôi. Hôm tiếp được tờ sức của quan trên, so sánh nhân dạng tội phạm trong căn cước với hình dáng người thực, dân làng chúng tôi mới vỡ lẽ đó là Phạm Thị... Cụ xã trưởng tức khắc cho bắt trói lại đè giải nộp thượng quan. Không ngờ tội phạm gan góc quá, ngay đêm hôm ấy cắn lưỡi tự vẫn. Cụ xã trưởng lo mắc tội lớn với triều đình nên đã bỏ trốn, dạ... dân làng chúng tôi phải xúm nhau lại chôn cất người đàn bà xấu số mới được vài hôm nay...

Ngẫm nghĩ một lát, Tạ Thanh ranh mãnh hỏi:

— Thế các người có giữ lại vật gì đè làm băng chứng không?



... không thì ta chém đầu cả lũ.

Một người tự nhận là chức dịch trong làng với xin phép
trở về nhà lấy mày thứ rồi trở lại, khum núm thưa:

– Dạ... dây một đôi khuyên đeo tai bằng vàng, một
chiếc hộp đựng trầu sơn màu sáp ong, và một cái đón tóc,
hẹch còn niêm phong nguyên vẹn, xin đem nộp lại
thượng quan.

Ta Thanh trông thấy của, hip cả mắt. Hắn nhầm xong
ngay một con tinh: Đôi khuyên tai vàng thì dứt túi làm
của riêng. Còn chiếc hộp trầu và cái đón tóc (dáng gì những
thứ ấy!) sẽ đem dâng lên thái hậu, ch... ạc... dè gọi là làm
tang vật, chứ Tạ Thanh này còn phải đến tận nơi tra xét
tường tận chứ...

Rồi Tả hình bắt viên chức dịch sở tại phải dẫn hắn đến
ngôi mà mới ở bái tha ma đầu làng. Mặc dầu đã đọc đi đọc
lại mấy hàng chữ viết trên tấm thẻ tre thay cho mờ chi:
mộ phần bà Thị Mẫn, họ Phạm, thác mệnh ngày tháng năm,
đàn làng mai táng tại... đặt tên thụy ⁽¹⁾ là..., Tạ Thanh vẫn
nửa tin, nửa ngờ. Hắn bắt nọn người chức dịch bằng một
câu nói lắp lùng:

– Ta khó lòng có thể tin được ở bọn các ngươi...

Thay cho lời đáp lại hắn, là những nhát cuốc bồ xuống
ngôi mộ tới tấp. Đến khi từ lòng đất lộ ra một góc chiếc
quan tài xông lên mùi thịt thối đến nôn mửa, bấy giờ Tạ
Thanh mới thở phào nhẹ nhõm. Hắn xua tay ra hiệu:

– Lắp huyệt mau! Thể là dù rồi...

Tên gian thần ngu ngốc ấy yên chí tự cho hắn là kè
khôn ngoan qui quyết nhất đời. Hắn có biết đâu rằng ngôi
mộ hắn vừa đến tra xét chỉ là ngôi mộ giả, trong áo quan
đựng xác một con dê đã thối rữa mà thôi... Và trong khi
Tuyên từ Nguyễn Thị Anh hí hửng tưởng đã « làm cỏ » tận
gốc sạch sành sanh ba họ nhà quan Thừa chỉ thì, theo kè

(1) *Tên thụy* : tên đặt cho người chết.

sách người xã trưởng làng Đoài, một chiếc thuyền nhỏ đã vượt eo sông Đáy giong buồm mải miết không kè ngày đêm, hộ tống bà Phạm Thị Mân đến tận đất Bồn Man (Lào). Người lái chiếc thuyền đó cứu thoát Phạm phu nhân là một chàng trai lực lưỡng, mòn sinh cũ của Nguyễn Trãi, tên gọi Lê Đàm.

Đến Bồn Man, Lê Đàm định gửi Phạm phu nhân về nhờ gia đình một người Việt cũng là bạn trong đạo đồng môn, không may người này vừa lâm bệnh, chết. Phạm phu nhân lại sắp đến tháng sinh đẻ, không thể kham những việc nặng nhọc. Thế là Đàm phải cùng ở lại với phu nhân, giúp đỡ cách sinh nhai. Người ta thấy chàng thanh niên ấy suốt ngày xoay tròn ra, làm đủ mọi việc, nào là dẵn gõ, chặt tre dựng lán, nào là khai mương, dốt rãy, trồng ngô, tía lúa. Lúc rảnh việc, lại tìm nơi thanh vắng ôn văn, luyện võ. Tuy nhiên, Đàm vẫn dành thời giờ, lẩn la thăm hỏi hoặc giúp đỡ những gia đình neo đơn ở chung quanh. Nhờ vậy, khi Phạm phu nhân sinh ra một chú bé và đặt tên là Anh Võ, bà con người Việt và cư dân người Bồn Man lui tới thân thiết lắm. Người cho lon muối, người tặng chiếc khăn dắt dệt bằng thô cầm, người không có cửa thì giúp công, đến khâu vá, giặt giũ cho mẹ, cho con.

Ròng rã nửa năm trời ở nơi đất khách, mẹ con dạng sống chung với nhau ấm cúng, bỗng dung một ngày kia bà Phạm gọi Lê Đàm vào nhủ:

— Anh Võ đã cứng cáp, bây giờ một mình mẹ cũng đủ săn sóc em được rồi. Bên kia dãy Trường Sơn, giặc ngoại bang đang tàn sát quê hương, con phải mau lo về trả nợ nước!

Lê Đàm cúi đầu ngẫm nghĩ « Ngày xưa Thầy dạy ta: Làm trai thời bình lo văn nghiệp, lúc quốc gia hữu sự phải xếp bút nghiên đeo gươm ra trận, đó là lẽ thường tình ». Rồi không dám trái lời Phạm phu nhân, Đàm dành gắt nước mắt chia tay...

Lê Đàm về nước vừa lúc Thái Bảo Lê Bôi sắp khóa sò tuyên binh. Chàng không kịp trở lại thăm xóm cũ bên hồ Đàm Đàm và các bạn đồng môn ở phường Báo Thiên (Thăng Long) mà chỉ kịp dừng lại ở huyện Sơn Nam. Chàng tìm gặp cụ xã trưởng làng Đoài, báo cho cụ biết việc nghĩa được giao đã làm tròn rồi chàng xin cụ cho ghi tên vào danh sách những tráng dinh địa phương tình nguyện sung vào đội quân của quan Thái Bảo...

... Lúc này đây nghe những lời cáo cấp truyền xuống hàng quân, Lê Đàm mặt đỏ bừng, tóc dựng ngược, cẩn bật cả máu mũi suy nghĩ:

« Kiêu ngạo đến như bọn tướng tá nhà Minh mà đối mặt với quân binh Đại Việt cũng đã từng phải sợ vỡ mặt, chạy tháo thân, đến nỗi máu chảy đầy đòng, thay chồng thành núi, « cứu binh hai lộ kéo sang chưa quay chân đã bại » « cường khầu các thành khiếp sợ đều cởi giáp ra hàng »⁽¹⁾, huống hồ bọn giặc nhái nhép này bây giờ lại dám liều lĩnh vây hãm quân ta? Phải cho chúng biết tay mới được! Nhưng xưa kia, thầy cũng từng dạy ta: « Dũng không bằng mưu, mà muôn đạt mưu cao, trước hết phải có gan vàng dạ sắt... »

Đêm hôm ấy trời không trăng sao, Đàm chỉ đóng một cái khố dỏ. Chàng hít một hơi thật mạnh rồi nín thở ngụp xuống dòng Hương Giang. Đây là lúc người con trai bên hồ Đàm Đàm trồ hết tài bơi, lặn. Đàm lướt mình như cá lườn qua những dải nước sáng là khu vực dàn trận của thủy quân giặc. Chàng lặn đến chiến thuyền chỉ huy, ló đầu nhìn vào lầu thuyền, thấy tên Đô soái giặc đang ngặt ngoắng ngồi uống rượu. Chàng men đến sát chỗ hắn, du nhẹ mình lên khoang... và nhanh như cắt, tên tướng giặc chưa kịp trợn mắt há mồm, bằng một miếng võ hiềm chàng đã khiến hắn phải ngồi cứng dờ tại chỗ, tay chân trở thành vô dụng. Ung dung Đàm cởi áo ngoài của hắn khoác vào mình, lấy gươm

(1) Bình Ngõ đại cáo.



... Chàng lắn đến chiến thuyền chỉ huy.

của hắn deo vào bên hông, tước thẻ hiệu cài vào ngực, đeo mū kim cương lên đầu, xong đâu đấy, chàng mới đánh thức hai tên lính hộ vệ dậy. Bọn này chỉ là đồ nhát gan! Vừa định thần nhìn thấy chủ soái ngồi thất đàm mặt trăng bênh và đứng trước là một vị tướng khác lạ, như người mới ở thủy cung hiện lên, chúng «ngọng» cả tay chân, sụp xuống lạy rít rít. Lê Đàm bèn ra hiệu bắt hai đứa phải lặng lẽ làm theo mệnh lệnh của mình: lái chiến thuyền chỉ huy của Đô soái ra khỏi ngã ba sông để đi về phía quân ta...

Sự việc kết thúc nhanh chóng bất ngờ. Sáng hôm sau, tin tướng giặc bí mật len về đầu hàng quan Thái Bảo loan di khắp thành Châu-Hoa. Quân ta đốt pháo ăn mừng. Còn quân, tướng giặc thì bàng hoàng, hốt hoảng. Chúng tranh nhau tháo lui, chiến thuyền va vào nhau nhấn chìm xuống sông Hương hàng nghìn xác chết...

Sau chiến công đó, Lê Đàm được trọng thưởng. Thái Bao Lê Bôi triệu chàng đến trung quân phong cho chức tước. Chàng sẽ sàng thưa:

— Tôi vốn quen cầm bút lông, gặp lúc nước có biến mới phải vở lấy cung, kiếm. Nay giặc đã tan, xin tướng công cho tôi được trở lại cuộc đời kẻ sĩ.

Bấy giờ nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao đã được cởi án về sống riêng biệt ở chùa Huy Văn. Con trai nguyên phi là Tư Thành cũng vừa được phong làm Bình Nguyên vương. Bình Nguyên vương còn trẻ tuổi, phủ đệ cần một chức quan Thân tùy kiêm học sĩ. Thấy Lê Đàm vừa có tài văn võ, vừa có đức khiêm nhường, quan Thái Bảo đem lòng mến phục mới tiến cử chàng tòng giữ chức ấy. Từ đây, họ Lê lại về sống giữa kinh sư, nhưng khác xưa, không còn là một người học trò nghèo bên hồ Đàm Đàm mà trở thành một đường quan ngồi trong vương phủ có nhiều dịp tiếp xúc với những bậc công, hầu, khanh, tướng.



Dến gốc cây đa đầu làng, trang thanh niên ghìm cương cho con tuần mã đứng lại, nhẹ nhàng nhảy xuống đất rồi bước vào một quán nước. Có tới hàng chục nam nữ ngồi la liệt trên hai chiếc chõng tre kê ở phía trong quầy hàng. Thấy khách từ xa tới, một người đứng cuối nhất trong bọn họ rót ra một bát nước chè tươi bốc khói, đứng lên đón dà :

— Mọi công tử dùng tạm rồi nghỉ chân cho đỡ mệt. Hôm nay cụ chủ quán bận chút việc, nhưng không sao... nếu công tử muốn lên núi cứ gửi ngựa lại, sẽ có người trông nom từ tế.

Càng thanh niên lẽ độ chào mọi người và tự nhiên đỡ lấy bát nước nóng uống một cách ngon lành. Trong quán bát đầu nồi lên những tiếng xì xào :

- ... Chắc là ở kinh sư mới về ?
- Trông quen quen..., ở... mà không có lẽ ! Cậu khóa năm xưa có dâu cao lớn chóng thế này ?
- Nay,... ăn mặc không có gì kiêu cách sao vẫn ra dáng hơn cánh trai làng mình ?
- Gớm, chưa gì đã say như điếu dò...
- Thôi đi, dừng có nhà nhớt cô mình !

Dùng là trang thanh niên có tướng mạo khôi ngô thật : mặt vuông chữ điền, mũi cao, trán rộng, đôi mắt người sáng và dăm chiêu. Càng không dè ý đến những lời bàn tán vì còn mải quan sát ngõi hàng. « Ủ... cũng không có gì khác với những năm trước là mấy... Văn trên cùng là tấm ván mỏng manh đỡ bằng hai sợi dây mây đã ám khói, thay cho ban thờ gia tiên. Văn chiếc án thư cũ kỹ kê sát ở vách gian giữa, ở đó còn giữ nguyên những nét chữ chân phuong viết trên nền giấy hồng điều. Văn đôi câu đối chúc tết dán vào hai bên cột luồng, cột bên phải mắc một vành khăn đã sờn ố ngả màu nước dưa, cột bên trái treo một cây đàn tì bà mạn nhện chằng dày các phím. Văn chiếc điếu cày bằng tre nơi tay cầm lâu ngày lên nước bóng như sừng.

Vẫn những chiếc vùa⁽¹⁾ úp theo hình chữ nhất trên quầy hàng dán băng những nan tre vót nhô. Cảnh trí không thay đổi nhưng chủ nhà thì sao? Hay là cụ chủ quán... không còn nữa? Và những người túm tụm ở đây là ai? Sao hôm nay không phải ngày cúng tuần mà lại thoang thoảng mùi hương?...»

Chàng thanh niên đang lưỡng lự thì một ông cụ dáng quen thuộc từ trong nhà bước ra, bên vai lủng lẳng một chiếc ống quyền⁽²⁾. Chàng hết sức mừng rỡ, vội bước tới nắm lấy tay ông già:

— Lão trượng còn nhớ cháu không?

Ông cụ giụi mắt hai ba lần, ngược lên ngắm nghĩa khách, sung sướng reo lên:

— Trời ơi, cậu Đàm..., à... quan Thân tùy Lê Đàm... Giảm phải vết chân thằn Phù Đổng hay sao mà cậu, à... quan Thân tùy lớn như thòi. Nếu không nghe tiếng nói và không nhìn kỹ vết sẹo ở đuôi mắt thì lão không tài nào nhận ra được!

Lê Đàm ngượng nghịu:

— Xin lão trượng cứ coi cháu như những ngày ông cháu mình còn sống chung với nhau.

Cụ chủ quán cười vui vẻ rồi hướng về đám đông, hăng hái nói như phân bua:

— Hồi dội quân của quan Thái Bảo thắng trận trở về, đâu đâu người ta cũng nhắc đến chiến công Lê Đàm, bấy giờ lão đoán ngay là cậu Đàm mồn sinh nhỏ tuồi nhất của quan Thừa chỉ, ngày xưa vẫn tro học ở quán lão, thế mà chẳng đúng là gì? Chà! Hồi đó quan Thân tùy mới độ 14, 15 tuồi

(1) Vùa: loại bát to và nồng làm bằng đất nung, chuyên dùng để đựng nước uống.

(2) Ông dụng sách thường làm bằng tre.

mà nét chữ già dặn đáo dè! Lão vẫn còn giữ bút tích. Tờ giấy hồng điều dán ở vách kia kia!

Đám đông trở nên náo nhiệt:

– Đấy nhé, tôi đã bảo mà! Cứ ngờ ngợ mãi, hóa ra là cậu khóa Đàm ngày xưa thật!

– ... Có phải hồi ấy chúng mình thả trâu bên bờ, chiều về nước lên to phải đội cỏ trên đầu cưỡi trâu qua sông không? Còn cậu ấy thì đi học ở bên kia bờ về, cứ một tay ôm quần áo, một tay cầm bút, sách, lội qua xuống sông, hai chân đạp nước thẳng lưng như người đi trên bộ, bọn mình cố thúc trâu bơi nhanh dè trêu mà đuổi không kịp... Thảo nào, bơi lội tài như thế cho nên lúc thủy chiến với giặc mới bắt sống được tướng giặc dễ dàng như thế chứ?

Mỗi người tranh góp một dải câu. Không còn ai phân biệt chủ, khách nữa. Người ta coi Lê Đàm thực sự như người anh em lâu ngày đi xa về. Người ta lưu líu tranh nhau hỏi Lê Đàm dù thứ chuyện: chuyện đánh nhau ở thành Châu Hóa, chuyện hộ tống Phạm phu nhân đi Bồn Man, chuyện làm quan ở phủ Bình Nguyên vương... Một thôn nữ, người nhỏ nhắn, chít khăn mỏ quạ, mặc yếm cõi xe nhuộm nau non, ngồi sát bên cạnh cụ chủ quán, nhìn Lê Đàm một cách hóm hỉnh rồi mới cất giọng :

– Hàng ngày em từ dưới xóm lên rừng Côn Sơn di hái củi, trèo núi phải qua một cái động gọi là động Thanh Hu, xuống khe phải qua một cái cầu gọi là cầu Thấu Ngọc. Em chỉ biết những cái đó có sự tích gần gũi với cụ Trãi, còn sự tích ra sao mà lại đặt tên như thế thì em chịu. Xin được các bác, các anh và nhất là người học rộng như quan Thành tùy ở đây dẫn giải cho.

Lê Đàm muôn yên lặng, hiếm một nỗi mọi người đều đồng tình với thôn nữ, khâm khoản muôn được nghe chàng nói, thành ra chàng phải đứng dậy.

— Thưa bà con, — Lê Đàm dãy tích rành rọt — động Thanh Hư trên đỉnh Côn Sơn nguyên là di tích am Bạch Vân, nơi trú ẩn của sư Pháp Loa thuở xưa. Đến đời Trần, động này mới biến thành nơi dưỡng nhàn của ông ngoại quan Thừa chỉ là quan Tư đồ Trần Nguyên Dán.

Như bà con biết, tuồi nhỏ, quan Thừa chỉ thường sống ở đây với ông ngoại. Sau này, khi cáo quan, rời bỏ kinh sư. Người lại trở về đây ẩn dật Theo Người dãy giải thì động Thanh Hư nghĩa là cái động có « bóng mát đê nghỉ, chỗ vắng đê ngồi, mùi thơm đê ngửi, sắc màu đê ngắm ; xa vời mà hư không, sâu thẳm mà yên lặng »...

Trong khi đó, nghe có tiếng xì xào ở phía cuối, thôn nữ lại tỏ ra sốt ruột.

— Xin các bác, các anh thư thư hãy bàn luận, đê cho quan Thân tùy kè nốt đi dã nào !

Lê Đàm quay về phía thôn nữ lúc này hai gò má nàng đang ửng đỏ. Chàng nói tiếp :

— ... Còn cái cầu thôn nữ vừa nhắc đến thì chính là chiếc cầu do quan Tư đồ cho bắc. Trong bài ký « *Thanh Hư động* » của thân phụ quan Thừa chỉ ⁽¹⁾ có nói đến sự tích cầu Thấu Ngọc. Vâng, ngày xưa từ động Thanh Hư, theo hướng đông nam, vách lau lách di xuống, có một cái khe khúc khuỷu. Bờ khe bên kia chênh vênh một tảng đá phẳng phiu, màu gan gà, rộng bằng chiếc nong lớn. Thuở sinh thời, quan Tư đồ cũng như cháu ngoại của Người là quan Thừa chỉ, những будi trời trong gió mát thường lội qua khe đê trèo lên tảng đá nằm ngâm thơ hoặc nghe lá rụng. Thuở đó, khe bao giờ cũng đầy ắp và nước chảy xiết tuôn mau nén quan Tư đồ mới cho bắc chiếc cầu bằng đá và đặt tên là cầu Thấu Ngọc.

Lê Đàm vừa dứt lời, cụ chủ quán nói: Lão tiếc răng lão già rồi, không sống được bao lâu nữa. Nhưng chừng

(1) *Tác Nguyện Phi Khanh*

nào mức bát nước chè mời khách còn thấy được hơi nóng bốc lên thì chừng đó lão còn chăm đọc sách. Đây! Những điều quan Thân tùy vừa tả về động Thanh Hư, và cầu Thầu Ngọc... ở trong tập sách cũ này — cụ chủ quán rút từ trong ống quyền ra một cuốn sách chữ nho — đều có thuật ti mi cả. Tập «Băng hồ di sự lục» này — cụ chủ quán giờ cao cuốn sách lên —, trong đây quan Thừa chỉ đã ghi lại tất cả những kỷ niệm của Ngài đối với ông ngoại là Băng hồ tiên sinh Trần Nguyên Dán, là bản chép tay di cảo duy nhất của quan Thừa chỉ mà lão còn cất giấu được sau cuộc lùng xét của quan quân...

Cụ chủ quán vẫn nói không biết mệt mỏi:

— Quan Thừa chỉ mất đi nhưng môn sinh của Ngài, người kế nghiệp của Ngài còn lại rất nhiều. Dân làng ta không sợ thiếu chỗ học!

Lão liếc mắt, ý tứ nhìn Lê Đàm:

— Lão biết ở ngay chùa Tư Ân bên cạnh chùa Tư Phúc cách đây không đầy hai dặm, có một nhà sư thật hay chữ. Nếu ở đây ai muốn tới đó học, lão sẽ nói với quan Thân tùy đảm đương băng được nhà sư nhận lời cho...

Lê Đàm nhận thấy cụ chủ quán vẫn sống hồ hởi với mọi người như xưa...

Đến khi từ tạ bà con dân làng, chàng còn vắng vắng bên tai những lời lẽ của cụ. Lão trượng khuyên mọi người phải học, tìm sách, tìm thầy mà học. Còn ta, ta phải tự răn mình: Học thầy, học sách chưa đủ. Ta còn phải tìm học ở nhiều thứ khác nữa. «Đi một ngày đường học một sàng khôn», thì học ngay tấm lòng nhân nghĩa, tinh thần hiếu học của cụ chủ quán và bà con dân làng, chứ còn phải học ở đâu xa nữa?

Lòng làng lâng, chàng đi về phía chân núi.



Đường lên núi Côn Sơn gần tầm mắt mà ngái bước chân.
Hết mây dài rừng tre, lau rậm rạp, đến những đồi thông
trắng trùng điệp điệp. Màu xanh và màu xanh trải ra bát
ngát. ¶

Lên cao, càng lên cao, nhìn ra bốn bề thấy núi liền núi,
sông liền sông, uốn khúc theo hình vành cung như những
hào lũy bao bọc lấy Côn Sơn. Xa xa là núi Vạn Kiếp và
sông Lục Đầu sóng bạc dồn lên lớp lớp, còn ghi dấu chiến
công oanh liệt của Trần Hưng Đạo đánh thắng quân Nguyên.
Gần hơn chút nữa, về phía nam là núi Phượng Hoàng.
Tương truyền Chu Văn An dâng sớ « thất trâm » xin chém
đầu bảy kẻ gian thần, không được nhà vua chấp thuận nên
đã bỏ quan về đây mở trường dạy học...

Lê Đàm leo lên tới đỉnh núi, mặt trời chiều vừa lặn.
Mảnh trăng thu hiện ra lấp ló đồi thông. Tiếng suối róc
rách hòa với tiếng lá reo không làm chàng vui tai hưng chí.
Chàng lần đến một chỗ quen thuộc. Nếu không tìm thấy
hai gốc cây mơ già và một phiến đá hình bàn cờ bằng
phẳng, có lẽ chàng không nhận ra được đây là nơi những
năm về trước, mình đã từng ôm ấp sách đèn. Tường cao
cửa rộng biến di đâu mất, chỉ để trơ lại một đám ngói gạch
hoang tàn. Bụi mầu đơn thiêú tay người chăm sóc, trông
cũng xác xơ như mấy khóm tóc tiên. Rêu xanh phủ lấp lối
đi. Lác đác dây dو những mảnh chum, vại hoặc vài cái
nghiên mực vỡ. Đâu là nơi mái trường đồng vui, xưa từng
vang lên tiếng giảng bài sang sảng, giọng bình văn réo rắt...,
Thầy ⁽¹⁾ ngồi xếp bằng tròn trên một chiếc chiếu cắp vải
diều, một tay tựa chồng gối xếp, một tay giở trang sách cũ,
mắt hiền từ bao quát nhìn những tấm lưng dài dãy ngang.
dãy dọc? Lúc đó, một chú trò nhỏ nhất lớp, được Thầy cho

(1) *Chú ý : Thầy viết hoa khi là danh từ chỉ định (chỉ Nguyễn Trãi), viết thường khi là danh từ chung.*

tập bài ở chiếu kè bên, thỉnh thoảng lại được Thầy sai già trầu hay mài mục. Chú trò nhỏ ấy học sáng, chữ đẹp nhưng phải tội ham chơi. Có một lần — lâu lắm rồi, từ những ngày mới nhập môn — vì mải vui bạn, xuống núi đưa bơi ở đầm sen, chú không thuộc bài nên bị thầy phạt. Thầy không dùng roi vọt, cũng không hề quở mắng, chỉ hạn hặt hôm đó phải làm xong một bài văn tả thân thế của mình. Đúng hẹn, trò nộp bài, thầy xem qua rồi hỏi:

— Con tả có chân thực không?

— Thưa thầy, nghĩ sao con viết vậy, không dám dùng lời văn đưa dầy.

Thầy bảo đọc to lên cho cả lớp cùng nghe. Chú bé mới đọc được một phần bài thì giọng run run rồi tự nhiên òa lên khóc...

Chú bé đó sinh ra trong một túp lều tranh bên hồ Đàm Đàm. Chú là con một cặp vợ chồng nghèo rớt mồng tơi, làm nghề đánh cá. Năm chú mới lên tám, giặc ngoại bang đến quấy rối biên thùy. Vua xuống chiếu tuyên người di đánh giặc. Những kè giàu sang đều ở lại kinh thành nhờn nhơ rong chơi, còn những trai tráng bạch dinh phải từ giã vợ con, đội nón dẫu, cắp giáo lên đường. Lần đó, người dân chài chất phác, cha của chú bé ra đi rồi không bao giờ trở lại nữa. Chú bé mồ côi cha phải ngày đêm theo mẹ di thà câu, chǎng lưới. Làm vất và mà không đủ ăn. Năm đó không may xóm chài bị hỏa hoạn, mấy chục túp lều ven hồ phút chốc biến thành tro bụi. Từ đó, mui thuyền rách là nhà, ngày nắng đêm sương, hai mẹ con lênh đênh trên mặt nước. Gặp lúc hạn hán mất mùa, nửa sáo cá tươi đem đổi gạo không đủ cho mẹ con được một bữa no bụng. Đã thế, bọn quân quan lại quấy nhiễu luôn. Một hôm lặng trời, chú bé thả câu gặp may kiếm được một con chép to lầm, bè ngang do túi hai gang tay người lớn. Mẹ mừng thầm, và đưa con hí hùng gác ngay thuyền, mang cá vào phố bán. Đi gần đến còng một

tòa lâu dài ở phía nam thì gặp một người đàn ông sang trọng hỏi mua. Chú bé đòi bao nhiêu, gã gật đầu nhận lời bấy nhiêu. Nhưng không trả tiền, gã cứ xách cá lùi lùi đi. Chú bé chạy theo, gã liền phùng má, tráo mắt, nạt:

— Thằng nhãi con! Muốn trở về với mẹ mày hay là muốn deo gông? Mày ngu dại mới lần đầu chưa biết đó thõi con à, chứ ở khắp dãy phố này bao năm ta hay già nhân của ta mua bán thức gì có kẻ nào dám đòi tiền bao giờ!

Chú bé định gào to: «Mặc ông với người ta, còn ông mua cá của tôi thì ông cứ phải xia tiền». Song không kịp, kẻ sang trọng kia đã bước thẳng vào cồng và khép chặt cánh cửa lim nặng nề lại. Chú bé giậm chân đập cửa thình thình, sưng cả tay... Vừa lúc đó, chú thấy một cỗ kiệu sơn son thếp vàng có linh hồn mặc áo đỏ, nẹp xanh, trương cờ che lọng hai bên, đang tiến về phía chú. Không ngần ngừ, chú ra đứng giữa đường chǎn ngang lối đi. Bọn lính hét ầm lên:

— Thằng bé con nào to gan thế, không biết kiệu của quan Thừa chỉ đang hành tốc vào triều có việc gấp hay sao mà dám gây cản trở?

Chú bé vẫn cứ đứng trơ trơ không chịu đep sang bên. Tên lính đi đầu rút hèo ra sấp vụt vào lưng chú thì có tiếng can ngăn. Rồi dòn kiệu tức thì hạ xuống. Từ trong bước ra một ông già trán cao, mắt sáng, râu bạc, đội mũ cánh chuồn, mặc áo gấm đỏ. Ông nhìn chú bé từ đầu đến chân, đoạn vuốt râu mim cười:

— Được, ta có thè nán lại giây lát. Chẳng hay có điều gì muốn nói đó con?

Nghe tiếng ông già vang như chuông mà lại ấm áp, chú bé bình tĩnh chắp tay đưa ngang trán:

— Bầm quẩn... oan ức lắm! Người ta ăn cướp mất con cá của hai mẹ con...

— Kẻ nào ăn cướp giữa ban ngày?

— Một ông lớn. Ở trong cái cồng kia. — Chú bé chỉ tay về phía sau.

— Thế thì biết làm thế nào, cả cá lăn người cướp cá đều không có ở đây... Bây giờ con nói đi, con cần gì?

— Bầm quan... đối với người giàu sang, một bùa cá tươi chỉ thêm phần ngon miệng. Nhưng hai mẹ con chúng con mất con cá kia là phải nhịn ăn mất một ngày...

Quan Thừa chỉ không nghe hết, lảng lặng thở dài, móc trong túi ra một nén bạc trao cho chú bé:

— Ta tin ở điều con nói. Thôi, ta đèn cho, con hãy cầm lấy!

— Ô hay! Sao quan lại phải đèn? Con không cầm bạc như vậy đâu?

Chú bé nói gần như cãi lại — Người có đủ tai, mắt, tay, chân phải làm lấy mà ăn. Mẹ con thường bảo con hàng ngày, không được tham lam lấy không của người khác. Con có bán cá cho quan đâu mà con đi nhận tiền cơ chứ?

Thấy Ông già chăm chú nghe mình, chú bé lại đánh bạo nói:

— Con nghĩ quan là người của triều đình, gấp điều oan, úc thì còn kêu xét. Nếu quan không xét được, xin cho con theo kiệu vào cung kêu với đức vua...

Ngay hôm ấy không cần phải đè chú bé kêu đến tai vua, quan Thừa chỉ đã dò ra mạnh mẽ. Thật là trút trêu! Kè cướp giật giữa ban ngày lại là quan Giám ti, người anh em con dì với nguyên phi Nguyễn Thị Anh, từng ý thế là hoàng thân hoàng thích, làm nhiều điều xấu xa. Sợ quan Thừa chỉ làm ra lẽ, nguyên phi giãy nảy lên: «Ông Trãi đừng có bốc lửa bỏ bàn tay đè hòng nhục mạ ta. Người như anh ta, cần một lúc hàng chục thuyền cá đầy ắp cũng có ngay, việc gì phải đi làm cái trò đó!» Nguyễn Trãi xin vua cho gọi chú bé con và người nấu bếp của Giám ti vào đè truy vấn rồi sau đó đổi chất, Thái Tôn gạt đi...

Vì chuyện đó, quan Thừa chỉ mấy đêm về mất ngủ, bạc tóc thêm, nhưng Ngài lại tự an ủi: «Có chuyện rắc rối này, ta mới biết thêm được một em bé gan dạ, trung thực; những em bé như em bé thuyền chài biết đau chắng là cái phúc cho nòi giống mai sau?»

Những lúc rảnh rỗi việc quan, Thừa chỉ Nguyễn Trãi đi thường ngoạn Tây Hồ thường ghé vào thăm mẹ con người đánh cá. Quan Thừa chỉ giúp đỡ gì, người mẹ cũng không nhận. Bà chỉ ao ước một điều: làm thế nào cho con được theo học...

Ba năm sau, vào lúc Nguyễn Trãi cáo quan về ăn dật ở Côn Sơn và mở trường dạy học, ông không quên đến dón chú bé cùng đi. Bà mẹ nghèo sung sướng vì đã được toại nguyện. Rủi ro thay, hai mẹ con chia tay chưa được bao lâu, một buổi chiều đông tố bất ngờ, cơn gió giật bè gãy bay chèo, lật úp chiếc thuyền con và dìm sâu người mẹ tội nghiệp xuống đáy hồ... Từ đấy, chú bé mồ côi cả cha lẫn mẹ, chỉ còn người thân duy nhất trên đời là thầy học...

...Những dòng chữ trên trang giấy lần lượt hiện ra chuỗi ngày đau buồn, bất hạnh. Chú bé muốn lấy lại giọng bình thường để đọc tiếp nhưng cõi họng cứ nghẹn lại, nước mắt đầm đìa... Thầy không bắt bình văn nữa, mở tráp lấy vuông khăn lụa có thêu chữ vua ban, trao cho chú. Chờ trò lau khô nước mắt, thầy mới ôn tồn bảo :

— Thầy muốn cho con ôn bài học thân thể dề nhớ chuyện cũ mà lo lập thân, chờ đâu phải muốn nhìn con nhỏ lệ! Khóc là ủy mi. Kẻ trưởng phu phải biết gạt nước mắt mà nuôi chí lớn.

... Giờ đây đứng trên mảnh đất trường xưa kỷ niệm đặt dào ký ức, Lê Đàm càng thăm thía những lời dạy bảo của thầy. «Thầy dạy ta như thế và Thầy đã làm được như thế! Khi dâng thân phụ của Thầy bị giặc Minh bắt giải về Kim Lăng, Thầy đã từng theo đoàn xe tù lên ải Nam Quan

với ý định sang bên kia biên giới hầu hạ cha già trong lúc bị cầm tù. Đáng thân phụ của Thầy biết mình đi là không bao giờ trở về cố quốc nữa, nên nhân lúc vắng vẻ, nói với Thầy: «Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lộ là cứ đi theo cha khóc lóc như đàn bà mới là chí hiếu hay sao?»

Thầy gạt nước mắt từ biệt cha rồi quay trở lại đi tìm con đường «rửa nhục cho nước, trả thù cho cha».

Thầy đã trở về nước, nặn gai nấm mật hàng chục năm rồi mới tìm đến tận Lối Giang ra mắt Bình Định vương Lê Lợi, dâng «Bình Ngô sách». Vương hiều ngay rắng – dù đã từng đỗ tới thái học sinh, chí của Thầy khác hẳn với chí hạng người tầm thường, chỉ biết lấy vinh thân phì gia làm mục đích, do đó vương đã giữ Thầy luôn luôn ở bên mình, ngày đêm bàn mưu tính kế đánh quân Minh.

Quả vậy, thuở Thầy tìm đến với vương là thuở nhân tài còn «lác đác như lá mùa thu» tuấn kiệt còn «lừa thưa như sao buồm sớm». Nhưng chí của thầy là chí lớn của bậc đại nhân, đại nghĩa, «lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn», «lấy chí nhân mà thay cường bạo», cho nên Thầy đã cùng vương «quên ăn vì giận, thường nghiền ngẫm những sách lược thao», «lấy xưa nghiệm nay», «lấy yếu chống mạnh», «lấy ít địch nhiều»... nhờ vậy, cuối cùng «nhân dân và đất nước của mười lăm đạo nước ta đều đem về cho ta cả»⁽¹⁾

Nghe lời thân phụ giáo huấn, Thầy đã biết nuôi chí lớn, lập nên nghiệp lớn, còn ta – Lê Đàm này, một kẻ tiêu sinh tài hèn súc mọn – nhớ lời răn của Thầy, ta phải làm gì đây? Ôi! Người thầy chí tôn, chí kính! Xưa, tại nơi đây khi con khóc nỗi khờ đời con, Thầy đã trao cho vuông khăn quí tờ lời an ủi. Nay giờ Thầy không còn nữa để trường cũ hoang

(1) Những câu trong ngoặc kép thuộc đoạn này đều trích ở «Bình Ngô đại cáo» của Nguyễn Trãi.

tân, đè tròn cũ đến dây lạc loài cỏ quanh!... Không, con vẫn đang nhìn thấy Thầy ngồi xếp bằng tròn trên chiếc chiếu cạp vải điêu, một tay tựa chõng gối xếp, một tay giở trang sách cũ... Con nhìn thấy rõ cả vàng trán cao, đôi mắt tinh anh, chòm râu bạc như cước ăn giấu nụ cười thâm thúy. Và tiếng Thầy âm vang cả lớp:

... Mây tòa đầy nhả, mai đốt bách
Tùng reo quanh gối, tôi đun trà
Sứa mình chỉ biết lành hơn cả
Nên phật, đâu cần học lăm mà... (1)

Rồi lời Thầy dẫn giải: «...Đây nhả hơi mây bốc, vì buồm mai đốt gõ bách. Quanh gối tiếng tùng reo, lúc đêm pha nước chè. Sứa mình chỉ biết làm điều thiện là vui hơn cả. Lập thân chưa hẳn chỉ cần đọc sách nhiều là đủ...»

Và, cái bóng cao lồng lộng của Thầy đang tỏa sáng ra chung quanh. Con đọc thấy rồi... những khói sáng lung linh đang kết lại thành dòng chữ ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA. Con nguyện suốt đời di theo vàng hào quang đó. Xin Thầy mãi mãi dùi dắt con. Người thầy chí tôn chí kính! Con nguyện trọn giữ được niềm vui trong việc làm điều thiện, trọn giữ được tâm hồn tinh khiết, tấm lòng ngay thẳng đè nổi gót Thầy, thực hiện cái chí của Thầy trong thuở bình sinh...

Cơn gió núi tràn tới. Mảnh trăng thu vừa chui ra khỏi đám mây đen, hiện rõ trên đỉnh đầu. Từ xa một điệu ngâm vang tới:

«Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
Côn Sơn đá xám rêu phơi
Ta ngồi trên đá như ngồi thảm êm

(1) Bài « Ngẫu thành » trong Úc trai thi tập của Nguyễn Trãi.

*Côn Sơn bóng mát thìn tiên
Thông reo dặm biếc ta lèn ta nǎm x... (1)*

¶

Lê Đàm ngóng tai rồi lầm bầm: «Thơ như thế phải có giọng ngâm như thế mới xứng. Đúng là âm sắc của anh Cao ta trầm hùng mà man mác không thè lzeń với bất cứ giọng một ai». Chàng vội di xuống phía sườn núi. Thấp thoáng dưới hàng thông đang bước tới một người dong dòng cao, đầu đội mũ ni, chân di dép cỏ, cõe đeo tràng hạt. Lê Đàm xúc động chạy đến nắm lấy tay nhà sư. Nhà sư buông tay kêu lên, tỏ ý trách móc:

— Trời ơi, chú Lê! Mấy ngày rày mòn sinh khắp nơi lzeń lượt về bái lẽ Thầy mà ở phường Báo Thiên chưa thấy một ai... Tôi sốt ruột quá mới lững thững đi ra đây...

Lê Đàm cúi đầu, ân hận:

— ... Vì em ghé vào thăm cụ chủ quán và dân làng nên đè anh phải trông đợi. Xin Cao huynh tha lỗi cho. Chà! Em đang mải ngắm cảnh trường cũ thì chợt bừng tỉnh vì giọng ngâm rất sáng khoái của anh.

Hai người dắt tay nhau đến ngồi trên tảng đá bên cạnh một gốc thông già. Nhà sư nói:

— Ngồi đây cũng tiện. Có gì anh em ta đàm luận cùng nhau rồi sau đó hãy về chùa, chú nghĩ thế nào?

Lê Đàm lặng lẽ gật đầu.

Nhà tu hành dó không phải ai xa lạ, chính là sư Nhuệ ở chùa Tư Ân, người mà cụ chủ quán đầu làng mới nhắc tới hồi chiều. Sư Nhuệ là học trò Nguyễn Trãi nhưng là hạng môn sinh lớp trước, so với Lê Đàm. Nhuệ vốn người họ Cao, từ nhỏ đã theo cha lên đất kinh sư ăn học. Nhuệ học thông minh lǎn, đã có lần thầy học xin vua cho vào tập bài ở trường Quốc tử giám. Nhuệ vào Quốc tử giám chưa được bao lâu thì

1

(1) Bài thơ «Côn Sơn ca» nổi tiếng của Nguyễn Trãi.

tai nạn ập đến. Đó là vào giữa lúc triều đình đang điều gấp
thợ ở các nơi về làm chùa Báo Thiên. Công việc rất nặng
nhọc. Cao Sư Đãng, bố của Cao Nhuệ, một người thợ sơn
trực tính, không chịu được, bèn nói vung « Nhà vua không
có đức, đại thần đua nhau ăn của dứt lót, dân chúng khổ cực
trăm bè, hại nhân như thế thì mong báo thiên nỗi gì ? » Không
ngờ có kẻ mỏng mài đem tố giác chuyện đó, Cao Sư Đãng
bị tội chém. Từ đó, người ta thấy Cao Nhuệ không có mặt ở
kinh sư nữa.

Mãi mấy năm gần đây, các môn sinh của quan Thừa chỉ
chung sức nhau xây nên ngôi chùa Tư Ân đề thờ thầy. Chùa
vừa làm xong, người ta đón một vị cao tăng tói trông coi.
Dân bản hạt cũng không ai biết sâu tung tích vị tăng đó.
Chi nghe dời người nói với nhau nhà sư chùa Tư Ân là người
học rộng và trước khi làm đệ tử của phật đã từng là học trò
cụ Trãi, thế thôi !

Cứ trông nét mặt mà đoán, Cao Nhuệ ít ra phải gấp hai
lần tuồi Lê Đàm, nhưng trong cách đối xử, họ Cao vẫn coi
họ Lê như người bạn cùng lứa. Hồi mới biết nhau, Lê Đàm
đã mấy bận khước từ :

– Xin Cao huynh hãy xem Đàm này như một người trò nhỏ.

Cao Nhuệ từ tốn nói :

– Ta cùng học với nhau một thầy, cho dù không cùng làm
lễ nhập môn một ngày, vẫn là nghĩa bằng hữu chứ sao !

Lúc nghe tin sét đánh : Thầy bị thảm họa, mặc dù triều
đình cố ý loan bố chậm ngày giờ xử án, các môn sinh của
Nguyễn Trãi ở khắp nơi đã kịp báo cho nhau biết để tiền
lung, gạo bị kéo về kinh sư đứng chật kín cả hai lối cửa Đông,
Tây Tràng An. Tuyên từ Nguyễn Thị Anh lập tức thắc lời
vua xuống lệnh cấm ngặt các khóa sinh không được vào
pháp trường, và « thằng tay trùng trị những kẻ cố tình gây
huyên náo »... Cách dẹa nạt của mụ không phải là không có
hiệu lực. Lác đác đã có số người sợ mang gông, bắt đầu nao

núng bàn lùi. Rồi số đông giãn dần, giãn dần, chỉ còn lại khoảng một phần ba... Ngồi trên chòi xử án cao chót vót, bên cạnh Tuyên từ Nguyễn Thị Anh, Tả hình Tạ Thanh bắt đầu buông ra những lời ngạo nghẽ :

— Đức bà đã nhìn thấy chưa?... Dạ muôn tâu... cái dám cầm bút lông xưa nay trói gà không nòi ấy, đẹp bọn chúng có khó khăn gì!

Tên gian thần không ngờ giữa lúc bấy giờ, trong cái dám « trói gà không nòi » ấy, có một người « cầm vuông, mắt sáng » treo lên đứng trên vai những người bạn của mình, nói lớn :

— .. Hỡi các bạn đồng môn... Loài kiến, loài ong còn có tính hợp quần, tại sao chúng ta là những người hiều đạo lý thánh hiền lại không biết hiệp sức nhau lại... hỡi các bạn đồng môn ?

Nhờ những lời khích lệ ấy của Lê Đàm, mọi người mới tụ hội trở lại đông như cũ. Rồi rồng rã một ngày, một đêm, sau khi thầy học bị hành hình, họ vẫn cùng Lê Đàm gội sương đội nắng, chôn chân ở ngoài trời, gào to về phía điện Kính thiên đài triều đình phải trả cho họ thi hài của Nguyễn Trãi. Không còn cách nào khác, cuối cùng Thái hậu phải sai ngay chính tên Tạ Thanh thăng cỗ xe tang và mang theo một đội cẩm vê, chờ chiếc áo quan bọc lụa trắng đến đỡ tận công thành trao cho dám môn sinh « bất trị » đó! Bấy giờ đường Tràng An mới có lối ra vào...

Chính giữa những ngày quyết liệt ấy, Cao Nhuệ đã có xét đoán về Lê Đàm :

— Con người ấy còn nhỏ tuồi, mà sao khâu khí cứng cỏi, điệu bộ phảng phất như phong thái của Thầy? Cốt cách ấy, đem so sánh với dám môn sinh, kè cả loại bạn hữu đã đạt khoa danh phàm túc, thử hỏi đã mấy ai sánh kịp?

Kè từ ngày Lê Đàm hộ tống Phạm phu nhân di Bồn Man rồi lập công trở về, nay Cao Nhuệ và chàng mới có dịp gặp lại nhau. « Chú Lê trưởng thành nhanh chóng thật! Đúng là

hậu sinh khả úy⁽¹⁾. Cuộc thế chưa hết xoay vần, chắc anh bạn trẻ của ta còn làm được nhiều việc to tát hơn nữa». Nhà sư khoan khoái kéo tay Đàm đứng dậy, chỉ về phía dài nước bạc lấp lánh xa xa:

— Chú Lê trông kia! Ngày xưa đứng ở nơi này tôi thấy đèn Vạn Kiếp đối đỉnh với núi Phượng Hoàng, thế mà nay lại thấy nó xế về rặng núi Giáp Sơn, phải chăng ở nơi đó sóng vũ mạnh, khúc sông Bach Đằng có vươn dài hơn trước?

Ngừng một lát, nhà sư mím cười ý nhị, tiếp:

— Rõ ràng «sông có khúc, người có lúc». Có thể, thầy ta mới truyền lại được Anh Võ, nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao mới nương nau nồi đến ngày nay cho Bình Nguyên vương Tư Thành được thừa ân tiên đế...

Hai người về tới chùa Tư Ân vừa đúng nửa đêm.

Sương mù, trăng khuất, tưởng như chỉ còn một mình ngồi sao Vượt thúc canh cả bầu trời.

Nhà sư khoác tay Lê Đàm di thăng ra cửa động, thỉnh một hồi chuông gióng già. Cây hoa đại rùng mình, những giọt sương rơi lopolitan. Cả núi rừng Côn Sơn vang vọng tiếng chuông ngân...

Thầm thoát Anh Võ lên bảy tuồi, Dứa con ngày một khôn lớn thì người mẹ ngày một tàn tạ. Khi đặt chân lên đất Bồn Man, bà Phạm mới lốm đốm vài sợi tóc mai trắng mà nay đã gần bạc cả mái đầu. Nước da bà đen sạm vì gió núi, nắng đồi. Đôi má hóp lại, và nụ cười đã xóa hẵn duyên thăm trên làn môi héo hắt.

Vắng Lê Đàm, bà không ngại lam lũ cực nhọc, chỉ buồn một nỗi bà con chung quanh có chạy đi chạy lại, bà cũng không thè hé răng bàn bạc cùng ai. Nỗi thương nhả, nhớ nước, những điều lo âu thăm kín chứa chất trong lòng đêm

¶

(1) Nghĩa là «kẻ sinh sau đẻ sống».

dêm vò xé tâm can. Anh Võ mới lên bảy, nói sao cho thấu hiểu những điều uẩn khúc! Đôi khi vô tình, chú còn khóc lại nỗi đau xưa...

- Ngày xưa, cha con làm gì hả mẹ?
- Cha làm thầy đồ đi dạy học.
- Cha con vì sao chết đi, dè một mình mẹ phải nuôi con?
- Thôi con ơi, đừng hỏi nữa... Mẹ đã chẳng nói với con bao nhiêu lần là cha ốm bệnh rồi chết đó sao.

Những lúc đó Anh Võ thường áp sát đầu vào bộ ngực gầy guộc, chú chỉ nghe hơi thở ấm áp mà không nhìn thấy những giọt nước mắt đang lăn trên gò má nhăn nheo của người mẹ đáng thương. Chú lại tò mò hỏi:

- Thế Anh Võ có giống cha không hả mẹ?
- Giống chứ! Con chẳng giống cha thì giống ai!
- Còn anh Đàm nữa, con quên mất nét mặt anh ấy rồi...
- Mẹ, anh Đàm có giống cha không?
- Ủ, anh Đàm cũng giống cha.
- Thế con và anh Đàm thì ai giống cha nhiều hơn?
- Anh Đàm giống nhiều hơn...

Tức thì Anh Võ hờn dỗi, hui đầu vào nách mẹ, phụng phuju:

- Không, mẹ nói thế nào ấy... Tại sao anh Đàm lại được giống cha nhiều hơn con? Con không thích thế đâu, Anh Võ phải giống cha nhiều hơn kia...

Người mẹ không néi nỗi xúc động. Nước mắt bà Phạm lại giàn giụa. Bà thè đầu lưỡi nhấp nhẹm vị mặn chát trên vành môi, rồi gương cười, lấy tay xoa nhẹ vào lưng Anh Võ mà vỗ về:

- Ủ... thì... con giống cha nhiều. Giống cái mắt này, cái mũi này, cái tai này, cái mồm này... (chú bé lại đắc chí tươi hàn nét mặt). Nhưng mẹ nói anh Đàm giống cha nhiều là ở chỗ ngày xưa cha con hay chữ, bây giờ anh Đàm cũng hay chữ.

- Thế tại sao con lại không hay chữ như cha và anh Đàm?
- Ô hay... muốn hay chữ thì trước hết phải đi học chữ!
- Thế tại sao con lại không được đi học? Ngày mai mẹ cho con đi học ngay đi, đè cho con hay chữ bằng anh Đàm, hơn anh Đàm nữa kia, mẹ nhá!

Ngày mai, rồi nhiều ngày mai tiếp theo nữa, bà Phạm chỉ biết hẹn lần hẹn lứa với con. Ở rìo đất quanh năm gió thét mưa gào tận nơi biên thùy xa xôi hẻo lánh này, bối đâu ra được một người biết chữ! Nhưng bà Phạm không phải tuyệt vọng: Lê Đàm, Cao Nhuệ và các đồng môn từ lâu đã bàn tính đến việc đưa Anh Võ về nước ăn học.

*

Lam kinh nỗi tiếng là đất cổ đô danh thắng, cũng là nơi văn vật tụ hội dù hạng tao nhàn mặc khách. Những vị hưu quan thanh liêm, những cung tần mỹ nữ trở về già, những bậc tài hoa nghệ sĩ nhiều năm lưu lạc giang hồ, cho đến những ông tú «kép»⁽¹⁾, những bác khóa sinh suốt đời lật đật vì bước đường khoa cử, đều thích trở về Lam kinh sống những ngày cuối cùng của đời mình trong không khí yên tĩnh của rừng già, sơn lăng cồ kính bên dòng sông Chu hiền hòa. Một ông già, chẳng rõ tên thật là gì, thường quen gọi «ông già họ Cao» cũng về đây dựng ba gian nhà nhỏ, mở trường dạy học.

Trường ông ban đầu không đủ chỗ rải chiếu cho môn sinh năm tập viết nhưng về sau bớt đông dần, rồi đến một lúc vắng hẳn. Các bậc phụ huynh chép miệng nói nhau: «Ông già họ Cao hay chữ thật, nhưng chúng ta dành phải

(1) Nghĩa là di thi nhiều lần vẫn chỉ dỗ tú tài, không chiếm được bằng vàng cao hơn.

đề cho con em mình đi tìm thầy khác thôi. Đề chúng nó theo học ông thì có ngày bọn ta mang vạ!»

Chẳng là ông đồ này, ở giữa đất «tai mắt» của nhà vua vẫn dám ngang nhiên giảng dạy những bài văn, bài thơ quốc cấm. Một lần, sau khi bắt tất cả cùng học thuộc lòng một đoạn trong bài «Bình Ngô đại cáo» (của Nguyễn Trãi thay lời vua Lê Lợi vâng soạn) ông bảo một trò lớn nhất lớp đứng dậy, hỏi:

— Vì sao vua Lê Thái Tò dã đánh thắng quân nhà Minh?

Môn sinh này trả lời một cách văn hoa dài dòng :

— Thưa thầy, đức Thái Tò Cao hoàng đế Lê Lợi đánh thắng quân Minh cũng như vua Ngô Quyền trước đây đánh đuổi quân Nam Hán cũng như vua Lê Đại Hành chinh phạt dẹp yên quân nhà Tống ; cũng như đức Trần Hưng Đạo ba lần đánh bại lũ rợ Nguyên... Ấy, bởi vì các tiên đế và các tiền bối đều là những bậc anh minh lỗi lạc nhất một thời...

Thầy đồ lại chỉ vào một trò khác :

— Anh hãy nói cho biết nếu một mình vua Thái Tò nhà Lê anh minh lỗi lạc thì có thắng nổi được giặc Minh không ?

— Thưa thầy, vua sáng phải có tông hiền — trò vừa được gọi tên ngồi thẳng dậy rắn rỏi đáp — nếu vua Lê Thái Tò không có những người bề tôi tài giỏi thì một mình đức vua không thể gây nên nghiệp lớn !

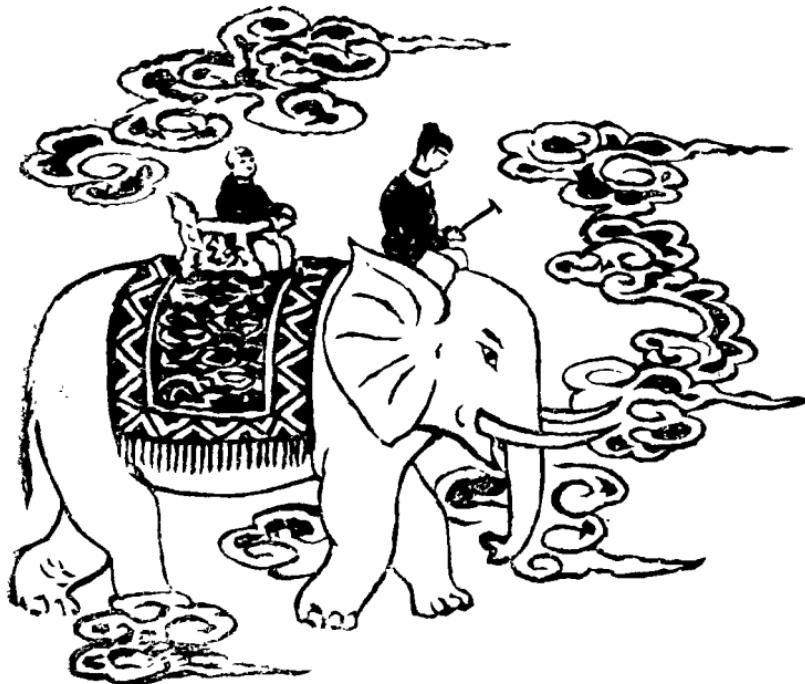
— Khá lắm ! Đúng ! — Thầy gật đầu khen rồi hỏi tiếp : — Anh hãy thử kè với các bạn những người bề tôi tài giỏi của vua Lê Lợi mà anh từng nghe tên tuổi ?

— Thưa thầy, vâng... đó là... ví dụ như... (người môn sinh đang nói lưu loát, tự nhiên trở nên lóng túng)... như quan Tư mã Lê Lai, quan Nhập nội kiêm hiệu bình chương sự Lê Văn, quan Đại Tư mã Lê Ngân, quan Tư không Lê Lẽ, các quan Thiếu úy Lê Bí, Lê Sát, Lê Lõi...

Thầy đồ đang vui vẻ, bỗng vút den dét chiếc roi mây
xuống chiếu, giọng dồn dỗi:

— Thế còn quan Thừa chi Nguyễn Trãi thì sao? Các anh
không dám nhận người bề tôi tài giỏi, người công thần bậc
nhất của vua Thái Tò à? Hừ... các anh học thuộc lòng «Bình
Ngô đại cáo» như thế đó... Các anh có biết «bình Ngô» là
công của ai không? «Đại cáo» là lời của ai không?

Cả lớp im phăng phắc, không ai dám nói đi nói lại hay
xì xào bình phàm lấy nửa lời. Nhưng tan buỗi học hôm ấy
đến ngày mai trường bỏ trống nhiều hàng chiếu, và đến
những ngày tiếp theo thì thấy thưa thớt dần, rồi không còn
một trò nào tới theo học thầy đồ hay chữ nữa. Từ đấy, ở



...ngất nghèo ngồi trên bành voi.

Lam kinh người ta tưởng ông già họ Cao dã bỏ hẳn nghề gõ đầu trẻ. Họ không biết rằng trường ông vẫn mở, đặc biệt ba năm nay trường chỉ có một thầy, một trò. Coi bộ chủ trò nhỏ độc nhất này được thầy đồ chăm sóc, âu yếm lắm. Tuy nhiên ngoài giờ học, thầy cho phép chủ chỉ được quanh quẩn trong mấy gian trường và mảnh vườn chật hẹp nhà thầy chứ không được bước chân ra khỏi cồng. Thậm chí những ngày hội hè vui nhất, như ngày hôm nay nghe nói xa giá vua Nhân Tôn và Tuyên từ hoàng thái hậu sắp về bái yết tiên đế ở Lam kinh, thầy thức dậy sửa soạn từ sáng sớm, thế mà trước khi ra đi, thầy vẫn không quên giao hẹn :

– Anh Võ chớ có bỏ đi đâu. Nhớ ở nhà tập viết, rồi chờ chốc nữa thầy về bình giảng. Phải nghe lời thầy, con nhé !

Mài mực xong, chép hết mấy trang văn sách, chủ trò nhỏ Anh Võ tựa lưng vào tấm cửa bức bàn, suy nghĩ vẫn vơ rồi thiếp đi lúc nào không biết...

Anh Võ thấy mình đang ngồi nghèu ngồi trên bành voi đi về phía kinh sư. Thỉnh thoảng chú ngoái đầu về phía sau, nheo mắt nhìn rằng núi Trường Sơn mờ nhạt rồi lại hỏi người quản tượng :

– Chúng ta vượt biên giới được bao nhiêu dặm rồi, thưa bác ?

– Hồi làm gì ? Tốt nhất cháu cứ nhắm mắt ngủ đi một giấc cho đỡ sốt ruột.

Anh Võ không tài nào chợp mắt được. Chú lại giục :

– Bác quản tượng ơi, bác giáng búa thúc cho voi bước nhanh nữa di dề cháu chóng được gặp anh Đàm. Gặp anh ấy thì bác cháu mình và cả chú voi nữa, muốn gì cũng có.

Con voi dường như hiểu ý, chuí đầu xuống, lăng vòi về phía trước nhắc mình rào bước... Chẳng mấy chốc đã đến kinh sư. Đi qua rất nhiều phố phường, voi dừng lại trước cồng một tòa nhà cao ngất. Người quản tượng bảo Anh Võ :

— Đây là phủ Bình Nguyên vương. Cháu muốn gặp quan Thân tùy Lê Đàm thì vào trong đó!

Anh Võ sướng quá, từ trên mình voi nhảy tột xuống đất, dướn cõi gọi to:

— Anh Đàm ơi... Anh Đàm! Em Võ về tìm anh đây, mau ra đón em vớ... i... i...

Chú hồi hộp chờ đợi... Lát nữa thôi, trông thấy mình, anh Đàm sẽ bẽ th襌 lên, hôn dầu, hôn trán. Mình sẽ kè cho anh nghe tin tức về mẹ, về bà con sống trên đất Bồn Man, về những người bạn cũ của anh bên đó như thế nào, và phải nói cho anh biết cả tấm lòng tốt của bác quản tượng và chú voi rất hiền lành kia nữa... Nhưng người ra cồng dè gấp Anh Võ lại là một con người hoàn toàn khác hẳn. Trông hàn thật dẽ ghét. Mặt lâm lâm, môi thâm sít. Không biết hàn là lính hay quan mà tay cứ luôn luôn xoay tít cái roi vẫn vèo giöng hét đuôi con rắn. Hán ngạo nghẽ nhìn chú bé, gật gật cái đầu bảo cứ chờ ở đấy. Lát sau hàn trở ra, chẳng nói chẳng rằng, vầy vầy chiếc roi làm hiệu cho Anh Võ đi theo.

Càng di sâu vào trong, Anh Võ càng ngạc nhiên, ngại ngùng. À, té ra vương phủ là nơi như thế này đây... Tòa ngang dãy dọc nguy nga, bóng lộn; tầng cao, tầng thấp gấm vóc ê hề. Nhưng ở đâu cũng rặt thấy những tấm thân lòe loẹt xiêm áo, những bộ mặt béo bụ, những cái nhìn băng nứa con mắt. « Anh Đàm của ta ngồi ở chỗ nào? Anh có giöng bọn người dẽ ghét kia không? » Anh Võ còn dang phanh vân thì phía dãy hành lang bên trái có tiếng nói vọng ra:

— Ai cần gấp, quân bay cho vào. Ta là quan Thân tùy Lê Đàm đây!

Anh Võ ngập ngừng bước tới... Chưa kịp nói nǎng gì, người vừa tự xưng là Lê Đàm đã hất hàm hỏi luôn:

— Nào... thằng bé con kia, mày từ đâu đến? Họ hàng thân thích quen biết với ta như thế nào mà dám đường dột vào đây, hử?

Hai vành tai Anh Võ dù tía, cánh mũi chú pháp phồng và ở cuống họng như có vật gì chẹn lại. Chú không còn đủ bình tĩnh để trả lời. « Mẹ ơi, mẹ cứ khen anh Đàm tốt lắm, anh nhớ mẹ, thương em lắm... nữa đi ! Mẹ có biết không, người ta mặc áo dội mũ ông quan vào thì còn thiết gì tình nghĩa anh em nữa ? ». Sự bức túc làm cho Anh Võ trở nên ngang bướng. Chú nói thảng một hơi :

— Thưa ông, tôi với ông là anh em nhưng đã hàng gần chục năm chưa gặp nhau. Bây giờ nghe cách ông thăm hỏi, tôi không muốn nhìn thấy mặt ông nữa ! Chào ông, tôi đi đây...

Rồi chẳng cần biết sự việc tiếp theo sẽ như thế nào, chú quay lưng co cẳng chạy miết một mạch ra khỏi tòa nhà, để tìm người quản tượng.

Lát sau, Anh Võ lại ngất nghèo ngồi trên bành voi trở về theo lối cũ. Không khí trong lành bát ngát của trời mây cây cổ thoát xua tan đi hình ảnh nặng nề nơi tòa thành vương phủ. Chú cảm thấy lòng vô cùng khoan khoái. Con voi đưa chú đi qua các vùng đồng ruộng, làng mạc. Đây kia những nóc nhà gianh nhè nhẹ bốc khói... Vài tiếng gà xao xác nghe thương nhớ mênh mang. Trước mắt chú hiện ra những cánh cò trắng, những lũy tre xanh. Và lơ lửng trên bầu trời cao một con diều no gió, tiếng sáo êm ru... Chú buông miệng thì thầm : « Ôi, đất nước của ta, đất nước Đại Việt muôn vàn yêu dấu ! » Anh Võ ước ao có được đôi cánh như chim bay vút lên tầng cao để nhìn thấy khắp cả dải đất hùng vĩ thiêng liêng của quê cha đất tờ, dải đất mà những ngày sống bên mẹ, mỗi khi nhắc đến, chú từng thấy mẹ rung rung mi mắt...

Ồ... lạ chưa ! Giống như trong truyện cổ tích, từ trên cao một con cò trắng đang sà xuống. Chập chờn... chập chờn... Đôi cánh nó lượn quanh mình Anh Võ mới thán tinh làm sao ! Chú voi tung vòi mẩy lần không quơ nỗi. Anh Võ thấy đôi cánh trắng ngập ngừng rồi trải rộng ra ngay trước bành

voi. Và một giọng nói kỳ diệu lọt vào tai chú : « Đừng sợ gì cả ! Bạn cứ ngồi lên dây. Hai chúng ta sẽ đi thăm khắp mọi miền đất nước ».

Thật là cầu được, ước thấy, Anh Võ sướng mê người đi. Chú cuỗi lên thân chim. Người nhẹ hăng... Khoảnh khắc, từ trên tầng mây xanh nhìn xuống, chú thấy con voi chỉ còn băng hạt dỗ.

Qua mỗi miền, cò trăng đều kè cho Anh Võ biết tên sông, tên núi, tên làng. Cứ thế cò bay mãi, bay mãi... đến một vùng không còn trông thấy bóng dáng nhà cửa xóm mạc đâu nữa, Anh Võ bỗng reo lên : « A... đường biên giới Bờn Man và Đại Việt kia rồi. Bên kia thung lũng là nhà mẹ ta ở. Không biết giờ này mẹ đang làm gì ? Bạn cò trăng ơi, bạn có thể đưa ta về bên ấy chốc lát được không ? »

Dôi cánh cò lại lướt gió vút về phía trời tây, đảo một chap rồi vòng lượn hẹp và thấp dần... « Chao ôi. — Anh Võ nhoai người xuống phía dưới cố nhìn cho rõ — Đúng là mái nhà của mẹ ta, mái nhà lợp bằng cỏ gianh nép bên cây bờ kếp mọi khi ta vẫn trèo lên ngắt quả, phơi khô để cho mẹ ngâm nước gội đầu. Bạn cò trăng, bạn hãy dỗ xuống ngọn cây kia cho ta ghé vào thăm mẹ, chỉ một lát, một lát thôi mà... Tôi nghiệp, chắc mẹ không khỏi sưng sốt. Mẹ ơi con về thăm mẹ đây. Mẹ lại cho con áp đầu vào lòng mẹ lắng nghe hơi thở ấm áp và hít mùi mồ hôi quen thuộc ». Anh Võ nhoai thêm người xuống phía dưới, càng nhoai càng phải níu chặt lấy thân cò làm cho dôi cánh triềng đi. Chú bé bị buột cả hai tay, chói với, chói với... Chú kêu thét lên một tiếng : bừng mắt dậy, mồ hôi ướt đầm lưng áo...

Anh Võ phải ngồi tựa lưng vào vách cửa một lúc lâu nữa mới tỉnh hẳn. Tỉnh rồi, chú càng thấy nhớ mẹ da diết. Tính đến nay, mẹ con xa nhau vừa tròn ba năm. Hôm chia tay, mắt mẹ sưng mọng lên mà mẹ vẫn gượng cười an ủi : « Chim có tò, người có tông. Lúc còn trứng nước, con ở

bên mẹ, nay dù lông cánh, con phải bay theo tiếng gọi dàn phuong đông là quê hương tò phụ của con đó. Mẹ ở bên này tiếng rằng cách núi ngăn sông, nhưng có bác quản dây, — mẹ vừa nói vừa hướng về phía người quản tượng, — hàng năm di di về về vẫn thường gặp gỡ anh Đàm bên đó, con dừng lo vắng bặt tin xa...

Hàng năm các tù trưởng Bồn Man vẫn giữ tục lệ cử người đem lễ vật sang giao hiếu với nước Đại Việt, kết tình thân giữa hai nước. Chính trong hoàn cảnh đó, Lê Đàm đã làm quen được với người quản tượng và nhờ bác ta thu xếp lo liệu việc mang Anh Võ về nước. Lê Đàm được biết ở Lam kinh, Cao Nhuệ có người bác ruột là một bậc nhân giả, Lê bàn với Cao quyết định gửi gắm Anh Võ cho ông già ấy dạy dỗ.

Lần đầu tiên rời cánh tay ôm ấp của mẹ, có nhiên Anh Võ phải chịu đựng những nỗi buồn nhớ không tránh khỏi. Tuy nhiên, tự lúc nào không biết, thời gian đã mang đến cho chú những nguồn vui mới. Thiếu tình mẫu tử, chú đã được bù đắp bằng một thứ tình cảm khác của người thầy dạy dỗ, có thè không gần gũi trìu mến bằng, nhưng lại sâu xa rộng lớn hơn.

*Ngày nào em bé còn con
Bây giờ em đã lớn khờ : thè này
Ơn cha, nghĩa mẹ, công thầy...*

Nhiều lúc nhớ lại lời mẹ ru, Anh Võ thấy còng ơn thầy cũng không kém còng ơn cha mẹ.

Từ ngày về nước, nhờ thầy giảng dạy, chú đã bắt đầu hiểu được nguồn gốc cái nghĩa tò tông, cái tình đất nước. Trong lúc chưa được thỏa lòng đi đó đi đây, thầy lại như người có phép lạ chỉ ngồi một nơi mà có thè chỉ cho chú thấy khắp cả đất trời quê hương cũng như cánh cò trong mộng đã chờ chú di thăm dù mọi miền. Đầu óc chú cùng với

những trang sách của chú ngày một giàu có thêm nhờ những bài thầy giảng về quốc sử. Bài nào chú cũng thấy chưa chan hồn nước: phú Bạch Đăng giang, thơ Nam quốc sơn hà, hịch Tướng sĩ văn, và thích nhất là bài «Bình Ngô đại cáo». Nhưng bài này thầy không cho chép, thầy bảo: «Phải cố học nhập tâm thôi vì người soạn ra Bình Ngô đại cáo là quan Thừa chi Nguyễn Trãi bị khép vào tội giết vua, triều đình cấm lưu trữ tất cả những di cảo của ông».

Thật là khó hiểu: người viết nên áng hùng văn ca ngợi chiến thắng của đất nước và nêu ca công đức nhà vua lại là người bị khép vào tội phản nước, giết vua? Sống giữa nơi cổ đô văn vật, dẫu không mấy khi được di ra khỏi cửa, Anh Võ vẫn không lạ gì những chuyện người ta đồn đại về nghi án của vua Lê Chi! Cả cái tin một bà Phạm nào đó tự tử ở làng Đoài, Anh Võ cũng có lần nghe loáng thoảng. Chú giật mình nghĩ thăm: sự đời éo le thật, ngẫu nhiên con người xấu số kia lại trùng họ, trùng tên với mẹ mình sao? Cũng có lúc do hâm mộ văn tài, chú thấy băn khoăn muốn tầm khảo cuộc đời vị lão thần oan khuất. Nhưng biết tìm đọc ở đâu? Làm gì có sử sách nào còn dám viết về «nghịch thần» Nguyễn Trãi! Mà hỏi thầy, câu trả lời của thầy lại làm cho chú thêm khó hiểu:

— Sau này gặp anh Lê Đàm, con sẽ rõ ngọn ngành. Còn bây giờ, con chỉ nên biết gắng sức dùi mài kinh sử!

Biết sau này là đến bao giờ kia chứ? Cứ mỗi lần xin phép thầy cho lên kinh sư thăm anh Đàm, thầy lại can ngăn:

— Đường đất xa xôi, con đi một mình sao tiện...

Hôm nay nghe tin vua Lê Nhân Tông sắp ngự về Lam kinh bái yết Vĩnh Lăng⁽¹⁾ và Hựu Lăng⁽²⁾, lại có cả anh Đàm cùng theo hộ giá, dịp này thầy không đề cho anh em

(1) *Lăng Lê Thái Tổ*.

(2) *Lăng Lê Thái Tông*.

gặp nhau thì còn có dịp nào thuận lợi hơn nữa ? Ôn lại giấc chiêm bao vừa rồi, Anh Võ tự thấy xấu hổ : Có bao giờ mình có ý nghĩ không hay về anh Đàm đâu, tại sao lại có cuộc chạm mặt kỳ lạ đó ? Chắc chỉ là chuyện mộng mê vơ vắn mà thôi.

Nhưng rồi chú lại cảm thấy ruột gan nóng cồn cào. Thầy đi khỏi nhà từ sáng sớm, có thật thầy đến hành tại ⁽¹⁾ đón vua không ? Lần này ta thử trộm phép thầy lên tới đó, may ra gặp anh Đàm...

Bo... o... ng... bình... boo.. ng... b... o... o... n... g...

Bì... nh... boo... ng... bong...

Tiếng kim thanh và tiếng trống mừng bắt đầu rộn lên.
Xe vua đã tới rồi chăng ?



Anh Võ tới hơi muộn. Chú khẽ ngoan vượt lên trước đám rước, đến nấp sau gốc cây nghiêng trên một mỏ đất riêng rẽ. Ở đây, chú có thể quan sát tị mỉ mà không phải chen lấn với ai.

Đập vào mắt trước tiên là hai chiếc lọng vàng khác hẳn những lọng thường ngày chú vẫn thấy ở các ngôi đình thờ thần hoàng. Cái tán nó không hiều lợp bằng thứ vóc gì mà ánh nắng chiếu vào, làm lóe lên màu mỡ gà sáng rực như ráng mặt trời chiều lúc sắp lặn.

Trông thấy người ngồi dưới hai chiếc tán long đó, chú đoán ngay là Tuyên tử thái hậu Nguyễn Thị Anh và Nhân Tôn hoàng đế. Nhà vua ngự ở bên trái, thái hậu ngự ở bên phải, cách nhau một cỗ hương án. Hai quan cận thần mặc áo thụng đỏ đứng hầu vua, còn Tả hình Tạ Thành thì lấp

(1) Chỗ ở tạm của vua khi đi ra ngoài kinh thành.

lô sau lưng thái hậu. Đằng sau hai chiếc lọng vàng, còn có hàng chục chiếc lọng khác nữa, màu sắc khác nhau, sắp đặt theo ngôi thứ các thân vương. Gần năm trăm quan quan đi hộ giá, với những mũ, áo, ngựa, xe, kiệu, tàn, cờ quạt, binh khí... chồng chất, chói chang cả một vùng trời. Anh Võ dã nhận ra được chỗ ngồi của Bình Nguyên vương Lê Tư Thành (có cầm biền đeo chữ hàn hoa). Chú vẫn nghi ngại không biết người đeo gươm mặc áo văn quan – đáng lẽ phải là võ quan mới có vũ khí tùy thân chứ – đứng cạnh vương có đích xác là anh Lê Đàm không ?

Dợi cho các quan chức sở tại vào sụp lạy trước hương án bái mạng xong, bấy giờ các trò vui mới lần lượt ra mắt. Từ sau khi vua Thái Tôn băng hà, vừa đúng một chục năm, đến nay dân Lam kinh mới có cuộc dón mừng long trọng rộn rịp như thế này. Cho nên, có vô số tiết trò : nào là múa sư tử, múa kỳ lân, nào là rước thuyền rồng, kéo co, đánh vật, chơi gà... Nhưng xem ra tất cả những thứ ấy đều té nhạt đối với nhà vua. Hội hè ở kinh sư thiếu gì những cái đẹp, cái vui gấp mười, gấp trăm lần như thế ! Duy có một trò lạ mắt, lạ tai, đó là diệu múa hát cò truyền của làng Di Mỗ⁽¹⁾. Bên con trai chít khăn đầu rìu, mình trần, hông cài dao quắm. Bên con gái mặc áo buộc tà, thắt lưng màu hoa lý, trên vai trái vắt một môt dài lụa dào. Thoạt đầu hai bên nam nữ cùng nắm tay quây vòng tròn mà hát. Sau đó dàn thành hai tốp quay mặt lại nhau, cứ mỗi lần mười lăm người con trai ra múa thì mười lăm người con gái đứng vỗ tay, và ngược lại. Diệu bộ bên nam khỏe khoắn, diệu bộ bên nữ uyên chwyn. Giọng hát trầm cung như cao, đều ấm áp thiết tha gợi nên khung cảnh êm đềm nơi đồng nội và niềm hạnh phúc bình dị của những dân lành chăm chỉ.

(1) Xã Thọ Lão, huyện Thọ Xuân Thanh Hóa ngày nay.

Xem diễn trò này, Nhân Tôn hoàng đế rạng hàn nét mặt lên. Có lúc nhà vua khoái trá quá, quên mất cả mình đang mặc áo long bào ngồi ngự lâm, hồn nhiên dung như một chú bé, lấy ngón tay gõ gõ vào cán lọng, môi mấp máy hát theo... Lời ca vừa dứt, nhà vua quay về phía thái hậu :

— Tâu mẫu hậu, con muốn được xem diễn lại tiết trò kia vài lần nữa tại khu hí viện của hoàng cung. Chẳng hay mẫu hậu có vừa lòng không ?

Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh chưa kịp đáp, Tả hình Tạ Thanh đã thò đầu ra rì tai :

— Muôn tâu đức bà, thuở hàn vi thần đã từng trà trộn với đám ngu dân ở vùng ven sông Mã, sông Chu, thần biết rõ cái tập tục kia tên gọi là bài ca « rí ren », nghĩa là, muôn tâu... một trò nhảm nhí do bọn nông phu chân lấm tay bùn, đói rách ngồi nghĩ ra dè lúc buồn tình hát lượn với nhau cho khuây khỏa đấy thôi. Nếu cứ dè cho bọn chúng tiếp tục trò tài, e rằng hoàng thượng còn nhò tuỗi, tâm trí cao minh sớm tiêm nỗi niềm phải những điều không tinh khiết⁽¹⁾ !

Thái hậu lập tức truyền lệnh đình chỉ cuộc vui, dù trong lòng biết làm như vậy, đức vua con phạt ý. Dừng sau gốc nghiến, quan sát Nhân Tôn, Anh Võ nhận thấy từ dãy trời di nhà vua mất hàn vẻ linh hoạt. Đến nỗi khi quan Lễ nghi đến rước hoàng thượng di bái yết sơn lăng, Nhân Tôn cứ ngồi nguyên người ra, không buồn nhắc tay, nhắc chân nữa. Hai vị cận thần phải dỗ dành mãi mới nâng được nhà vua đặt lên cỗ xe. Anh Võ « xuyt » lưỡi một tiếng thật mạnh : góm, gan lì khiếp ! Đà..., nhưng mà dỗi với mẹ như vậy, ai mà không dỗi được ?

Lần này nếu vượt lên trước đám đông sợ dễ bị lộ (thầy trông thấy thì khốn !), Anh Võ hòa lăn vào dòng người

(1) Thực ra điều « rí ren » là một vũ khúc dân gian lành mạnh rất thịnh hành ở trấn Thanh Hóa vào thời Trần, Lê.

huyện náo chạy theo sau xa giá. Đến một chỗ cách khu lăng chừng nửa dặm, dòng người phải đứng ùn cả lại. Có lệnh cấm thường dân không ai được bén mảng đến nơi an nghỉ của các tiên đế.

Mãi đến giờ mới thấy vua và thái hậu trở ra. Nhân Tôn đi chung với Tuyên từ một lọng, nét mặt hoàng đế trông không còn vẻ gì cáu kỉnh nữa. Ông vua con lại trở lại hồn nhiên như con nít rồi. Anh Võ nghe rõ cả tiếng đức vua đang lưu ríu :

— Cò phải bây giờ mẫu hậu định dẫn con lên chơi trên cái gò ở trước mặt, cái gò có cây đại thụ chục vòng tay ôm không xuể kia không ? Mẫu hậu hãy truyền lệnh cho quan Lỗ bộ kè cho mẹ con ta nghe xem cái cây da cò thụ ấy mọc từ đời nào mà gốc của nó lại to hơn cả gốc cây da ở cửa Thái miếu thế ? Bọn cung nữ đã có lần nói đến tai con nhiều chuyện thần linh về cây da ấy, hôm nay con muốn biết tận nơi. Đi, mau lên mẫu hậu...

Quan Lỗ bộ chuyên việc nghiên cứu các dấu tích phong thô của tiền triều đã lược thảo sẵn một bản biên thuật sự tích cây da Lam kinh. Lúc này chỉ có việc đọc bản đó lên cho thái hậu và hoàng đế ngự thính.

Tả hình Tạ Thanh nấp sau lưng quốc mẫu, đôi mắt hờ lim dim mơ màng như đang lơ đãng thả hồn theo những ý nghĩ xa xôi. Nhưng thực ra tâm trí hắn không bỏ sót một chữ nào. Hắn muốn ngay cả trong việc này hắn cũng phải tỏ ra xứng đáng là tai, là mắt của thái hậu. Nhắc thấy điệu bộ tên nịnh thần, quan Lỗ bộ đã cụt hứng. Ông rủa thầm hắn trong bụng : « Tai mắt mày là tai mắt loài cú vọ ! Mày chỉ thích bới lông tìm vết. Mày nghe thanh hóa đục, nhìn trắng hóa đen... Mày đã giây vào đâu là người ta ném nớp ở đấy sắp xảy ra điều dữ ». Điều dữ quả đã đến ! Cây da là vật vô tri vô giác cũng không thoát khỏi cái nọc đầu lưỡi độc địa của Tạ Thanh.

— Muôn tâu thái hậu, — Tạ Thanh không buồn dè cho quan Lỗ bộ đọc dứt lời, cứ mặc nhiên dám ngang vào sự việc — theo ý ngũ thần thì triều đình nên bắt dân địa phương dẫn ngay cây đại thụ kia xuống làm cùi mới phải, vì trong lá cành thân rẽ của nó từ lâu đã ăn nán cái mầm phản nghịch!

Cái mầm phản nghịch mà Tạ Thanh bươi ra ở đây là một dòng chữ đã có từ lâu : « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần⁽¹⁾ ».

Thái hậu từng nghe nói lúc sự nghiệp còn gian nan, muốn thu phục lòng người, theo mưu kế của Nguyễn Trãi, Bình Định vương Lê Lợi đã sai quân lấy mật, mờ viết vào lá và vỏ cây rừng dòng chữ trên. Sâu, kiến tìm thức ăn, đục lá và vỏ cây tạo thành những nét chữ lõi chỗ, khiến người qua đường tình cờ trông thấy có thè nghĩ đến cái diềm trời báo trước cho thiên hạ biết vận số của dân nước...

Khi đoàn người vác rìu đến tề tựu đứng dưới gốc cây da, người ta mới thấy có một ông già từ trong đám đông tách ra tiến bước đến trước mặt thái hậu. Không hề run sợ, ông đứng thẳng mình ung dung chờ bà mẹ đức vua ngước nhìn lên rồi mới cất giọng :

— Tôi thay mặt cho tất cả mọi người ở đây, có lời khấn cầu thái hậu và đức vua, xin thái hậu và đức vua dừng ra lệnh cho triệt hạ cái cây cồ thụ vô tội kia !

— Vì có gì vậy ?... — Thái hậu cười gằn lù lù nhìn ông già một cách khinh bỉ — Hỡi con người già dở kia, người có biết chữ không ? (Ông già khẽ gật đầu) Ủ, tốt đấy, người hãy nhìn lên thân cây kia và đọc to cho bọn dân chúng nghe xem ngươi đã thấy những gì ở trên đó ?

— Muôn tâu thái hậu, dân cả nước ai chẳng biết sự tích cây da Lam kinh với dòng chữ thay cho mệnh trời ấy ! Xin cứ hỏi một đứa bé còn dè chừng nó cũng có thè đọc lên vanh vách, lợ là triều đình phải thách đố đến cái lão đồ già này !

(1) *Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm thần (bầy tôi.)*

Tuyên từ dang nhếch mép cười bỗng sạm mặt lại, mỉm mặt
trái giật thon thót... Tuy nhiên bà vẫn kìm được mình.

— Hừ...m... Thế là nhà ngươi đã hiều rồi đó ! Nhưng bọn
các ngươi thích lý sự, hãy nghe đây : « Lê Lợi vi quân, Nguyễn
Trãi vi thần », đó là mệnh trời ứng vào lúc Cao hoàng đế mới
dấy nghiệp. Ngày nay, Trãi đã làm ma không đầu, cái thân
cây mang tên kẻ nghịch thần ấy cứ đè ngang nhiên đứng trên
gò cao thì còn gì là phép vua, mệnh nước ? Người đã bạc tóc,
bạc râu, lại thông hiều nghĩa lý thánh hiền, đáng lẽ phải
biết khuyên bảo lũ con cháu triệt hạ cây đại thụ kia trước
khi ta và hoàng đế qua đây mới phải chứ... Người trả lời đi !

— Muôn tâu thái hậu.., Càng già càng thông hiều nghĩa lý,
càng phải biết răn bảo con cháu làm điều minh chính, chứ có
dâu lại bắt họ làm ngược lại lẽ phải. Tôi trộm nghĩ, nếu đích
thực ông Trãi là người có công lao với tiền triều, với dân
nước, thì dù có chặt hết cả cây rừng cũng không xóa nổi tên
tuổi của ông ! Phương chi lời « Bình Ngô đại cáo » còn truyền
đó, tấm bia Vĩnh Lăng còn đặt gần đây, những lời văn hùng
tráng do ông Trãi vâng soạn, triều đình đã cho khắc vào biển
đồng, bia đá dựng thờ ở nơi tôn lăng, thái miếu. Hôm nay
đến bái yết Vĩnh Lăng, hắn đức bà vẫn còn thấy tên tuổi
Thừa chi Nguyễn Trãi rành rành ghi ở hàng chữ cuối dãy ?⁽¹⁾ Triều đình chưa truyền lệnh dập vỡ tấm bia ấy, hà tất lại ra
lệnh bắt dân Lam kinh chúng tôi triệt hạ cây da chỉ còn dè
lại dấu vết một hàng chữ ở lớp vỏ bên ngoài ?

Nghe những lời đối đáp cứng cỏi, dân chúng ai cũng lấy
làm mát gan mát ruột. Họ không biết lúc đó tính mạng ông

(1) Cuối tấm bia Vĩnh Lăng đặt ở Lam kinh có ghi rõ : « Thuận Thiên năm thứ sáu, Quý Sửu tháng 10 ngày tốt, Vĩnh Lộ đại phu nhập nội hành khiền Trị Tam quán sự, thần Nguyễn Trãi vâng soạn »

già đang treo đầu sợi tóc. Bà mẹ đức vua chớp chớp đôi mắt
khác lạ, thét lên lạc cả giọng :

— Tả hữu đâu ? Lôi thăng già ngỗ ngược này ra chém cõi
tức khắc cho ta.

Từ lâu, đứng lùn trong đám đông, chú bé Anh Võ vẫn hồi
hộp dõi theo từng cử chỉ, lời nói của thầy.

Phải, ông già kia chính là người đã nhận trách nhiệm với
Cao Nhuệ và Lê Đàm nuôi nấng, dạy dỗ Anh Võ. Xưa, ông
đã từng nổi tiếng một thời về tài tac tượng và tô tượng. Nhưng
dần dần danh thắng ở kinh kỳ hiện nay nhiều nơi còn ghi lại
dấu vết bàn tay tinh tế của ông. Sau khi người em trai là họ
sơn Cao Sư Đãng bị chết oan trong dịp xây chùa Bảo Thiên.
ông chán ghét thế sự, rũ áo rời bỏ Thăng Long đi phiêu bạt,
Phường bạn cố tình tìm cách lưu con người tài hoa ấy
lại, nhưng không ai làm ông xiêu lòng. Ông đi lang thang
dày đó, đem tiền của dành dụm cả một đời thợ giỏi ra
làm những việc từ thiện. Ngày ghé về Côn Sơn thăm Cao
Nhuệ, ông được cháu ruột nói cho biết tình cảnh của mẹ, con
Phạm phu nhân, ông lóe lên những niềm hy vọng mới...
« Ta hăng băn khoăn về nỗi oan thác của quan Thừa chí. Thị
ra ở hiền lại gặp lành, dòng họ ấy còn có người nối dõi. Nhờ
đám môn sinh giàu lòng nghĩa khí, Anh Võ được sống sót
đến ngày nay nhưng vẫn phải lưu lạc ở nơi biên viễn. Mà ở
dấy thì đám môn sinh lại lo rằng chú bé sẽ bị thất học. Họ
đang bí kế, muốn nhờ ta góp sức, ta sẽ nói với đứa cháu của
ta như thế nào đây... » Bỗng ông già mừng rõ vỗ vào vai
Cao Nhuệ :

— Nay, bác chợt nghĩ ra, sau vụ làng Đoài ở Sơn Nam,
cho đến lúc này, các anh đã hoàn toàn bịt mắt được bọn gian
thần rồi còn e ngại gì mà không dón Anh Võ trở về ?

— Thưa bá phụ... — Cao Nhuệ trong bộ nau sòng đã quen
với phong độ kẽ tu hành, chắp hai bàn tay đưa lên ngang
mũi — các thân hữu của cháu cũng đã nghĩ tới điều đó, nhưng

vẫn phải đề phòng mọi sự bất trắc. Đón Anh Võ về thì dễ, song còn việc rèn cặp cho em nên người... và lại thưa bà phụ..., «bức vách có tai», không thể đe Anh Võ sống chung với cháu hoặc Lê Đàm được!

Ông già cười hề hả:

—Thế thì có gì là khó... Bác sẽ đảm trách hộ các anh việc đó.

Rồi, từ giã Cao Nhuệ, ông không đi lang thang nữa, lại trở về Lam kinh chờ dồn dạy người học trò mới duy nhất..

...Giờ đây đứng trước cái chết, ông già trông vẫn bình thản. Đố ai biết trong lòng ông đang xao động những gì «...Ròng rã ba năm trời, ngày dạy Anh Võ, đêm loay hoay nhào nặn, tô, vẽ... mãi đến ngày hôm qua ta vừa hoàn công pho tượng quan Thùa chi.»⁽¹⁾ Thế là ta đã giữ được lời hứa với Cao Nhuệ. Người đời sau đến vẫn cảnh chùa Tư Ân, nếu ai chưa có may mắn chiêm ngưỡng dung mạo quan Thùa chỉ lúc sinh thời, thì những ngón tay tài nghệ của dòng họ Cao này, ít ra cũng giúp họ mường tượng được khí cốt của bậc đại nhân, đại nghĩa. Ta có nhăm mắt cũng được, chỉ còn ân hận một điều: chưa kịp nói gì với Anh Võ... Lần này, định gặp Lê Đàm sẽ bàn riêng cách cho thằng bé cùng trèo kinh một thè; ta hết chữ rồi, và cũng đã đến lúc cần cho con chim non tung cánh. Vì lẽ đó, sáng nay mới không tiện đe nó di theo. Ngờ đâu gặp cơ sự này...» Trên vầng trán cao, mồ hôi lấm tấm bắt đầu đọng thành giọt, ròng ròng chảy xuống những sợi râu bạc. Ông già định giơ ống tay áo lên quét nhưng rồi lại đứng im, ngẩng đầu cao hơn, đưa mắt nhìn khắp lượt như muốn gửi lời chào vĩnh biệt mọi người.

Nhin về mặt thầy, Anh Võ tưởng như có trăm ngàn mũi kim đang chích vào tim gan mình. Chưa bao giờ chú phải chứng kiến một cảnh đau lòng như vậy. Chú không thể bỏ

(1) Hiện nay ở chùa Tư Phúc (Hải Hưng) còn giữ tượng Nguyễn Trãi và Trâu phu nhân.

mặc thầy sống, chết. Cần phải lăn xả vào giữa vòng gươm giáo, thét vào mặt con mụ dàn bà độc ác kia những lời nguyễn rủa thậm tệ nhất, rồi sau đó đến ôm lấy chân thầy, có cùng chết với thầy cũng hả dạ. Trống ngực dập liên hồi cất giật làm máu chuyền động bừng bừng cơ thè, Anh Võ nhầm thẳng phía chiếc lọng vàng bước tới. Bỗng một bàn tay giữ chặt lấy vai chú :

— Anh Võ chớ hấp tấp, đè mặc anh xử trí!

Ngoài đầu lại, hai ánh mắt gặp nhau, linh tính báo cho Anh Võ biết người đang đặt bàn tay rắn chắc trên vai mình là ai rồi. Chú trố mắt : « O... anh Đàm ! » nhưng chợt hiểu ý, chú sững người lại, đứng im. Thời khắc lúc này thật vô cùng quan trọng. Hai anh em chỉ kịp nói với nhau mấy lời thật vẫn tắt. Sau đó Lê Đàm thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra, tiến đến trước chỗ ngồi của bà mẹ vua, diêm tĩnh quy xuống :

— Tâu thái hậu, cả vùng này ai cũng đều biết lão thầy đồ Lam kinh là một kẻ đọc nhiều sách nên sinh ra cuồng chữ, si thư, tâm thần bất định.

Bấy giờ những người đứng trong, vòng ngoài đồng thanh nói :

— Chúng tôi cùng một ý như quan Thân tuy dãy ! — Lê Đàm nói tiếp :

— Giết lão chẳng khó gì, nhưng, — Lê Đàm hạ giọng — xin thái hậu cũng nên cân nhắc kỹ một chút...

Những điều quan Thân vừa tâu, quả có làm cho bà mẹ vua chợt dạ. Bà suy nghĩ : trong hai điều, ta chỉ nên chọn một, chỉ chặt gốc cây kia mà hãy khoan chặt đầu thằng già...

Thái hậu đưa mắt nhìn Tạ Thành. Tên này trông thấy tướng mạo oai vệ của Lê Đàm — nhất là hắn đã từng biết đến võ công hiền hách của chàng dịp bắt sống tướng giặc ở Châu

Hóa – tự nhiên dǎng sau gáy hǎn ơ̄n ờ̄n nđì da gà... Hǎn khōng dám hǎp tǎp buōng lời gièm pha mà ranh mānh làm bô đồng tình với Lê Đàm :

– Muôn tâu thái hậu, cao kiến của quan Thân tuy cũng hợp với ngụ ý hạ thần. Cò nhān nói, giết một con ong thôi, khōng khéo, còn có thè bị cả bầy đốt cho sưng mày sưng mặt, huống hò định hạ sát một tên đầu đen máu đỏ ! (Hǎn tự khoái chí cho rằng câu nói học mó̄t của hǎn là vô cùng thâm thúy). Song thần trộm nghĩ, tha bòng lão già kia túc là thả cáo về rừng. Vậy nên chọn một cách khác. Mà cách này thì khōng ai biết giỏi bằng người đã từng am hiều gốc gác, tâm bệnh kè phạm tội. Xin thái hậu hãy giao toàn quyền việc đó cho quan Thân tuy quản xét...

Bà mẹ vua khōng cǎn cǎn vặt gì hơn, uề oài nhắc lại câu nói của tên gian thần :

– Được, ta giao toàn quyền việc đó cho quan Thân tuy quản xét.

Rồi mụ lǎng lǎng đi về phía gốc đa, nơi đó mười hai người thợ rừng vừa được gọi đến, trong tay đang lǎm lǎm dụng cụ, sẵn sàng đợi lệnh...

Khi thân cò thụ bị những nhát rìu đầu tiên chặt vào làm ứa ra sắc nhra nâu thǎm đặc quánh, ông già cảm thấy chính lòng mình đang rỉ máu... Nghe lệnh tha tội chém mà ông vẫn nhơn nhơn. Sống, chết cũng một lần. Mặc ! Phải nói, nói nřa, cho lương dân thấy được việc làm hiềm độc xấu xa của con mụ lộng quyền kia.

Ông ngàng dǎng nhìn lên ngọn cây da, ở dãy bầy quạ đen và đàn chim sáo sậu đang lượn quanh nháo nhác hình như chúng muốn nguyễn rúa những kè sáp cướp mắt tò ấm của chúng. Rồi ông già ngang nhiên ôm ngực ngâm thơ Nguyễn Trãi như những lúc ông cao hứng thực sự. Dàn Lam kinh nhìn nhau ứa nước mắt lǎng nghe diệu ngâm quen thuộc của thầy đồ cuồng chữ.

Thái hậu từ gốc đa quay gót trở lại... Sợ cơn thịnh nộ
mới lại có thè nồ ra, Lê Đàm nhanh nhẹn mở dài thắt lưng
lụa trói hai tay ông già lại, vừa dòng đi vội, vừa già bộ quát
tháo :

— Đi! Mau lên lão già cuồng chử! Về vương phủ, ta sẽ
nhốt lão vào một chỗ và mỗi ngày chỉ cho lão nửa bưa
thôi, xem có còn đủ sức ngâm nga nữa không?

Trước cảnh ấy, Anh Võ luống cuống không biết mình nên
làm gì? Phép nước bất chấp tình thân, anh Đàm đã dặn đe
mắc anh xử trí cơ mà! Đầu óc chú cũng bối rối vì cái tin
anh Đàm mới nói nhỏ ban nãy: sắp sún những thứ cần dùng
để trạy kinh sư với anh. Đi kinh sư! Điều đó Anh Võ hăng
trông đợi từ bao lâu nay. Nhưng niềm vui đến cùng một
lúc với tai biến... Chú bồi hồi nhớ lại cảm giác nay hồ trong
giặc chiêm bao... Ta sống ở kinh sư để rồi hàng ngày phải
trông thấy những bộ mặt đáng ghét kia ư? Không! Ta có
anh Đàm và còn có... bồn phán đối với người thầy kinh
mến nữa chử! Nghĩ vậy, chú phẩn chấn bước vội về nhà.

**

Người ta giải ông già về kinh sư. Ở đây, ông không
phải giam hãm trong nhà ngục tăm tối, cũng không bị gông
cùm hành hạ gì cả. Trái lại, ông là một hạng phạm nhân
đặc biệt, được đối đãi như thượng khách. Phủ Bình Nguyên
vương dành cho ông ở hẳn một gian trong nhà khách. Sáng
sáng có Anh Võ đóng vai tiều đồng pha nước hầu trà. Ngày
hai bữa, không cao lương mỹ vị, cũng đàng hoàng cơm bưng
nước rót tận nơi. Anh Võ thuộc khẩu vị của thầy, chú đã
mách nhà bếp làm những món ăn thanh đạm mà ngon
miệng. Ngoài ra, có đủ những đan, sách, rượu, cờ... rất
nhiều thứ cho ông tiêu sầu giải muộn, ông không phải ngồi
đêm từng chiếc lá rụng, tính ngày tháng trôi đi...



— Đì! Mau lén lão già cuồng chử!

Tả hình Tạ Thanh mang máng đánh hơi biết những tin tức không thú vị đó. Hắn lại mon men đến ton hót với thái hậu :

— Tâu đức bà... tên Thân tùy của Bình Nguyên vương Mối dải với thằng già cuồng chữ còn hơn cả ngu thần cung phụng bố già ở tư thất...

Thái hậu ngoảnh mặt đi nơi khác, cười khà:

— Khanh đã xúi ta giao phó hắn cho Lê Đàm, bây giờ sự thè thế nào, chẳng lẽ khanh không có cách xử trí hay sao, còn muốn ta phải bận tâm

— Dạ muôn tâu... Trước đây ngu thần hiến kế như vậy là có dụng ý muốn chờ cơ hội kết tội cả lão đồ già lẩn tên Lê Đàm qui quyết một thè...

— Thôi đi, hãy để cho ta yên tĩnh!

Lần đầu tiên, Tả hình Tạ Thanh bị thái hậu xua đuổi, chắc hôm ấy bà mẹ đức vua đang có điều gì bức bối nên không muốn nghe tên gian thần lải nhài nhiều lời.

Ở bên vương phủ, ngay từ đầu, Lê Đàm cũng đã lưu ý nhắc nhớ Anh Võ:

— Em phải ghi nhớ điều này: không có lệnh của anh, nhất thiết em không được hỏi han ông già họ Cao điều gì nhé.

Đã nửa tuần trăng, từ lúc theo gót anh Đàm về đây, chú bé chỉ được sờ sóc, hầu hạ thầy lảng lặng như một cái bóng. Những lúc anh Đàm đến gặp riêng thầy, chú còn phải làm người đứng canh, để phòng có kẻ thóe mách rình mò.

Nhiều lần ông già tỏ vẻ lo lắng, bảo Lê Đàm :

— Anh phải thận trọng, chớ vì bác (ông đã coi Lê Đàm như Cao Nhuệ nên lúc vắng người thường xưng hô một cách thân mật) mà sa vào cạm bẫy của thái hậu, và bọn gian thần! Anh cứ đòi thái hậu, buộc mụ ấy phải trao thằng bác cho tòa hình viện xét xử.

Lê Đàm không nỡ làm theo cách của Ông già. « Ta đã kéo được một con người ra khỏi miệng hùm, lẽ nào lại dè cho con người ấy dẫn thân vào hang sói? » Trong khi chưa tìm ra mưu kế giải thoát, chàng vẫn lưu Ông già ở nhà sảnh, vẫn ngày ngày ^{cho} Anh Võ quanh quẩn hòm hạ và sai người cung đốn mọi thức cần thiết. Chàng không ngờ sự tận tụy của chàng lại dẫn đến một kết quả thảm khốc. Một đêm, Anh Võ và mọi người ngủ say rồi, Ông già còn ngồi tư lự trước án thư khá lâu. Chỉ có ngọn bạch lạp ⁽¹⁾ mới được chứng kiến những ý nghĩ bi phẫn cuối cùng của ông...

Trưa ngày hôm sau, viên hình quan đi minh xác vụ bắt trắc ở khu vườn cấm của hoàng cung bên cạnh phủ Bình Nguyên vương về trình lại với Tả hình Tạ Thanh rằng, hắn đã làm đầy đủ mọi việc khám xét, nhưng không phát lộ được điều gì khả nghi.

— Bầm thượng quan.. dạ.. đây đúng là một vụ tự tử, đương sự dùng dải lụa bạch tự treo cổ lên cành cây mộc lan, hiện còn dè lại một phong thư lời lẽ kỳ lạ.

Như con thú dữ phàm ăn vừa vồ hụt mồi, Tạ Thanh giựt ngay lấy mảnh giấy, lắp bắp đọc:

« *Hỡi những người trung thực! Khi nhìn thấy ta ngủ thiếp trên cành cây, đầu ngoảnh về hướng sao Bắc Đẩu, đừng sợ hãi, hãy đến vuốt mắt cho ta!* »

« *Hỡi những kẻ mạnh tâm độc ác! Khi sờ vào ngực ta thấy không còn thoi thóp, đừng với nghĩ đến việc hâm hại thêm những người vô tội!* »

« *Ta vĩnh biệt dương thế mà vẫn mang theo tia sáng mặt trời. Mai mai ta còn nhìn thấy ánh mắt yêu thương của những tâm hồn ngay thẳng.* »

« *Mai mai ta còn nhìn thấy lòng dạ sói lang của bọn lòng quyền đê tiện!..* »

(1) Nến trắng.

Quảng mảnh giấy vào mặt viên quan, tên gian thần lặng hắn người đi một lúc. «Đúng là thằng già cuồng chửng xuần!»

Bỗng hắn bật dậy và như một con đười ươi, hắn cứ đứng ngừa cõi ra phía sau, cười rất man rợ. Viên hình quan thừa dịp, cúi nhặt vội mảnh giấy rơi, chuồn thảng. Còn lại một mình tên gian thần ôm đầu nói lảm nhảm...



Sau cái chết của ông già họ Cao, Tạ Thanh giảm hắn uy tín đối với Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh. Bị thất sủng⁽¹⁾ hắn lại vùi đầu vào các cuộc đồ đen. Suốt ngày đêm, hắn chui rúc dưới Vạn An lò, lê la hết chiếu bạc này đến chiếu bạc khác. Đến đâu, hắn cũng vơ tiền như rác. Hầu bao của Tả hình đeo trước bụng căng phồng lên như con cóc mệ, bọn đồ bá⁽²⁾ trông thấy thèm nhò dãi. Chúng càng thua càng ham gỡ. Càng gỡ lại càng thua đau. Trong bọn chúng chưa có tên nào đích nòi ngón cờ bạc bịp của Tạ Thanh, trừ quan Giám ti, người ách em con dì với thái hậu.

Hôm nay hai tên tham quan, hai con bạc khét tiếng sát phạt lấn nhau. Thoạt đầu chúng còn làm ra bộ lịch sự.

Tả hình:

— Ngài cao tuồi xin mời ngài «bắt cái» trước!

Giám ti:

— Dạ không dám... Ngài cao chức hơn, xin rước ngài...

Rồi chỉ một thoảng, chúng dề lộ ra các thủ đoạn gian lận. Mạt cưa mướp đắng gấp nhau, chẳng đứa nào chịu lép

(1) *Thất sủng*: không được yêu mến, tin cậy nữa.

(2) *Bọn cờ bạc*.

dứa nào. Bị thua ba ván liền, tên Giám ti bắt đầu cay cú. Vừa thấy Tạ Thanh lết mệt về phía mình, hắn phát khùng:

— Sao ngài lại nhὸm trộm bài của tôi?

Bất đờ hắn bị Tả hình chửi mắng:

— Ngài yên trí, tôi đang nhìn tên kẻ trộm giấu bài trong ống tay áo chứ tôi đâu dám nhìn trộm nước bài của ngài?

— À, ông này giỏi, ông bảo ai là kẻ trộm?

— Tôi bảo anh đấy. Chính anh là thằng cướp cá, là phường ăn quyt, phường kẻ trộm...

— Nói láo! Chính mày mới là phường cờ gian bạc lận.

— Có giỏi mày cứ giữ ống tay áo cho mọi người xem nào? Thách đấy?...

— Mày liệu hồn, đợi đấy... rồi tao sẽ giữ luôn cả bộ xương mày một thè...

Một dăng ý thế là anh em với thái hậu, một dăng ý thế là chức quan hầu cận thân tín nhất của mẹ vua. Hai cái thế ấy đều rắn như đá cuội, nên càng xô xát càng tót lửa. Đến lúc không còn moi móc đâu ra được những lời tục tếu hơn dè si mạ nhau, bọn chúng bèn vứt bỏ cả ngàn ngũ loài người, nhảy xồ vào nhau bằng sức hung dữ của loài dã thú. Những quả đấm tới tấp giáng vào mặt, vào ngực Giám ti. Chỉ cần chạm trễ thêm một chút nữa có lẽ tên hoàng thích này phải chết già hoàn toàn. Nhưng đột nhiên, Giám ti ngồi thụp xuống, dùng toàn lực húc đầu vào bụng đối thủ. Tả hình bị mất thăng bằng, ngã ngửa ra. Cả tấm thân nặng nề của hắn đỗ xuống và cứ thế hắn ngất lịm đi. Người ta tưởng hắn chết già vờ dè đòi ăn vụ. Không! Hắn chỉ còn có thè ú ó kêu lên vài tiếng rồi vĩnh viễn không bao giờ ngồi dậy được nữa. Bởi vì, chiếc lá lách của hắn — vốn đã sưng to lâu ngày vì bệnh nghiện rượu — vừa bị giập vỡ trong ổ bụng, là nguyên nhân kết thúc cuộc đời xấu xa của hắn một cách nhanh chóng.

Chưa cần đợi Tạ Thanh tắt thở thực sự, bọn đồ bác đã xúm vào lột hồn bao, tranh nhau « con cóc mệ », mặc cho tên Giám ti đứng đó, sững sờ...



Giám ti lèn về nhà năm đập chǎn rẽn ư ử. Một tiếng xịch cửa rất nhẹ, tiếng gió lay rèm trúc, thậm chí tiếng chân chó nhón bước ngoài thềm, cũng làm cho hắn giật mình. Lúc nào hắn cũng nom nớp sợ người ta đến bắt giải hắn đi. Hắn nhầm trước những lý lẽ dề biện bạch khi phải ra đứng trước tòa hình viện. Một là Tả hình và hắn từ lâu không có mối thù gì với nhau. Hai là khi xảy ra sự xung đột, Tả hình là người khởi đả trước, đương nhiên hắn phải có hành động chống đỡ dề bảo mạng. Ba là... Bốn là... Tất cả những lý lẽ của hắn đều nhầm bão chữa rằng việc hắn húc chết Tả hình là không may ngộ sát ⁽¹⁾ chứ không phải cố sát ⁽²⁾. Tuy nhiên, tự biện bạch thế nào, hắn thấy mình vẫn là kẻ phạm tội giết người. Mạng dồi mạng, khó lòng mà hắn thoát nỗi phen này! Người hắn trông mong cầu cứu được nhiều nhất là thái hậu thì chắc chắn lần này bà lại là người trị tội hắn thăng tay nhất. Bởi vì hắn giết Tả hình tức là hắn chặt cụt mất một cánh tay vốn dắc lực của thái hậu...

Càng nghĩ hắn càng sinh quẫn, càng rối trí. Hình như có một bàn tay ma qui nào vừa đặt vào hộp sọ của hắn những tảng ong. Hắn cố trấn tĩnh dề tìm ra một kẽ gì sáng sủa hơn mà đầu óc cứ u u... o o... không ra làm sao cả. Giữa lúc tâm thần đang hoảng loạn như vậy thì có tin

(1) Vô tình phạm tội giết người.

(2) Cố ý giết người.

Lạng Sơn vương Nghi Dân muốn với hắn đến từ thắt đàm
đạo riêng.

Bình nhật, Giám ti và Lạng Sơn vương ít đỉ lại với nhau,
nhưng Giám ti vốn biết Nghi Dân là kẻ cơ mưu, nắm ần
đợi thời, dù bị giáng chức không được làm thái tử nữa,
vẫn là một trong những kẻ có vây, có cánh trong triều.

Xưa nay, Nghi Dân chưa từng giúp đỡ ai một cách khảng
khái. Nhưng Giám ti lúc này cần gì biết điều đó. Hắn đang
chết đuối, miễn là vớ được cọc, hãy bám ngay vào cọc cái
đã. Hắn lồm cồm ngồi dậy, khăn áo chỉnh tề, đi thẳng đến
nhà người con trai trưởng của vua Thái Tôn⁽¹⁾

Vừa gặp mặt Lạng Sơn vương hắn đã được nghe những
lời vỗ về phẩn khích:

– Ông Giám ti, đã « có gan ăn muỗng, phải có gan lội hồ ».
Nếu ông tin ở tôi, tôi sẽ giúp ông cái kế biến nguy thành
an, biến bại thành thắng...

Tên Giám ti mừng rơn, tay vái lia lịa, miệng nói liền
thoảng :

– Trong cơn hoạn nạn này, cha mẹ đẻ ra tôi, tôi cũng
không tin, không quý bằng người giải nguy cho mình. Tôi
đã thực bụng đến cửa vương, dám xin vương mở lòng
chỉ giáo.

– Xin đừng dạy quá lời – Lạng Sơn vương xua tay –
nhưng cũng phải tin nhau như thế mới được. Chúng ta đều
đang cần đến nhau cả mà.

Nghi Dân lưu khách ở lại bên mình, suốt đêm trao mưu
bày kế. Khi cáo biệt, Giám ti không trở về nhà nằm đợi
lệnh bắt, y nhờ gia nhân của Nghi Dân trói tay mình lại rồi
tự dẫn thân đến trước tòa hình viện.

(1) Tức Nghi Dân, vì mẹ Nghi Dân không được vua Thái Tôn
lúc sinh thời yêu dấu, nên Nghi Dân không được nhận làm
thái tử.

Nửa tháng sau, khi bản án chính thức loan bố, nhiều người có chức quyền bắn tin đến tòa hình viện: «... Dành rằng cũng là đáng đời Tả hình Tạ Thanh, nhưng tội Giám ti như vậy mà xử hắn chỉ có sáu năm tù thì quá nhẹ. Trong khi mang án, lại cho hắn vẫn được tự do ra vào cung cấm, như thế còn gì là luật pháp của hoàng gia nữa!»

Chẳng những họ mà cả thái hậu cũng không hiểu nòi rằng trong vụ án này có bàn tay bí mật của Lạng Sơn vương thò vào.

PHẦN HAI

Tin Lạng Sơn vương Nghi Dân giết vua, cướp ngôi loạn
đi khắp nước, bay về Côn Sơn một sớm một chiều. Sự thật
ghê rợn quá! Các vị bô lão đi đón sắc chỉ của vua mới, xấu
hở, phải lấy quạt che mặt, nước mắt ướt đầm vạt áo. Không,
chắc chắn là các cụ không khóc vua Nhân Tôn, không xót
thương Tuyên từ hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh mà khóc
cho nước, cho nhà, khóc vì vua Thái Tổ, vì quan Thừa chi.
Chao ôi, bao nhiêu năm trời gọi mưa đầm gió, máu đờ xương
phơi mới dựng lại được tôn miếu... Gió nức nở trên cánh
dồng xơ xác. Mười hạt có đến chín hạt lép, đang giữa vụ
gặt mà cánh đồng vắng lặng như tờ. Lành ít, dữ nhiều, đã
lo cái dái cầm tay, lại hốt hoảng vì những tin đồn đại: Lạng
Sơn vương Nghi Dân mới làm việc bất nhân, vô đạo, cũng
tấp tèn phái sứ giả sang nhà Minh cầu phong, cũng học
dòi xuống chiếu đại xá cho thiên hạ! Chính sự triều chế
thay đổi như bóng mây mà giọng lưỡi kẻ bạo ngược thì bao
giờ nghe ra cũng đầy nhân nghĩa. Lời văn đại xá bố cáo
khắp nơi càng thêm ngán ngẩm lòng người.

Ở Côn Sơn mấy ngày nay người ta xé cổ tới hàng chục
tờ cáo có dấu ấn của «nhà vua». Quan sở tại trông thấy
danh phái làm ngơ. Chỉ có dân Côn Sơn mới dám táo tợn

như thế. Họ nói trăng ra rằng : « Nghi Dân có nhiều tham vọng, nhưng lại là kẻ tài đức hèn mọn nhất trong những người con của vua Thái Tôn ». Đó là chuyện ở người lớn. Còn lũ trẻ mục đồng thì cứ cưỡi lên lưng trâu là vỗ tay đánh nhịp hát xai xải :

Xúc xác, xúc xé...
Ai dè ra người?
Đội lốt con trời
Thác lời thăng Cuội (1)
Việc làm ám muội
Gay tội, két bè
.....
Lứa nồi tút bè
Rời người biết nhẽ!
Xúc xác, xúc xé...

Ấy thế mà lời lẽ bài cáo cứ trăng tràng : « Trăm nhờ trời mến yêu, tò tông giúp đỡ, các vương hầu và các đại thần cùng các quan văn võ trong, ngoài suy tôn xin trăm lén nỗi đại thống. Hai ba lần khuyên mời, không thè đừng được, ngày mồng bảy tháng mười năm nay, trăm phải lên ngôi vì phúc ãm của trăm họ... »

Tờ cáo này xé đi, tờ cáo khác lại hiện lên... Người dân Côn Sơn nhìn thấy nó như nhìn thấy vết chàm xấu xí làm vẩy bần giuong mặt quê hương. Không thè dè như thế này được! Không thè chịu như thế này được! Đây là đất anh linh của các bậc trung liệt, đất của Trần Hưng Đạo, đất của Nguyễn Trãi...

(1) Ý nói : Không xứng đáng ở ngoài vua, chỉ là kẻ nói dối như cuội.

Ở quán nước bên gốc đa đêm nay lại có cuộc hội kiến của dân làng. Một trai đinh vừa trở về sau mấy ngày đi kinh sư dò xét tình hình, đang kè lại với mọi người những điều tai nghe, mắt thấy. Thì ra những tin đồn đều đại dè có thật.

«Nhân một đêm mưa gió, Nghi Dân được tên Giám ti và bọn mưu phán trong tòa hình viện làm nội ứng, đã cho hai tên hung đồ là Phạm Đồn, Phan Ban dẫn hơn trăm đao phủ bắc thang dâng phía cửa Đông hoàng thành, lén vào cung cấm giết vua Nhân Tôn và Tuyên từ hoàng thái hậu. Cùng một lúc, bọn quan tùy tùng trong phe cánh đến trợ lực buộc quan Đô quản phải ra lệnh cho cấm binh không được chống cự lại quân phiến loạn. Do đó bọn Đồn, Ban chiếm được thành trì, cung diện một cách dễ dàng và tôn Nghi Dân lên ngôi vua...»

Không khí cuộc họp sôi lên phút chốc rồi lại lắng hẳn xuống. Có ai đó vừa thắp lên mấy nén nhang. Những vòng khói thơm lớn vờn vây quanh những mái đầu nặng trĩu. Chưa có người nào muộn bày tỏ ý kiến của mình đầu tiên. Cụ chủ quán thúng thảng ho mấy lần rồi đứng dậy nói ra một điều không ai lường trước được :

– Có lẽ ta nên phái người đi mời quan Thân tùy Lê Đàm về đây thôi bà con à! Người tín nghĩa mà sống cùng với bọn sói lang e có khi bị hại. Chỉ bằng cứ trở về nơi lều cỏ, nước suối...

Một giọng gay gắt cướp lời :

– Cứ ai cũng đi tìm lều cỏ, nước suối cả thì lấy ai cứu nạn cho nước, cho dân? Mà chắc đâu di ăn đã thoát. Lão trượng quên mất rằng quan Thừa chỉ xưa kia chẳng đã có thời ăn dật đó sao? Thói đời, lúc không thịnh trị thì người trung thực, tài ba ở đâu cũng khó thoát nòi con mồi soi mói, ghen tị, rình mò của bọn tiêu nhân dắc thế! Cháu mà như ông Đàm ấy à, thì cứ về đây cũng được, nhưng về không

phải ở ăn mà cốt đè dạy vỗ nghệ cho chúng ta, rồi chống chầy tất cả kéo thăng lên kinh, trị cho bọn chúng một mẻ...

Một bác trung niên ngồi bên cạnh vội vàng ngăn lại:

– Ấy chết! Ấy chết! Càn dỡ... Càn dỡ... Nói liều như vậy có khi mất mạng cả người nói lẫn người nghe.

Người nói đang dà hăng, nồi xung:

– Đừng có dọa! Đây không sợ, không sợ đâu nhé!

Cụ chủ quán phải lựa lời dàn xếp:

– Thôi cái chuyện đại sự ấy không phải do bọn ta quyết định ở đây được. Nhiều vị cao minh có công dụng nước từ thời tiên để hãy còn sờ sờ ra đấy!

Người trai tráng vừa nêu ý kiến ban nãy có dịu bớt nóng đi một phần nhưng vẫn còn tỏ ra vẻ sốt ruột:

– ... Nhưng mà các bậc cao minh cứ đè cho bọn lộng quyền che mắt vua mà vua lại dựa vào bọn lộng quyền thì làm thế nào mà biết được ý dân, mà thấu được nỗi cực khổ, uất ức của đám đầu den máu đó chúng ta. Ý cháu, nghĩa là ta cứ phải ra tay một phen...

Bỗng có một bàn tay nhẹ nhàng kéo anh ta ngồi xuống.

Mọi người quay lại và cùng «ồ» lên một tiếng: Sư Nhuệ!

Từ bao giờ không ai biết, sư Nhuệ đến, và nhà sư đã lắng nghe hết mọi chuyện. Cảm thấy cần nói với dân làng, sư Nhuệ khoan thai:

– Thưa cùng bà con... Đất Côn Sơn chúng ta được vinh hạnh là quê hương của quan Thừa chỉ và các bậc trung liệt. Chúng ta nguyên suốt đời noi theo gương sáng tiền nhân, giữ bằng được khí tiết trung tín nhân nghĩa. Nay kẻ bạo nghịch lừa ngoài, dối trong, dùng mạnh tâm giết vua đoạt ngôi, việc làm đó không thè gọi là «nổi đại thống», không thè coi là «vì phúc ấm của trăm họ». Nhưng sự thè đã đảo

điển như vậy, một mình bắn hạt ta với một nhóm dân định
cũng không cứu nguy nòi cho xã tắc !

Sư Nhuệ đưa mắt nhìn mọi người như dò xét rồi nói tiếp:

— Theo ý bần tăng, chúng ta hãy cùng nhau làm tờ trình đệ
lên các bậc đại thần nói rõ gan ruột của chúng ta, đưa trước
cho quan Thân tùy Lê Đàm xem qua. Lê vốn là người
nghĩa khí, có tài thao lược, tuy không nắm vận mệnh bá
quan nhưng vẫn là người tin dùng dưới trướng thân vương
có thèm nhìn xa thấy rộng, biết được cơ trời vận nước để
mách bảo cho chúng ta. Đến lúc cần phải ra tay thì gần xa,
trên dưới một lòng, « nhất hô vạn ứng », bấy giờ dân Côn
Sơn chúng ta sẽ cắp giáo đi đầu giành lại thịnh vượng cho
nước tờ. Bà con thấy thế nào ?

Gian nhà tranh bỗng huyên náo hẳn lên. Những hàng chữ
của tờ trình cứ như được soạn sẵn từ trước, lời theo lời tuôn
ra. Ai cũng muốn cho văn khí bộc lộ được hết tâm huyết
của mình. Đến tận cuối cạnh ba, văn bản mới thảo xong.
Người chắp bút là Cao Nhuệ, còn người xướng đọc là cụ chủ
quán. Tiếng rắng đọc lên cho bà con cùng nghe, cùng bàn
nhưng xem chừng không có một ý nào phải sửa chữa. Cuối
cùng những người có mặt trong cuộc họp nhất tề cử sư Nhuệ
lên kinh sư gấp Lê Đàm. Sự chọn lựa ấy là chí phải. Bởi
vì họ Cao là người tu hành, việc đi lại cũng dễ che mắt
bọn gian ác. Mà đối với quan Thân tùy, trong lớp đồng
môn, có lẽ Cao cũng là người tam phúc nhất.



Từ sau cuộc biến, cảnh vật ở kinh sư lạnh lùng như khoác
màn tang. Sau buổi chầu, các quan ai ở nhà nấy. Đám cung
nữ không dám ló đầu ra khỏi hoàng cung. Phố xá đóng

cửa im im. Mấy quán nước cửa Đông xưa ồn à là thế mà giờ này chỉ thấy mấy cẩm binh vũ khí lăm lăm lảng vảng tuần tra. Thinh thoảng, một con ngựa trạm ⁽¹⁾ tung bờm cuồn cuộn trên đường quốc lộ làm bốc lên một dải bụi mù, rồi tất cả lại khuất vào im ắng.

Khó khăn lắm, Cao Nhuệ mới tìm ra được chỗ ở mới của phủ Bình Nguyên vương Lê Tư Thành. Thì ra, sau khi cướp ngôi Nhân Tôn, dè kiềm chế các thân vương, Nghi Dân tuy phong cho Lê Tư Thành làm Gia vương nhưng lại bắt Gia vương phải vào ở bên cạnh nội điện của mình. Lúc này triều chính nắm ở trong tay Phạm Đồn, Phan Ban. Các đại thần không ai muốn bước chân tới sân rồng. Buổi thiết triều đầu tiên vắng ngắt. Nghi Dân lo sợ cuồng cuồng. Y vội vàng cho tay chân đến tận nhà các quan Đinh Liệt, Nguyễn Xí, Lê Niệm... thuyết dụ, nhưng các quan đều thoái thác xin cáo chầu. Đồn, Ban nồi giận tâu với Nghi Dân:

— Muôn tâu bệ hạ, chúng ta cần gì phải vời băng được mấy lão già ương bướng ấy mới trị được nước? Vua vũng thì nước thịnh! Theo ý bọn ngu thầm, bệ hạ cứ thẳng tay trị tội một lượt cho cái đám ngông nghênh kia không dám khinh nhòn và phải chịu uy của bệ hạ.

Sợ cả nước oán hận, Nghi Dân chưa dám dụng đến các bậc lão thần, nhưng cũng từ hôm ấy, y không vời các quan cũ vào chầu nữa. Được thề, bọn Đồn, Ban cùng bè lũ chia nhau nắm hết quyền hành, tự tiện lấy tiền trong ngân khố ra dùng, âm mưu trùng trị những người không ăn cánh với chúng. Bệ rồng trở thành nơi tụ hội của một bầy sói lang mới cũng không kém phần hung ác so với lũ đầu trâu mặt ngựa Tạ Thanh trước đây...

(1) Ngựa mang thư hoặc mệnh lệnh của vua, quan.

Sư Nhuệ tìm được vương phủ Lê Tư Thành thì trời đã về chiều. Khàn khoản mãi với hai người lính canh cồng, nhà sư mới được dẫn vào gặp Lê Đàm. Chỉ mới thoáng nghe tiếng, Lê Đàm đã vội vàng bỏ dở công việc, lật đật chạy ra đón tận hành lang.

— Cao huynh! Cao huynh! Sao anh thượng kinh mà không hề tin trước cho em hay? Em không kịp báo với anh chỗ ở mới, thật là có lỗi lớn. Ôi chao! Có phải vì mới đi đường xa hay vì ăn chay khô hạnh mà trông anh vỗ vàng hơn lần gặp trước nhiều lắm? Thế cụ chủ quán và bà con anh em cũ ở bên Côn Sơn vẫn được bình yên cả dãy chứ anh? Chà! Em và Anh Võ ở trên này nóng ruột và nhớ bà con dưới ấy biết chừng nào!

Chàng vừa nắm vạt áo cà sa hăm hở mời sư Nhuệ về tư thất vừa luôn miệng hỏi han làm cho nhà sư không khỏi bối rối cảm động. Khi hai anh em đã ngồi đối diện bên khay trà, sư Nhuệ mới khẽ hỏi Lê Đàm:

— Chú Lê, liệu chừng ở đây chúng ta có thể tự do bàn luận được không?

Lê Đàm cười vui vẻ:

— Anh cứ yên lòng. Bọn phản nghịch lúc này còn đang chuyên tâm vào những việc hệ trọng hơn ở nơi khác. Nhưng ở đâu chẳng tai vách mạch rừng, ta cứ nên đề phòng, nói vừa đủ nghe thôi.

Cao Nhuệ đồi giọng, thì thầm:

— Sau cuộc đại biến vừa rồi, dân tình khắp nơi nháo nhác. Kẻ sĩ thì nôn nóng, thấp thỏm trông chờ... Tôi phải gác mõ xếp kinh bước ra khỏi nơi rừng xanh núi đỏ mà về đây. Sao tôi cảm thấy ở đây trầm lặng thật là khó chịu, thật là khó thở. Không hiểu ở bên trong, ý của Gia Vương và các bậc huân cựu, những bậc đồng triều, đồng



... nhà sư mới được dẫn vào gặp Lê Đàm.

liêu xưa của Thầy ta ngầm tinh như thế nào ? Tôi cho rằng đây là lúc rối ren nhất nhưng cũng là thời cơ có một không hai để báo nợ nước, trả nghĩa Thầy. Cách đây không lâu, người nghĩa khí chưa phải tốn một giọt máu mà tên nỗi quan Tạ Thanh rồi đến cả ô nhà mụ ác phi Nguyễn Thị Anh đều đã bị trừ khử. Tuy nhiên Thầy ta chắc chưa thè ngậm cười được ở nơi chín suối. Ngôi thiên tử và lộc nước lại rơi vào tay một lũ thất đức, bất tài. Không nhân lúc này mà dẹp yên bọn chúng thì kỳ cương triều đình sẽ đỗ nát, dân chúng rồi sẽ còn lầm than gấp bội, và những người thân thích còn sống sót của Thầy ta cùng với linh hồn ba họ nhà Thầy chưa biết đến đời nào mới được minh oan. Tôi trộm nghe Gia vương Lê Tư Thành là người nhân đức, thông tuệ khác thường, có bao giờ chú Lê nghĩ rằng con người ấy sẽ lên nối nghiệp tiên đế, cầm cương thiên hạ không ?

Lê Đàm cúi đầu chăm chú nghe không bỏ sót một lời, hồi lâu mới ngẩng lên nhìn Cao Nhuệ, tờ vè biết ơn và dè dặt đáp :

— Việc lớn, để rồi em xin bàn kỹ với anh sau. Chỉ mừng là anh đến với em lúc này quả là một sự dun dum đúng lúc...

Nhà sư gật đầu hiểu ý, nói lảng sang chuyện khác. Người nhìn quanh gian phòng xếp đầy sách, nhà sư dè ý thấy trên giá trước mặt có một cuốn sách gáy trông rất quen thuộc. Lại gần, Cao Nhuệ sững sốt reo lên :

— Ô... chú cũng dám chừa sách của Thầy cơ à ? Cuốn «Quân trung từ mệnh tập» này, chú kiếm được ở đâu mà còn nguyên vẹn thế này ?

— Đó anh biết đấy ? — Rồi không đợi cho Cao Nhuệ phải hỏi thêm nữa, Lê Đàm bí mật khoe : Chính Gia vương tìm thấy ở trong bí thư các, mang về bảo em giữ lấy mà đọc rồi có dịp bàn luận thêm với vương. Của quốc cấm,



— Chú cũng dám chĩa sách của thầy cơ à?

nhưng nhận từ tay vương thì cũng không sợ. Mà điều này mới lạ nữa chứ anh Cao! Vương rất thích nghe thơ của Thầy. Hôm nọ em vờ ngẫu hứng đọc lên một đoạn băng quơ trong bài *phú Chi Linh*, không ngờ vương cứ xoắn xuýt bắt em đọc cho nghe lần nữa và còn bảo em chép lại mà em chưa dám làm.

— Ô... văn chương của Thầy còn cảm hóa được quân địch nữa là người như Gia vương... Chính vì vậy, bao năm nay bọn đặc thể mới cầm ngặt lưu trữ các di cảo của Thầy như vậy. Tôi muốn nói thêm một điều nữa: Gia vương Lê Tư Thành là người có khí phách, nhưng tôi khuyên chú cần phải hết sức ý tứ trong khi nhắc đến văn từ của Thầy, kè cả lúc chỉ có một mình chú với Gia vương. — Lê Đàm vội thưa:

— Em xin lĩnh ý.

Cao Nhuệ lại hỏi sang việc học hành của Anh Võ và tin tức Phạm phu nhân ở Bồn Man.

Lê Đàm bùi ngùi nói:

— Cách đây không lâu, em được bác quản tượng báo cho biết phu nhân hồi này gầy sút, già yếu đi nhiều, nhưng khi nghe nói Anh Võ từ ngày về nước được vô sự và vẫn bài tấn tới, phu nhân mừng rỡ nước mắt. Anh ạ, thường mỗi lần gửi thư sang bên đó, những chuyện buồn phiền, em đều giấu kín, thế mà phu nhân vẫn rõ chuyện bác Cao xấu số...

Nhà sư né một tiếng thở dài. Ngày ông già họ Cao tự tử trên thân cây mộc lan, vì không muốn đe cái chết của ông liên lụy đến những người thân thích, chôn cất ma chay cho ông xong, Lê Đàm mới tin cho sư Nhuệ; lúc nhà sư lai kinh thì cỏ trên mồ bá phu đã bén rẽ xanh ngọn. Cảnh ngộ Cao Nhuệ ai biết đến mà không xót xa ái ngại! Những bất

hạnh khùng khiếp kẽ tiếp nhau, tang cha (⁽¹⁾) tang thầy, tang bác, như ba quả núi đau thương đè lên số mệnh. Ấy thế mà Cao ít khi lộ ra vẻ buồn nản. Cao thường tâm sự với Lê :

— Cho dù đi tu — trừ những kẻ trốn việc quan ở chùa — con người ai cũng phải chọn một mục đích cho cuộc sống của mình. Mục đích của tôi là mượn cửa Phật để suốt đời thắp sáng bó đuốc ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA của Thầy.

Vì mục đích ấy, Cao sẵn sàng chịu đựng mọi nỗi khổ riêng và tìm nguồn an ủi trong cuộc đời bằng những việc làm có ích. Đi gặp Lê Đàm lần này, ngoài cái trọng sự vì đại nghĩa của dân làng giao phó, nhà sư còn muốn biết tường tận về tình hình Anh Võ. Uống cạn tuần trà, Cao Nhuệ mới hỏi Lê Đàm :

— Thế việc nuôi giấu Anh Võ, bây giờ chú định liệu như thế nào ? Tôi e vương phủ lúc này không phải là nơi dung thân cho con thầy học chúng ta...

Ngẩn ngừ giây lát rồi Lê Đàm quả quyết:

— Nếu việc bại lộ thì Anh Võ dù ở đâu cũng nguy hiểm cả. Anh cứ yên tâm, ở đây không sao cả. Vì Gia vương rất tin em, từ lâu, vương và già nhân chung quanh đều nghĩ rằng Võ và em là ruột thịt.

— Vâng thì tùy chú, tùy chú. Tôi biết không bao giờ chú phụ ơn thầy, phụ lòng ủy thác của anh em đồng môn, chỉ ngại chú bận, lỡ có khi...

Câu chuyện đang dở cuộc thì có lính hầu vào báo Gia vương Lê Tư Thành cho mời quan Thân tùy đến bình văn. Lê Đàm vội vã tạm biệt Cao Nhuệ.



(1) *Tức Cao Sư Đăng, người /hợ sơn bị bêu đầu trong lúc xây tháp Bảo Thiền.*

Mặt trời chiều hè lặn từ lâu mà màu nắng nhạt vẫn còn vương trên các lùm cây. Từ xa, một luồng gió thổi về mát rượi, xua tan nhanh chóng khí oi bức của hồ Đàm Đàm. Thời tiết này, đầm này dễ được mùa cá, nhưng triều đình cấm ngặt thường dân không được phát tiếng động và ánh sáng ban đêm, nên không có bóng một chiếc thuyền chài buông câu hay gõ nhịp. Trời sao chỉ chút không làm giảm bớt vẻ cô quạnh bí ẩn của không gian. Chung quanh vương phủ và dọc theo hoàng thành, từng tốp, từng tốp lính canh vác giáo đứng giới nghiêm như phỗng đá, mắt đăm đăm nhìn về khoảng tối xa xa... Tiếng đàn hát từ trong nội điện vọng ra nghe mơ hồ lạc điệu. Sư Nhuệ đi lại lại bên song cửa ngâm trời sao, lòng dạ cứ như gửi ở nơi đâu. Lê Đàm đi bình văn ở phủ Kinh Điện vẫn chưa về. Những dòng chữ tâm huyết của dân làng giấu kín trong tay áo cà sa lúc nào cũng như muốn bốc lửa... Tình cờ sư Nhuệ cao hứng ngâm :

*Bất nhân vô số nhà hào phú
Của ấy nào ai từng được chày (1).*

Chợt nhận ra mình sơ ý, nhà sư thở dài rồi im bặt. Nhưng lời văn của Thầy cứ làm sôi động tim gan :

*Làm người mà cậy khi quyền thế
Có thuở bàn cờ tốt đuôi xe (2).*

Đến tận đầu canh hai, Lê Đàm trở về, thấy Cao Nhuệ vẫn còn thức đọc sách, đợi mình. Hai anh em đều giục nhau đi ngủ. Kỳ thực lúc đã tắt đèn lên giường nằm cạnh

(1) Bảo kinh cảnh giới – thơ của Nguyễn Trãi.

(2) Trần tình – thơ của Nguyễn Trãi.

nha, bấy giờ họ mới thò lộ những điều quan trọng. Càng nghe Lê Đàm nói, Cao Nhuệ càng vỡ lẽ. Nhà sư không đến nỗi phải thất vọng vì cái « trầm lặng thật là khó chịu, thật là khó thở ». Đó chỉ là cảm giác ban đầu. Ở đây – nơi đã từng chứng kiến bao cuộc phế hưng của bao nhiêu triều đại – cái trầm lặng đối với lịch sử và con người văn vật đất kinh sư là cái trầm lặng có ý nghĩa. Nhà sư muốn biết nhiều hơn nữa về Gia vương Lê Tư Thành...

Con người ấy có một đặc tính hiếm có, là hết sức ham học. Khác hẳn với những người anh em cùng cha khác mẹ, từ lúc lên bốn, lên năm, Thành đã nhớ nhập tâm nhiều bài thơ trắc vận. (1) Lớn lên, biết rõ cảnh ngộ mẹ con mình bị vua cha hắt hủi, Thành lại càng yêu mến sách. Trên đời, Thành chỉ tôn thờ hai thứ : Mẹ, và sách thánh hiền. Đã có người nói đến tai nguyên phi Nguyễn Thị Anh : « Lê Tư Thành tướng mạo trông khôi ngô, nhưng sự nghiệp sau này, bất quá cũng chỉ thành một ông văn quan là cùng. Đáng lý « con nhà tông, không giống lông, cũng giống cánh », dẫu này chỉ ru rú bên mẹ và vùi đầu vào chồng sách, chẳng quan thiết gì đến chính sự, chẳng đoái hoài gì đến cảnh sống của một bậc vương giả! »

Bấy giờ Thành đã 14 tuổi. Nghe những lời đàm tiếu đó, nguyên phi Nguyễn Thị Anh lại mừng thầm trong bụng : bà đã thật sự an tâm cho rằng mẹ con Ngô Thị Ngọc Dao không có ý định nhòm ngó chiếc ngai vàng của vua Nhân Tôn là đứa con ruột thịt của bà. Còn đối với Thành, ai bình phẩm mặc ai, vương vẫn cứ giữ nguyên nết cũ. Đúng là vương không ham đua ngựa, không thích rượu chè, không mê hát xướng, không muốn đàm luận về việc triều chính, nhưng chỉ một câu thơ hay cũng đủ làm vương mất ngủ, thao thức suốt đêm. Một buổi chiều, vương đang dạo gót trên lầu, vừa nghe lọt vào tai một giọng ngâm không

(1) *Trắc vận* : thơ văn trắc, khó thiếp.

hay nhưng từ thơ dày cảm khái, vương làm nhảm nhập tâm thuộc ngay. Đó là một bài thơ «bát cú» thè thủ vĩ ngâm⁽¹⁾:

*Góc thành Nam, lều một gian
No nước uồng, thiếu cơm ăn
Con đòi trốn, dẽ ai quyến
Bầy ngựa gầy thiếu kè chăn
Ao bời hép hởi khôn thả cá
Nhà quen xuể xóa ngại nuôi vẫn
Triệu quan chẳng phải, àn chẳng phải
Góc thành Nam, lều một gian.*

Vương chạy bò đi tìm thử xem ai vừa ngâm bài thơ đó. Xuống lầu, vương chỉ thấy người lính canh cửa quen thuộc. Té ra cái giọng ò ò kia là giọng anh này. Vương muốn nghe lại một lần nữa xem mình nhớ có đúng không, nhưng anh ta trả lời lau láu bằng một câu hình như đã nhảm thuộc sẵn từ trước :

— Tôi đứng canh đói bụng, nghêu ngao mấy câu cho khuây khỏa, cũng chả biết là thơ của ai làm và mình vô tình nhớ tự bao giờ. Xin Gia vương tin rằng tôi nói thật...

Lê Tư Thành cố gắng hai lần cũng vô ích, người lính một mực chối từ. Đến khi hỏi Lê Đàm, vương mới biết đó là thơ của Nguyễn Trãi được truyền tụng trong dân gian từ hồi giặc Minh còn chiếm đóng thành Đông Quan. Từ đó, hình ảnh Nguyễn Trãi thường lớn vờn trong đầu óc vương. Nhận một buổi được phép đến thăm vương mẫu Ngô Thị Ngọc Dao, Gia vương Lê Tư Thành đánh bạo hỏi:

— Thưa mẹ, ngày trước có bao giờ mẹ gặp Thừa chỉ Nguyễn Trãi không? Nghe nói ông ta thơ hay lắm, đến bây giờ những kẻ thất học cũng nhớ lâu lâu...

(1) Lối thơ 8 câu, câu đầu và câu cuối giống nhau.

Lời nói dộng đến một vết thương sâu trong lòng, Ngọc Dao lặng lẽ quay đi, giấu giọt nước mắt lăn trên gò má. Sợ hãi, vương vội quỳ xuống:

– Cúi xin mẹ tha tội cho con! Phải chăng con đã làm cho mẹ buồn phiền. Con hứa với mẹ sẽ không bao giờ nhắc đến kẻ đã giết cha con...

Ngọc Dao vội vàng đỡ con dậy. Bà lau khô nước mắt, định nói ra điều giấu kín từ lâu nhưng rồi bấm môi suy nghĩ, bà lại thôi. Bà lấy tay che mặt, ấp úng:

– Không! Không! Con của mẹ không có lỗi gì. Trong việc này chính mẹ mới là người có lỗi... có lỗi với cả... thiên hạ. Mà thôi... cũng dừng nê... đúng dãy con ạ... chưa phải lúc nhắc đến chuyện cũ. Sao hôm nay mẹ thấy chóng mặt thế này...

Lê Tư Thành xếp mọi chuyện, lật đật đỡ mẹ đi nằm. Suốt buổi, vương ở lại hầu hạ săn sóc, chờ cho mẫu thân thật sự bình tâm rồi mới dám ra về. Lòng vương đầy thắc mắc.

Từ sau khi lập được võ công hiền hách, rồi được tiến cử vào làm chức quan Thân tùy ở phủ Bình Nguyên vương, càng ngày Lê Đàm càng được Lê Tư Thành yêu mến vị nè. Nói đúng ra thì cả hai bên đều yêu lẩn nhau vì tài, vì nết. Họ đều là những người hiếu học, cương trực, thảo hiền. Họ đều có tâm hồn phóng khoáng, cao thượng. Từ chỗ tâm đắc với nhau trong thơ văn, họ càng nhích lại gần nhau trong những cảm nghĩ về tài năng, về cuộc đời. Một hôm tại phủ Kinh Diên, nhân đọc lại những sách binh pháp của các triều vua trước, Bình Nguyên vương lựa lúc vắng người, bảo nhở quan Thân tùy:

– Ta vẫn phục ông có trí nhớ mãnh liệt. Ông sống đồng thời với Thừa chi Nguyễn Trãi, ông có thể đọc riêng cho ta nghe một vài đoạn thơ văn của Thừa chi nói về phép



Lòng vương đầy thắc mắc.

trị dân, dựng nước được không? Ông dừng ngại, ở đây chỉ có ta với ông.

— Thưa Bình Nguyên vương, tôi sợ rằng những lời văn của kẻ mang tội phản nghịch khó lọt tai vương. Mà lỡ có ai nghe thấy đem chuyện thóc mách thì lại phiền cho cả vương và tôi. Còn thuộc thơ văn Nguyễn Trãi thì dân chúng thiếu gì người thuộc.

Bình Nguyên vương im lặng một lát rồi thở dài:

— Rủi cho ta, giá phải ta sinh ra đã là con nhà thường dân thì có phải ta biết được nhiều hơn không? Tiếc thay..

Lê Đàm chợt thấy khéo mắt vị vương trẻ tuổi long lanh ươn ướt. Cảm kích trước tấm lòng ái mộ đó, Lê Đàm không nỡ dè cho vương phật lòng :

— Thưa Bình Nguyên vương... Nếu vương thè tất cho, Đàm này xin đọc hầu vương một đoạn trong bài phú Chí Linh vậy. — Rồi người đọc dồn hăng lấy giọng :

*Nhiều hoạn nạn là nền dựng nước
Lâm lo toan là gốc trị vì
Biển cõi trại nhiều thì suy nghĩ sâu
Mọi việc lo trước thì thành công kỲ.*

Giọng đọc dù rất trầm, lời phú vẫn toát ra khí phách hào sảng làm âm vang cả phủ vắng. Vương sững sờ kêu lên:

— Trời ơi, ta như vừa được trông thấy dức Thái Tò cao hoàng đế và các tiên vương thuở hàn vi, ăn cơm hầm, uống nước suối, đang ngồi trên tảng đá trong rừng sâu, chum đầu nhau bàn việc nước. Ta lại trông thấy biển cả sóng cồn, bọt tung trắng xóa... lúc ta còn là cái thai trong bụng mẹ, mẹ ta đã từng phải ôm dạ quặn đau bên bờ cát trắng... Mà hình như vừa có tiếng voi lồng, ngựa hí đau dây.. một rừng cung nỏ đang mai phục trong tim ta, chờ một lệnh

truyền và chỉ cần một lệnh truyền... khoan, hãy chờ đến lúc đó ba quân mới được xung trận. Trời ơi! Lời văn chân chất mà sắc hơn giáo gươm, mạch văn đĩnh đặc mà ý tứ sâu xa, bao quát. Sao con người ấy... quan Thân túy! Cõ nhân có dạy rằng «xem văn ắt biết người». Đúng như Trãi đã viết nên những lời văn này, có lẽ nào Trãi lại là quân phản nghịch, bất trung?

Nhin thẳng vào mắt Lê Đàm, vương khàn khoản:

— Quan Thân túy hãy nói cho ta nghe, muốn đọc văn thơ của Trãi thì ta tìm ở đâu? Trong bí thư các chi vén vẹn còn sót lại một cuốn «Quân trung từ mệnh tập»... Các di cảo khác thì đã bị bọn hoạn quan vô học đốt hết sạch rồi!

Lê Đàm nhác quanh tứ phía, chần chừ vì chưa tìm được câu trả lời thích hợp. Gian phòng phảng phất mùi trầm và mùi mực thơm mà hai người đều cảm thấy nghẹt thở. Bình Nguyên vương sốt ruột:

— Quan Thân túy còn sợ ta sao? Sống với ta bao năm rồi, ông chưa dù hiều lòng dạ của ta hay sao?

Lê Đàm không chủ động được nữa. Chàng quỳ xuống nắm lấy hai bàn tay vương:

— Tôi xin nhận tội chết vì mãi đến lúc này mới dám nói thật... Tôi... trước đây... là một môn sinh nhỏ bé của Thừa chi Nguyễn Trãi. Thẩm nhuần đạo lý của những nǎm đèn sách, tôi cũng chỉ dám nhắc lại điều vương mới nói vừa rồi; tôi không thè tin rằng thầy học của tôi là một kẻ phản nghịch, bất trung. Dù có phải bỏ vào vạc dầu sôi hay quỳ trên bàn chông sắt, tôi cũng không quên được những áng văn bất hủ của Thầy.

Nói đến đây, hai hàng nước mắt Lê Đàm tự nhiên chan chứa.

Bình Nguyên vương cũng không néi nổi xúc động. Đỡ Lê Đàm đứng dậy, vương nói giọng run run:

— Không sao cả! Từ nay... ta càng hiều nhau hơn...

... Qua lời trần thuật của Lê Đàm, Cao Nhuệ như vừa được soi tỏ hơn những nhận định của mình về Gia vương Lê Tư Thành. Nhưng Lê Đàm vẫn chưa dám động gì tới thái độ của vương đối với bọn phản loạn Nghi Dân. Nhà sư tìm cách gợi chuyện :

– Chú Lê này, Gia vương có biết thỉnh thoảng chú vẫn lui tới nhà các quan Á quận hậu ⁽¹⁾ đó không ?

– Có chứ !

– Gia vương có hay hỏi han gì đến các vị ấy không ?

– Cũng chỉ là những lời hỏi thăm sức khỏe mà thôi.

– Thế các vị cựu thần có nhắc nhớ gì đến Gia vương không ?

Lê Đàm nở một nụ cười thăm hóm hỉnh, tự nghĩ : « Cao huynh ghê thật ! Anh ấy đã dồn ta đến mức phải nói... » Lê bấm vào cổ tay Cao ra hiệu :

– Sự việc đã xếp đặt đâu vào đây cả rồi. Các đại thần đã bàn kín việc quyết định số phận bọn phản loạn, và nhầm vào... anh Cao đoán khá准, người cầm cương thiên hạ sẽ là Gia vương...

Lê Đàm còn nhớ như in và kè lại nguyên văn lời đàm nghị của các quan hôm ấy cho Cao Nhuệ nghe. Nghiêm khắc nhất là ý kiến tự chỉ trích của các quan Nội hầu Lê Nhân Khoái, Điện tiền Đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung, Nhập nội đại hành khiền Lê Vĩnh Trường, Lê Yên, Lê Giải, như sau :

« ... Bọn chúng ta là bè tôi huân cựu, mắt trông thấy việc ấy, đáng phải chết theo với xã tắc thế mà lại ở dưới kẻ bội nghịch, đứng ở trong triều kẻ cướp ngôi giết vua, vậy là người tội nhân của muôn đời, còn mặt mũi nào trông thấy tiên dế ở suối vàng nữa ? »

(1) Chỉ Nguyễn Xí và Đinh Liệt là hai cựu thần nhà Lê đồng thời với Nguyễn Trãi.

Cao Nhuệ hả lòng, hả dạ reo lên :

– Có thể chứ ! Có thể chứ ! Cả trời, đất, thần, người, trông vào các vị ấy, chẳng lẽ các vị ấy cứ bung tai bịt mắt ? Thế còn chú Lê, trong kế sách chuẩn bị và hành sự, chú được các đại thần giao nhiệm cho việc gì ?

– Em ấy à ? – Lê Đàm mím cười khiêm tốn – Lúc hữu sự, em sẽ nhận làm một tên quân vác giáo di đầu, còn bình nhật thì vẫn đeo gươm quan Thân tùy nhưng thực chất lại là người lính trạm liên lạc giữa lực lượng dân chúng và nội diện chỉ huy bí mật của triều đình.

Cao Nhuệ sung sướng ngồi nhòm dậy :

– Vậy thắp đèn lên ngay ! Có tin liên lạc của dân chúng với nội diện chỉ huy của triều đình đây !

Cao Nhuệ nhanh nhẹn rút tờ trình ra khỏi tay áo. Dưới ánh sáng hồng, những hàng chữ giấy trắng mực đen hiện lên thành hình ảnh đoàn quân rùng rùng gươm giáo. Đó là những người nghĩa binh Côn Sơn, dẫn đầu là cụ chủ quán, đang tiến về phía kinh sư, và họ lại sê diễu qua lối Tràng An nơi mà cách đây gần hai chục năm trước trong bọn họ đã có người « gọi sương đội nắng chôn chân ở ngoài trời... mấy ngày đêm đè dời nhà vua phải trả thi hài Nguyễn Trãi ». Hình ảnh hùng tráng này lại gợi cho Cao Nhuệ và Lê Đàm nhớ tới câu thơ của Thầy trong bài « Quan hải » :

« *Lật thuyền mới rõ dân như nước* »...

Sáng hôm sau, cơm nước xong, Lê Đàm cho gọi Anh Võ vào gặp sư Nhuệ. Đến Anh Võ tới, Lê Đàm bèn ra ngoài đè hai người nói chuyện với nhau...

Anh Võ bây giờ đã là một thiếu niên dắt đeo, trông ra dáng thư sinh dòng dõi. Hôm nay lên gặp khách quý, Võ mặc áo dài lụa màu tím nhạt, đầu chít khăn nhiều tam giang, lại cài thêm chiếc bút lông bên vành tai, bước đi

khoan thai, nho nhã. Thoạt trông thấy Anh Võ, sư Nhuệ chột dạ nghĩ thầm: «Chà! Gương trán và cái cằm... Chú bé càng lớn càng giống Thầy như tạc một khuôn!» Anh Võ chưa kịp vái chào, nhà sư đã chỉ chiếc ghế bên cạnh, bảo ngồi xuống và phá tan mọi ngăn cách bằng một câu mở đầu rất tự nhiên :

— Sóng ở đây với anh Đàm và Bình Nguyên vương, em có thấy dễ chịu không?

— Dạ!

— Em vẫn được mọi người trong vương phủ yêu mến dấy chứ?

— Vâng...

— Lần trước ta lên viếng mộ bá phụ, ⁽¹⁾ việc tang bối rối không tiện gặp em. Nhưng khi bá phụ ta còn sống..., à... những năm ấy em cũng đã bắt đầu khôn lớn rồi..., chắc người đã có lần giảng giải cho em biết về tình nghĩa khăng khít giữa anh em chúng ta?

Anh Võ chớp chớp mắt moi óc nhớ lại những việc đã qua. Cho đến nay cũng chỉ mới biết sư Nhuệ là cháu ruột của ông già họ Cao và là bạn thân thiết của anh Đàm. Nào khi còn sống, có bao giờ thầy học mình hé răng nói một điều gì về người cháu đâu? Sao con người này lại nói là có tình anh em khăng khít với mình?

Anh Võ đang phân vân, lại nghe nhà sư giục:

— Đúng như thế, phải không em?

— Dạ...

Nhà sư cười lớn :

— Chú em của ta khá lăm. Ai hỏi gì cũng chỉ «dạ» với «vâng». Như vậy là kiệm ngôn ⁽²⁾, chí chắn. Nhưng ta

(1) Bá phụ : anh của cha, gọi nôm là bác. Ở đây chỉ ông già họ Cao.

(2) Kiết ngôn : ít lời.

muốn hỏi em câu này – nhà sư bỗng dời giọng nghiêm trang – Anh Võ, có bao giờ em nghĩ về cha không?

«Trời! Tạo hóa đã sinh ra con người ta, có mẹ, phải có cha. Mình có phải gỗ, đá đâu mà nhà sư lại đặt ra câu hỏi như thế?» Lòng tự ái trỗi dậy. Anh Võ đỏ bừng hai vành tai, nín thở trả lời:

– Tôi là một đứa bé mồ côi cha. Xin ông đừng chế giễu!

Cao Nhuệ đứng bật dậy, chắp hai tay trước ngực:

– Mồ phật! Xin thề với Đức Như Lai... nếu con có ý chế giễu những người côi cút, cô quạnh thì đừng bao giờ Phật tội cho con mờ mắt nhìn thấy chúng sinh.

Anh Võ cũng đứng dậy làm theo:

– Tôi không biết thề, nhưng xin có lương tâm chứng giám: từ lúc biết làm người trông thấy trời đất là từ lúc tôi phải chịu đựng mối hoài nghi vô lý. Cuộc đời không ai chịu nói cho tôi biết cha tôi là ai? Nếu Người đã chết rồi thì cũng phải chỉ cho tôi năm mươi Người an nghỉ, dè hàng năm đến tiết thanh minh, Người khỏi phải chịu cảnh khói lạnh, hương tàn chử? Tại sao? Tại sao? Cả mẹ tôi, cả anh Đàm... – Anh Võ ngược nhìn lên vẻ mặt hối hận của nhà sư – và cả ông nữa..., các người đều giàu kín tông tích cha tôi? Tôi càng hiểu biết nhiều thì tôi càng thấy đời mình vô nghĩa. Mà tôi đâu có phải là kẻ bất hiếu, bất mục, vô thủy, vô chung... Các người tổn công, của cho tôi ăn học làm gì nữa...

Anh Võ càng nói giọng càng tăm túc, ai oán.

Nhin gương mặt đau khổ của chàng thiếu niên cương trực, Cao Nhuệ như nhìn thấy hiện thân oan trái của người thầy tôn kính. Nhà sư lặng người đi, không làm chủ được mình nữa, lảo đảo bước tới đặt tay lên đùi vai của Anh Võ đang run lên dưới làn áo lụa mỏng:

— Thời được, đáng lý ta phải biết dân do hơn nữa, và em cũng phải biết nhẫn耐 hơn nữa. Hay ít ra ta cũng phải bàn bạc với anh Đàm trước. Nhưng nói cho cùng, những điều dù bí ẩn đến đâu, dù đau khổ đến đâu, đến một lúc nào đó con người cũng cần phải biết, biết để chịu đựng, để vượt qua, để rồi lại tiếp tục chịu đựng và vượt qua những điều thử thách lớn lao hơn. Kinh Phật gọi đó là nỗi khổ khôn cùng của kiếp trầm luân... Còn đạo lý của Thầy ta thì nói: đó là cuộc đấu súc giữa cái tà và cái chính, và cuối cùng cái chính phải thắng cái tà. A di đà Phật! Đạo của nhà Phật và đạo của Thầy, đều không có gì trái với đạo của trời đất!

— Ôi! Nhà sư... — lúc này Anh Võ đã trở lại bình tĩnh, nhưng giọng của em có vẻ chua chát, lạnh lùng — người nói những điều gì cao siêu quá, đầu óc kẻ tiêu sinh này không tài nào hiểu nổi! Người hãy trả lời thằng vào nỗi khát khao mong mỏi của đứa bé tội nghiệp này đi: Cha tôi là ai? Cha tôi là người như thế nào?

Bấy giờ Cao Nhuệ mới chịu nói thằng:

— Cha em là thầy học của ta, thầy học của anh Lê Đàm. Người có nhiều đệ tử ở kinh sư, và hầu khắp mười lăm đạo trong cả nước. Cha em là người đã giúp đức Thái Tông Cao hoàng để dấy nghiệp, là bậc đệ nhất khai quốc công thần của tiền triều. Cha em là... là quan Hành khiền Thừa chỉ Nguyễn Trãi Tri tam quán sự Gián nghị đại phu... Là người bị bọn xiêm nịnh trong triều khép tội giết vua nên bị tru di ba họ, chỉ còn dề lại giọt máu duy nhất, là...

Nghe tới đó, Anh Võ chỉ kịp kêu lên mấy tiếng: «Cha! Chaơi!» rồi gục đầu xuống mép án thư lặng ngắt...

Lê Đàm bước vào trong thấy cảnh ấy, biết ngay mọi chuyện. Chàng nhìn Cao Nhuệ có ý trách móc. Hồi lâu, Anh Võ mới

bật lên tiếng nức nở. Nhà sư ra hiệu cho Lê Đàm im lặng, rồi giả bộ bất bình, lên tiếng :

— Nước mắt! Ta đã nhìn thấy nước mắt chúng sinh chảy nhiều rồi. Thật là vô ích, thật là vô nghĩa! Nếu nước mắt mà làm thay đổi được số mệnh, rửa sạch hết oan khiên, hà tất phải đợi đến lúc này ta mới nói cho em rõ những điều bất hạnh? Nếu nước mắt mà làm cho máu ngừng chảy, dầu ngừng rơi, làm cho những kẻ bạo tàn độc ác tinh ngộ, thì người tráng sĩ không còn phải mài gươm rèn chí, kẻ trượng phu không còn phải nặm gai ném mật, và ta, Cao Nhuệ này, không còn phải khoác áo cà sa, giam hãm học vấn của mình nhiều năm trường trong am thanh động vắng! Ôi! Ta đã nhầm chăng, vì đã vội giải bày gan ruột của ta trước một tâm hồn yếu đuối! Không! Ta không thể nhầm được! Chẳng lẽ chàng thiếu niên đang ngồi trước mặt ta mang cốt cách khí tiết dòng máu anh hùng của thầy học ta, lại là một người làm cho ta thất vọng?

Những lời đanh thép đó như có sức kéo Anh Võ ra khỏi cơn ác mộng khủng khiếp. Võ nuốt nước mắt, ngẩng lên nhìn hai môn sinh của cha mình — cũng là những người anh thân thiết nhất — bằng cái nhìn rực lửa:

— Vậy thì các anh bảo em phải làm gì bây giờ? Phải làm gì để trả thù cho cha em, cho nỗi oán ba họ?

— Khoan đã! — Cao Nhuệ lại trở lại giọng từ tốn bình thường — Trả thù? Trả thù kẻ nào? Những kẻ dầu tên chủ mưu giết cha em thì chúng đều đã bị quỷ thần trừng phạt. Tuy nhiên, phe cánh của chúng, những kẻ thâm độc bạo tàn như bọn chúng vẫn còn nhanh nhẹn trong triều. Bọn này là kẻ thù không đội trời chung của dân lành. Chúng luôn luôn bày đặt ra những mưu chước đại gian đại ác dè chổng đối với ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA là cái chí lớn cao vời vợi của Thầy ta. Nếu em biết nối chí, nối nghiệp cha, cố gắng dùi mài kinh sử, đem tài đức ra thực hiện cái đạo lý cao cả

của cha, của Thầy ta, các anh nghĩa rằng, không những em trả được mối thù riêng, rửa được nỗi oan riêng cho cha, cho ba họ, mà còn rửa được mối thù chung cho muôn cuộc đời đau khổ, báo đền cho trăm họ mai sau.

Trong cuộc đời tu hành, đây là lần đầu tiên Cao Nhuệ nói nhiều đến thế. Không phải là sự thuyết pháp về đạo Phật, mà nói về những con người tôn sư trọng đạo, những người bạn đồng môn son sắt của mình, nói cho Anh Võ hiểu thấu cái lý sâu xa, cái đạo lý đã thấm sâu vào lòng dân, mạch đất – cái đạo lý :

*« Lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn
Lấy chí nhân mà thay cường bạo »...*

(Bình Ngộ đại cáo)

Ngày Anh Võ nhận ra nỗi đau lớn nhất cũng là ngày Võ được tiếp xúc với những tình cảm lớn lao về lẽ làm người, về tình yêu đất nước. Em tưởng như mình vừa bị rơi xuống một vực thẳm, lại từ đáy vực mà nhìn lên một bầu trời lung linh với những dải mây ngũ sắc, và kỳ lạ thay những dải mây ấy như đang sà xuống thấp và có một sức kỳ diệu, cuốn em ra khỏi lòng vực đè cùng bay bồng lên khoảng thanh cao...

Chàng thiếu niên đau khổ ấy từ nay bước vào một cuộc sống đầy ý nghĩa. Chàng không còn là một chú bé mồ côi cha náu mình trong vương phủ, ngày đêm chỉ bắn khoăn vì chưa rõ gốc tích của đời mình. Chặt đứt những hoài nghi, tuyệt vọng, chàng quyết theo gót những bậc đàn anh, thực hiện cái chí lớn của người đã khuất. Ngay hôm ấy, Anh Võ đòi Lê Đàm cho phép chàng được đi Côn Sơn cùng Cao Nhuệ.

Những ngày ở Côn Sơn là những ngày Anh Võ cảm thấy tâm hồn thanh thoát nhất! Không có gì ràng buộc chàng.

Chàng không phải dè dặt giữ ý những khi ra vào, nhưng khi ăn nói như cung cách trong phủ Bình Nguyên vương. Cảnh sống tĩnh mịch ở đây với sư Nhuệ khác hẳn với cảnh sống náo nhiệt ở chốn kinh sư. Chùa Tư Ân và núi rừng Côn Sơn là thế giới riêng của nhà sư. Nhà sư trân trọng nói cho Anh Võ hiều từng di tích một. Nước suối, hoa rừng, mây trời, gió núi, cái kho thiền nhiên vô tận ấy từ xưa đã được chọn làm nơi di nhàn ăn dát của Nguyễn Trãi và các bậc tổ phụ, bây giờ và mãi mãi về sau này, lại trở thành nơi di dưỡng của những tâm hồn phóng khoáng. Hàng ngày, trên đường từ chùa đến nơi mộ phần của cha, đi dưới những rặng thông già cỗi kính, Anh Võ không dám bước chân mạnh. Chàng sợ làm lay động giấc ngủ người quá cố. Chàng lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng lá reo rì rào và lắng nghe cả hồn mình:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.*

Lời thơ của cha lúc này như lời ru ngọt ngào gợi lại cho chàng những nỗi niềm quá khứ. Nhưng càng đi sâu vào quá khứ, chàng càng thấy cay đắng, xót xa. Tiếng suối chảy đâu còn là tiếng đàn cầm êm ái! Chàng nghe nó như tiếng than vãn hờn oán, như một lời trách móc, như một sự thúc giục trả thù... «Bạn chúng là kẻ thù không đội trời chung của dân lành. Chúng luôn luôn bày đặt ra những mưu chước đại gian, đại ác dè chênh đối với ĐẠI NHÂN ĐẠI NGHĨA là cái chí lớn cao vời của Thầy ta...»

Từ hôm được Cao Nhuệ cho biết sự thật về đời mình, Anh Võ suốt ngày đêm mơ tưởng đến cha. Chàng cố hình dung ra một nét mặt hiền từ, có vầng trán rộng, có cái nhìn yêu thương sâu thẳm, có chòm râu bạc như cước ẩn giấu một nụ cười độ lượng. Có lần chàng nắn nót vẽ thầm trên trang giấy trắng nét mặt mà chàng hằng tưởng tượng

Lần đó – mới mấy ngày trước tại chùa Tư Ân này thôi – Cao Nhuệ bắt gặp. Anh Võ lúng túng giữ lấy tờ giấy toan giấu đi, chú bé hay đâu nhà sư đã mang đến cho mìnli một nỗi mừng lớn bất ngờ. Thời cùn mẹ con vua Nhân Tôn và bọn hoạn quan Tạ Thanh, ông già họ Cao – vì giữ trọn lời hứa với cháu ruột là Cao Nhuệ – đã hoàn công xong pho tượng Nguyễn Trãi. Sau khi biết bá phụ bị lâm nạn, Cao Nhuệ đã lẩn mò về Lam kinh, tìm nơi giấu pho tượng rồi dưa về Côn Sơn giữ làm pháp bảo ⁽¹⁾ chùa Tư Ân...

Qua những nét phác thảo còn non nớt của Anh Võ, Cao Nhuệ nhận thấy cái tranh có vẻ gì phảng phất gi้อง khuôn mặt của thầy. Bất giác nhà sư bình luận :

– Mô phật! Lòng ái mộ giúp con người hiều được cái chân, cái thiện. Nhưng cũng phải có tài nghệ nữa, thì con người mới diễn tả đúng được cái chân, cái thiện ấy.

Rồi nhà sư dẫn Anh Võ đến trai phòng ⁽²⁾ của mình. Nhà sư mở then cài cửa sau, hai người bước theo những bậc đá thấp dần và đi xuống một chiếc am xây hình bán nguyệt, bên trong tối như bưng. Khi ngọn nến vừa được thắp lên, Anh Võ thấy hiện ra trước mắt mình hai pho tượng uy nghi ngồi đối diện nhau. ⁽³⁾ Linh tính báo cho em biết ngay pho tượng phía bên trái là... cha mình. Quan Thừa chỉ ngồi tựa lưng vào một chiếc kỷ có tay ngai, đầu đội mũ cánh chuồn, nét mặt trầm tĩnh, hai lòng bàn tay đè ngửa trên hai đầu gối; từ những chi tiết nhỏ đến hình khối toàn bộ toát ra một phong thái ung dung tự tại, một sự cân đối tuyệt mỹ. Anh Võ ngẩng lên nhìn Cha. Pho tượng ngồi im phẳng phắc... Bỗng những nét răn như bắt đầu nhú lại trên vầng trán rộng, đôi mắt dang mơ màng nhìn vào cõi

(1) Vật quý của nhà chùa.

(2) Phòng riêng của người tu hành.

(3) Tượng Nguyễn Trãi và Trâu phu nhân.

hư vô vựt trở nên sống động lạ thường. Đôi mắt như nhìn thấu cõi sâu thẳm của tâm hồn, đọc rõ từng ý nghĩ và có phép mầu nhiệm làm sáng tỏ tất cả những điều u àn chứa chất bối lây...

Phút xúc động qua đi, Anh Võ trở về với thực tại. Chàng tờ về băn khoăn, hỏi nhà sư:

— Anh Cao, em không thè không biết tên tuổi người đã dùng tài nghệ thầm lặng của mình làm cho thân phụ em trở nên bất tử... là ai?

— Đó là một bậc thầy tac tượng, người bác ruột xấu số của ta. Em cũng đừng nên nhắc đến nữa.

— Trời! Em muốn thầy học của em, ông già họ Cao ấy cũng trở nên bất tử. Tiếc rằng ba năm đèn sách bên thầy, em không học được những ngón tay tài nghệ dè ngày nay có thè khắc họa lại. Em biết lấy gì dè báo đáp thầy?

— Báo đáp ư? — Cao Nhuệ lại lấy giọng từ tốn — Ta và anh Đàm chẳng dã có lần nói với em: trả thù cho cha không bằng nỗi chí, nỗi nghiệp cha; báo đáp cho một người sao bằng báo đền cho trăm họ. Em có biết lúc này trăm họ đang chờ mong gì ở những người quyết định vận nước hay không?

— ? ?

— Em có biết lúc này anh Lê Đàm và các bậc đại thần huân cựu đang phải chuẩn bị dè ứng phó với một tình thế gấp gáp như thế nào không?

— ? ?

— ... Và ngay kia, dưới chân núi này thôi, em có biết những người dân lành họ đang rục rịch kéo về kinh sư vào một ngày mà cả nước sẽ một phen sống mái với bọn phản loạn Nghi Dân đó không?

Giờ đây trên đường trở về chùa Tư Ân, đi dưới những rặng thông già cò kính, nghe tiếng suối chảy rì rầm hòa với

tiếng lá reo, Anh Võ lại tự mình lặp lại những câu hỏi của nhà sư... Chàng lầm bầm: « Lạ thật! Hôm chia tay anh Lê Đàm dè về Côn Sơn với anh Cao Nhuệ, sao ta chưa thấy hé ra một điều gì? Trong phong cảnh núi sông vẫn êm ái thanh bình mà, cứ như anh Cao Nhuệ nói, có lẽ « đất bằng nồi sóng » đến nơi rồi chăng ?

Quả nhiên việc trọng đại đã tới. Nửa đêm hôm ấy, Cao Nhuệ đóng cửa động, bài biện cảnh chùa. Nhà sư cùng Anh Võ xuống núi. Nghĩa binh Côn Sơn đã tề tựu cả ở trước nhà cụ chủ quán gốc đa đầu làng. Đêm nay đoàn người sẽ tràn gấp về kinh.

* * *

Cứ như mật lệnh mà Lê Đàm đã rỉ tai trước với Cao Nhuệ thì vào giờ thìn ngày mồng sáu tháng sáu sẽ khởi sự. Ngày hôm ấy là ngày Nghi Dân thiết triều làm lễ đăng quang, xong, ban yến hậu thường cho bọn có công lớn đã phò hán lên ngai. Tên Giám ti và bọn Đồn, Ban tấp tèn sắp được mặc áo dài hồng dệt hoa kim tuyến tròn, đội mũ cao son, thắt dai thép bạc vào sân rồng đứng ngắt ngưởng trước trăm quan. Cũng ngày hôm ấy ở kinh sư mở hội khánh thành dài kiêm lương. Các quan Điện tiền, Điện hậu sẽ thân hành bước lên dài đọc chúc hiều dụ dân chúng các trấn, lộ, châu, huyện hãy gắng sức đóng tăng thuế, nộp thêm lương cho nhà vua bù vào sự hao hụt của công khố. Đây lại là một dịp lũ quan tìm cách bóp nặn, vơ vét dân lành. Chúng chỉ tin vào những điều quái gở, lo phải nhìn thấy sao Xuy Vưu ⁽¹⁾ mọc là điềm trời oán mà chúng không hề nghĩ đến nỗi dân oán, không hề lo cho số phận của triệu người lam lũ đã phải bán vợ đợ con, nhijn

(1) Sao Xuy Vưu giống như sao Chổi nhưng đuôi cong như lá cờ, tục gọi là sao cờ.

ăn, nhịn mặc, è cò ra gánh vác trăm thứ sưu dịch cho triều đình. Phải nhận cơ hội này vạch mặt bọn già nhân già nghĩa, và giúp thiên hạ đoạt lấy bát cơm mạnh áo...

Kế hoạch định trước là trong khi bộ chỉ huy nội diện lật đổ bè đảng Nghi Dân ở trong triều thì sẽ có hiệu lệnh đặc biệt báo cho bên ngoài biết. Nghĩa binh sau khi chiếm được các kho thóc, kho lương và kho vũ khí, đại bộ phận sẽ kéo đến bao vây khu hoàng cung chặn đường tiếp viện và đường rút lui của quân Nghi Dân. Số người còn lại được tuyển lựa kỹ càng, mặc đồng phục, deo gươm trán, đứng túc trực ở cửa Đông, đợi lệnh sẽ đem kiệu theo các đại thần vào Gia đê⁽¹⁾ rước minh chủ⁽²⁾ về lên ngôi. Những người nghĩa binh Côn Sơn được chỉ định dẫn đầu các cuộc hộ vệ, trợ chiến khi cần thiết...

Nhưng sắp đến ngày khởi sự thì Lê Đàm bị sa vào tay bọn gian quân. Tình thế hết sức bất lợi.



Khác với thường lệ, sáng nay Gia vương Lê Tư Thành đã ngồi vào bên án thư đọc được hàng chục trang sách mà vẫn chưa thấy quan Thân tùy sang hầu. Vương nhìn qua song cửa... Những bông hoa mặt trời đỏ rực nở bừng tự bao giờ đang nghiêng cánh về hướng đông đê rời xuống thảm cỏ những giọt sương mai long lanh như ngọc. Vương lặng lẽ rời thư viện, đọc theo hành lang đi ra phía sau vườn. Ô ! Con «hồng mao» của Lê Đàm không thấy ở trong tàu ngựa nữa ! Quan Thân tùy di đâu từ đêm hôm trước chưa về ? Sách hay thì trong thư viện của vương phủ thiếu gì ! Hay là... phải rồi, gần đây Lê Đàm thường hay

(1) Phủ đệ của Gia vương.

(2) Chỉ vào Gia vương Lê Tư Thành.

lui tới nhà các bậc huân cựu. Nhưng chẳng lẽ nói chuyện
thâu đêm suốt sáng, bỏ vắng cả công đường, lại không hề
xin phép ta một lời ? Vương băn khoăn quay gót trở vào...
Vừa lúc đó gia nhân đến báo có tin « hoàng huynh » vời
vào chầu.

Cứ mỗi lần phải đi gặp người anh cùng cha khác mẹ,
Gia vương Lê Tư Thành lại cảm thấy khó khăn lo lắng.
Nghi Dân nói một dằng, làm một néo. Đôi mắt của y lầm
dim một cách gian hùng, bộ mặt dẹt trắng bệch phảng lặng
như một tờ giấy, lúc giận, lúc vui, khó mà ai đoán biết. Mở
miệng ra, một điều « vì tò tông », hay một điều « vì máu mủ ».
Bỗng vì một cái ngai vàng, đã giết em là Bang Cơ dễ như
trở bàn tay. Chả biết do kẻ nào mách lèo, Nghi Dân mang
máng biết Tư Thành thích sưu tầm thơ văn Nguyễn Trãi.
Một lần – lúc Nghi Dân còn là Lạng Sơn vương đến tập bài
bên phủ Kinh Diên – gặp Thành đang lúi hüi trước giá sách
cũ, y nói rất tự nhiên :

– Anh nghe người ta nói « Nguyễn Trãi viết thư, thảo
hịch giỏi hơn hết một thời ». Anh cũng đã học công bới
tim kho sách cũ mà không hề thấy sót lại bút tích của
Thùa chi – rồi y làm bộ khẳng khái – giết xong Trãi, người
ta đốt tuốt luốt mọi thứ. Hừm ! Văn tự là văn tự, có lưu lại
cũng chỉ giấy trắng mực đen, sợ gì Trãi đội mồ sống dậy
làm loạn một lần nữa cơ chứ ?

Lê Tư Thành nghĩ thầm : « Giấy trắng mực đen không làm
sống lại người, nhưng có thể làm cho con người hiểu được
lẽ sống, chết. Đó là thứ hùng văn, nó còn mạnh hơn gươm,
giáo... » Tuy nhiên, biết không nên thực bụng với Nghi Dân,
Gia vương trả lời quấy quá :

– Em còn trẻ người non dạ, thấy sách cũ, sách mới, đều
ham đọc, tiếc rằng chưa am tường thư mục là bao ! Xin
anh chỉ giáo thêm cho.

... Đến khi cướp được ngôi, quả thực có một hồi Nghi Dân
chăm chú tìm đọc Nguyễn Trãi. Y hy vọng văn tài bậc lão

thần kiệt xuất ấy có thể biện hộ cho những hành động
đen tối của y. Nhưng càng đọc, y càng thấy lương tâm bị tổ
giác, càng thấy cuộc đời không còn chỗ nào cho y bám víu :

« *Làm việc theo lối trị, thế nào cũng nên*

Làm việc theo lối loạn, thế nào cũng hỏng»

(Quân trung từ mệnh tập)

Từ đấy y hoàn toàn chán ghét Nguyễn Trãi. Y xuống
chiếu một lần nữa, cấm ngặt việc lưu trữ, lưu hành mọi di
cảo của « kẻ loạn thần ». Lời chiếu lần này ghi rõ : « Nguyễn
Trãi can tội bất trung. Kẻ bất trung làm sao có được giọng
văn chính khí. Văn của Trãi còn tanh hôi hơn máu của
Trãi. Vì vậy, từ quan chí dân kẻ nào còn chưa chấp, truyền
bá văn thơ của Trãi là kẻ ấy rắp tâm làm loạn... »

Chi xét qua một việc làm ấy, Tư Thành cũng dù thấu hiểu
lòng người. Hôm nay Nghi Dân lại cho vời vào cung giữa lúc
Lê Đàm vắng nhà vô cớ, vương cảm thấy lành ít, dữ nhiều.
Sửa xong mũ áo, vương ra đi, lòng đầy tư lự. Tiếng là lầu
nghiêm, điện cẩm, nhưng chỉ có mấy bước chân là tới chỗ
vua ở.

Tư Thành vào bệ kiển, thấy mẹ mình – nguyên phi Ngô
Thị Ngọc Dao – đã ngồi đợi sẵn ở đấy tự bao giờ. Vương
quay đầu về phía Nghi Dân chúc thọ « vạn tuế », rồi mới đến
lạy tạ vương mẫu.

Từ ngày được ân xá trở về kinh sư, Ngọc Dao vẫn sống
trong cảnh âm thầm của người quả phụ. Bà xin về ở chùa
Huy Văn ngày đêm trông coi hương khói cho vua Thái Tôn
và các tiên đế. Trải qua nhiều hoạn nạn tang tóc, cuộc đời
nguyên phi của bà giấu kín những kỷ niệm tủi nhục, đau
xót. Niềm an ủi duy nhất là một mụn con trai còn sống sót.
Nhưng mỗi năm bà chỉ được gặp con hai lần: một lần vào
ngày húy chồng tức ngày giỗ vua Thái Tôn, và một lần vào

ngày sinh Tư Thành. Gặp nhau, mẹ con nói với nhau điều gì, quan lẽ nghi đều biên chép cả vào sổ lưu của hoàng tộc, dè có dịp dệ trình lên hoàng thượng... Sự giám sát càng ngặt nghèo thì tình cảm càng nung nấu. Ngọc Dao theo dõi từng thay đổi rất nhỏ của con. Bà mừng thầm vì Tư Thành vừa có tư chất, vừa có hiếu hạnh. Chỉ qua cử chỉ của con, bà đoán biết Tư Thành giàu nghị lực, biết nén lòng thương mẹ dè trau dồi nghiệp lớn. Bà cũng thường đáp lại con trai bằng cử chỉ. Đến nỗi, đã thành thói quen, quan sát vẻ mặt, ánh mắt bà, Tư Thành ngầm hiểu mẹ đang muốn nhắc nhở, căn dặn, hay ngăn cấm mình điều gì.

Lúc này đây, bà ngồi thản nhiên, kỳ thực bà đang nhầm tính cách dối đáp với Nghi Dân. Tên vua tàn bạo này vừa báo cho Ngọc Dao biết những điều bà không thè tưởng tượng được: Lê Đàm là dư đảng của Nguyễn Trãi, mới bị bắt bỏ ngục đêm hôm qua vì có âm mưu giết Tư Thành và lật đổ nhà vua mới...

Nghé tới đó, Ngọc Dao bùn rún cả chân tay... Chao ôi! Ghê thay lũ bất nhân! Mười mấy năm trời ta chưa có dịp nói với con trai ta một lời về công ơn cứu tử của vợ chồng quan Thừa chi. Chưa có ai cùng ta gõ cho ra mối oan vụ án Lê Chi viên thì nay Nghi Dân lại lấy dây oan cũ buộc thêm vào sổ phận mẹ con ta. Hắn hạ ngục Lê Đàm hòng buộc tội con trai ta chưa chấp «dư đảng» của Nguyễn Trãi. Ôi! Hối hồn thiêng Thừa chi, xưa không nhở có Người và Thị Lộ can ngăn lũ bạc ác, làm sao có được Gia vương Lê Tư Thành ngày nay? Áy thế mà chúng dám bốc lửa bỏ tay người, vu cáo cho Lê Đàm – kẻ mòn sinh nghĩa khi đối với Người, người thân tùy trung tín đối với con ta – rằng Đàm «đang có âm mưu giết Tư Thành...» Ta nghe điều đó lạ tai giống như chuyện trời sập vậy. Bằng cớ vào đâu? Bằng cớ vào đâu? Nghi Dân, mi tưởng ta là một mụ đàn bà góa bụa, yếu đuối, mi định dùng ta dè lung lạc, ép buộc con trai ta, đưa

mẹ con ta vào cạm bẫy đó chăng? Đừng hòng! Đừng hòng!
Rồi bọn mì thấy mẹ con Ngọc Dao này xử sự như thế nào?

Ngọc Dao diễm tinh và mỉ mai nói với Nghi Dân:

— Thật là ơn vạn bộ! May nhờ có đức vua sớm hạ ngục
kẻ manh tâm, chứ không thì Gia vương có lẽ bị thác oan rồi!
Nhưng tôi vẫn còn phân vân lắm...

Nghi Dân lạnh lùng hỏi:

- Nguyên phi phân vân điều gì?
- Tôi muốn biết đầu đuôi, chứng cứ...
- Trăm dã năm đầy đủ chứng cứ rồi!

Một ánh mắt giận dữ vụt lóe lên, Ngọc Dao cứng cỏi
thách thức:

— Nếu chứng cứ đã rõ ràng, còn đợi gì bệ hạ không xử
chém Lê Đàm, bêu đầu kẻ phản chủ, lừa vua cho điều tha
quá ria...

— Ấy, ấy... — Nghi Dân lắc đầu cười khanh khách — việc
nước không thể làm khuất tất như vậy được, còn phải đưa
ra cho các quan đại thần và tòa hình viện nghị án nữa rồi
đem hành hình mới công minh. Mà muốn làm như vậy, phải
có những người cùng một ý với trẫm, trước hết là hoàng
đệ Tư Thành, người đã từng cấp lương, ban lộc cho Lê
Đàm trong hàng chục năm nay.

— Xin bệ hạ nhanh chóng cho biết đứa con trai hiếu hạnh
của tôi cần phải làm gì để dẹp lòng bệ hạ? 

— Chỉ cần... Gia vương ký một chữ, nhận làm một nhân
chứng.

— Nhận chứng như thế nào?

— Nhận chứng xác nhận rằng đúng Lê Đàm là dư đảng
của Thùa chi Nguyễn Trãi...

— Trời ơi! Tôi dè con ra, tôi hiều con tôi hơn ai hết...
Không bao giờ Gia vương lại chịu làm một việc hàm hố đến
như thế!

- Trẫm và Gia vương cùng tập văn trong phủ Kinh Diên
đã bao năm tháng. Trẫm hiều hoàng đế phải biết chắc chắn
điều trẫm đang cần biết hơn ai hết. Nguyên phi cứ chờ xem,
lát nữa, lát nữa thôi mà!

Tư Thành bước vào... Ngọc Dao ý tứ mào đầu câu chuyện:

- Tư Thành con! Hoàng huynh đã cho gọi con sang, ắt
có điều cần khuyên bảo. Đối với trong nhà là tình anh em,
nhưng đối với phép nước là đạo vua tôi. Hoàng huynh hỏi
điều gì, con phải tâu bày cho minh bạch, có thì nói có, không
thì nói không, đừng vì yêu riêng, cũng đừng vì thù ghét
mà bao che hay đặt điều cho kẻ khác. Con đã biết tin Thân
tùy Lê Đàm bị triều đình bắt bỏ ngục chưa?

- ??

- Hoàng huynh bảo người đã nắm đầy đủ chứng cứ rồi
đó! Mẹ trách con sao dùng kẻ thân tín lại không biết phòng
thân? Đề xảy ra cơ sự này, há chẳng phải như cõ nhân dã
nói tự mình «nuôi ong tay áo» đó sao?

Khi đã nghe đủ biết tình hình, Tư Thành diềm tĩnh nhìn
mẹ rồi Nghi Dân, nói bằng một giọng quả quyết:

- Thưa hoàng huynh! Nếu em dám không hờ hẹn tự
nhận mình là người trung tín, em cũng dám bảo lĩnh trước
thân mẫu và hoàng huynh rằng Lê Đàm là kẻ vô tội. Thuở
còn binh lửa, nắm hàng nghìn sĩ tốt trong tay, thống lĩnh
ngoài cõi, Đàm vẫn một dạ thờ vua cũ - nước; lẽ nào lúc
thái bình, tự nguyện về deo gươm dưới trướng của em, vô
cớ con người ấy lại sinh lòng phản trắc? Xin hoàng huynh
xét lại xem những điều buộc tội cho Lê Đàm đã thực sự
minh xác chưa?

Như nắm chắc phần thắng về mình, không buồn tranh
cãi thêm một lời nào nữa, Nghi Dân lắng lặng đặt lên tẩm
sập vàng trước mặt mọi người một quyền sách cũ.

Lê Tư Thành thốt lên:

— « Quân trung từ mệnh tập! » do Thừa chi Nguyễn Trãi
vâng soạn...

— Mà triều đình đã cấm ngặt lưu hành. — Nghi Dân đế
thêm lời.

— Nhưng thưa hoàng huynh, hai anh em chúng ta đã
cùng tình cờ tìm thấy quyền sách cũ đó ở « bí thư các », và
chính hoàng huynh bảo em mang về mà đọc kia mà!

Tên bạo chúa không hề biết xấu hổ. Hắn tìm lời buộc tội:

— Ta bảo hoàng đế mang về đọc dè ngẫm nghĩ sâu thêm
lời văn độc địa của kẻ đã giết hại cha ta! Nào ta có xui
hoàng đế đưa cho Lê Đàm xem dè hắn tán thưởng từng
câu, từng chữ, mượn cớ khen văn « loạn thần », rồi âm mưu
làm loạn đâu! Quan Ngự sử dài đâu?

— Dạ... ạ ạ! Muôn tâu bệ hạ... — Tên Giám ti mới được
thăng chức Ngự sử dài, đứng nấp kín ở đâu bây giờ mới
thấy ló ra bộ mặt béo ị.

— Người hãy lôi cõi kẻ làm chứng ra đây cho mẹ con
Thành đừng già mồm bào chữa nữa.

— Dạ... ạ ạ!

... Kẻ được gọi làm chứng mặt xanh như chàm đđ, hết
lắm lét nhìn Tư Thành lại ngượng nghịu nhòm trộm nguyên
phi Ngọc Dao. Hắn không phải kẻ nào xa lạ mà chính là
tên lính canh cồng ở phủ Bình Nguyên vương. Nhìn thấy
hắn, Tư Thành giận sôi máu. Thị ra.. . Nghi Dân và bọn gian
nịnh từ lâu vẫn rắp tâm theo dõi hành vi của ta và Lê Đàm.
Bọn chúng bày kế cho tên lính canh giả nghêu ngao ngâm
bài thơ « Vô dề » của Nguyễn Trãi dè dò la thái độ Tư Thành
này và biết đâu.. . Không, không còn nghi ngờ gì nữa cả,
chắc chắn cũng tên lính canh này đã làm nội gián, thám báo
hết mọi chuyện giữa ta và Thành tuy, giữa ta và Cao Nhuệ
những đêm cùng nhau tâm tình bên án sách...

Vốn bản tính cao thượng, không quen đối phó với những mưu mánh gian xảo ấy, lại gặp phải sự mai phục bất ngờ, Gia vương Lê Tư Thành khí uất lò ra sắc mặt Vương định xi và một hồi cho bõ tức, nhưng bắt gặp cái nhìn của mẹ — cái nhìn như nhắc nhở: « Tư Thành con! Con là người có học vấn, mẹ không muốn con xử sự như những kẻ thợ phu. Dù gặp lẽ bất bình, con phải suy luận sáng suốt, đối đáp cho thông minh... » — Vương liền trấn tĩnh lại. Phải! Vì chưa đủ bằng cớ, bọn Nghi Dân chưa dám kết tội quan Thân túy của ta. Hôm nay chúng định dùng cách ép uồng, dọa nạt... mượn tay Gia vương này trừ khử Lê Đàm trước, sau đó mới truy bức đến mẹ con ta. Chúng thảm hiềm lắm! Còn gì là tình anh-em, tình vua-tôi nữa. Nhưng, ta không thèm đổi chất với tên lính canh hèn mọn, không thèm nhiều lời với Nghi Dân.

Vương tỏ vẻ lơ đãng và bắn khoăn di dến trước cỗ sập vàng, cầm lấy quyền « Quân trung từ mệnh tập ». Vương nói với sách như nói với người thân:

— Sách ơi! Ta chẳng trách ai viết nên người, chẳng trách ai trông giữ người, cũng chẳng trách ai vồ vập hay lẩn tránh người. Ta chỉ trách ta ngày thơ nhẹ dạ! Hoàng huynh ta đã có lẩn bảo ta rằng « văn tự là văn tự, có lưu lại cũng chỉ giấy trắng mực đen, sợ gì Trái đội mồ sống dậy làm loạn một lần nữa », cho nên ta mới mang người từ « bí thư các » về vương phủ. Quan Thân túy của ta thấy người nằm lăn lóc trên án thư, vui miệng cùng ta bình luận về người. Việc đó ta cũng coi tự nhiên như việc ta nghe tên lính canh vô học kia ngâm bài thơ xa lạ... Ta có ngờ đâu, sách ơi, chính người lại là nguyên cớ gieo tai họa cho Lê Đàm, gây phiền lụy cho mẫu thân ta, làm cho tình huynh đệ của ta nỗi cơn sóng gió...

Nghe những lời bóng bầy đó, nguyên phi Ngọc Dao rất mát gan mát ruột. Tên lính canh thì im thin thít. Ngự sứ

dài chạytot vào sau ngai. Còn Nghi Dân, bộ mặt vốn trắng bệch bây giờ nom iu xiù như tờ giấy bị nhúng ướt. Nhưng hắn vẫn cố trang tráo bào chữa:

*

— Hoàng đế nhớ sai rồi... Chưa bao giờ, chưa bao giờ... trãm... phán truyền như vậy cả. Chẳng thể, trãm đã xuống chiếu cấm lưu trữ, truyền bá thơ văn của Trãi! (Từ đây Nghi Dân đòi giọng) Cả nước đều y lệnh trãm, duy có Lê Đàm và ngươi... Gia vương Lê Tư Thành! Rồi liệu mẹ con ngươi có được thoát tội mà bênh vực cho Lê Đàm hay không? Ta sẽ đưa việc này ra tòa hình viện. Có nhân chứng hay vô nhân chứng, tòa hình viện cũng phải xử theo ý của ta. Ý của ta là ý của hoàng đế Nghi Dân! Không có tiên liệt nào, không có đại thần nào, không có hoàng thân, hoàng thích nào vượt lên trên ý ta được. Mẹ con ngươi phải nhớ lấy điều đó...

Một kẻ dắc thế bạo ngược, lăng loàn đến như thế, có lấy tình nghĩa khuyên can hay năn nì hắn, cũng bằng vô ích! Hai mẹ con Gia vương nhìn nhau như ngầm báo hiệu cho nhau biết: phải vững vàng, tinh táo hơn nữa. Nghi Dân nói một dằng, làm một néo. Dừng nao núng trước những lời dọa nạt của hắn.

**

Vừa ở nhà quan Kiêm hiệu quân quốc Lê Lăng về, Á quận hầu Định Liệt đã nghe gia nhân báo cho biết có một nhà sư đến từ lâu chờ xin yết kiến. Hầu xem qua danh thiếp, không kịp nghỉ ngồi thay mũ áo, vội vàng đi thẳng vào nhà sảnh.

- Xin chào tướng công!
- Chào nghĩa hưu!

Chắc hai bên đã biết nhau từ trước và coi nhau thân tín lắm nên vừa gặp mặt khách, Á quận hầu đã nhỏ to thò lò ngay :

– Tất cả sẵn sàng rồi, chỉ còn chờ nghĩa hữu mang tin sốt dẻo về..,

Đinh Liệt vẫn quen gọi các bạn đồng tam của mình bằng cái tên đầy tin yêu: nghĩa hữu. Nghĩa hữu đang ngồi đối diện với hầu lại là nhà sư Cao Nhuệ, môn sinh của Nguyễn Trãi, người bạn đồng liêu oan khuất mà hầu hằng kính phục và suốt đời không nguôi thương tiếc. Cách đây mấy hôm, khi vừa đặt chân trở lại kinh sư, biết tin dữ về Lê Đàm, Cao Nhuệ liền tức tốc tìm đến lầu chi huy nội điện. Hôm ấy tại, nghị sở bí mật, cũng Á quận hầu Đinh Liệt đã giảng giải cho Cao Nhuệ thấy trước hướng đối phó với tình hình mới.

– Như vậy... qua tên lính canh còng ở phủ Gia vương, bè đảng Nghi Dân đã đánh hơi thấy chủ trương của ta. Chúng âm mưu cho kẻ gian chăng dây dào hổ rình Lê Đàm một buổi chàng đi thăm các nghĩa hữu về khuya, thình lình bắt sống cả người lẫn ngựa. Tuy nhiên, hạ ngục Lê Đàm, chúng không bắt được chàng cung khai nửa lời. Dụ dỗ, dọa nạt mẹ con Gia vương, chúng không moi được thêm bằng chứng gì. Thế tất chúng còn xoay xở bàn mưu tính kế, nhưng chắc chắn bọn Nghi Dân chưa đoán biết nỗi binh tinh lực lượng và kế hoạch hành động của ta. Cho nên phương sách tốt nhất vẫn là ta cứ xướng nghĩa khởi sự vào đúng ngày, giờ như cũ, đè bọn chúng trớ tay không kịp. Chỉ e rằng Lê Đàm bị nhốt kín trong ngục thất, có thể phản đoán khác tâm ý của ta, lỡ khi hỏng việc! Giá có ai tìm cách liên lạc được với quan Thân túy...

Việc ấy Cao Nhuệ đã tính đến, nhưng muốn liên lạc với Lê Đàm ở trong ngục, phải qua chín vòng đi kèm canh, chín lần xét nhân dạng, cũng khó khăn như việc nói chuyện với người trên cung trăng vậy. Bỗng nhớ tới lời thầy năm xưa

« Người nghĩa sĩ lúc lâm nạn, dẫu cùng đường không chịu bỏ tay ». Cao tự thấy lòng thêm tin tưởng...

Lúc này biết Á quận hầu đang mong đợi mình, nhà sư mừng rỡ báo tin :

— Thưa tướng công, có lẽ vận nước đến rồi nên nhiều sự xoay vần tốt, thuận kỳ lạ lắm ! Nhờ cụ chủ quán dò tìm mạnh mẽ, không ngờ người coi ngục lại là con trai viên xã trưởng thôn Đoài ở Sơn Nam. Bố y vốn người nghĩa khí, đã có lần lập mưu cứu thoát Phạm phu nhân trong chuyến đi Bồn Man, do đó rất có cảm tình với Lê Đàm. Lần này ông ta cũng mang quân tài thóc về dự hội kiêm lương ở kinh sư. Biết rõ sự tình, ông ta đã vui lòng đảm nhận, tìm cách thuyết phục con trai giải thoát cho...

— Nếu con ông ta không ưng thuận, sự việc bại lộ thì sao ? — Á quận hầu hỏi dồn dập tỏ vẻ lo lắng. “

— Thưa tướng công, đâu vào đấy cả rồi, chắc người có thể yên lòng...

Nhà sư mỉm cười lấy ra một phong thư nhỏ giấu kín dưới nẹp áo cà sa, cung kính trao tay cho Đinh Liệt.

Á quận hầu giờ ra thấy ghi văn tắt : « Kế hoạch xin cứ tiến hành như cũ. Nghe hiệu lệnh chung, tức khắc nạn hữu (1) sẽ có mặt ở nơi đã định. Chúc vạn sự thành công ».

Ở góc bên trái phía dưới lá thư, diền thêm : « Lê Đàm bái bút ». Á quận hầu rạng hân huchen mặt, nhưng liền đó lại tỏ vẻ băn khoăn :

— Nghĩa hữu này, sáng nay Á quận hầu Nguyễn Xí hội kiến ở nhà Quân quốc Lê Lăng đều chợt nghĩ trùng một ý với nhau rằng : Nghi Dân là tên trí xảo gian hùng, biết đâu trước ngày thiết triều làm lẽ đăng quang, hắn chẳng mật sai tay chân thủ tiêu Lê Đàm ? Rất có thể xảy ra như thế lầm chứ, nhất là Nghi Dân vừa bị mẹ con Gia vương lam cho một mẻ xấu mặt !

(1) Nạn hữu : người bạn tù.

Cao Nhuệ liền đứng dậy ghé sát vào tai Đinh Liệt thì thầm :

—Bạn Nghi Dân sẽ không dám liều lĩnh đến như vậy, nếu chúng ta... Xin Á quận hầu cứ cho làm như thế, như thế...

Sáng sớm hôm sau, dân chúng mấy phố quanh hoàng cung mới thức dậy đã nghe nghĩa binh ngoài đường tụm năm, tụm ba bàn tán về cái tin «Thân tùy Lê Đàm bị hoàng thượng xử trảm, bêu đầu ở cửa phủ Gia vương vì can tội dọc trộm văn thơ quốc cấm».

Chẳng mấy chốc, tin đó truyền lan đi nhiều ngả... Kè sĩ và những người hiếu kỳ lại ùn ùn kéo về mạn Tràng An đông nghịt như hồi nào triều đình hành hình Nguyễn Trãi. Người ta xì xào. Người ta khóc lóc. Người ta la hét inh ỏi. Thật là đại gian ác! Thật là đại bất công! Chỉ can tội ấy thôi mà nhà vua nỡ bêu đầu một con người từng có công đánh đòn dẹp bắc thì còn gì là nhân luân nữa!

Những tin đồn ấy được phao lên do mưu kế của nhà sư Cao Nhuệ. Thực ra ở phủ đệ Tư Thành vẫn như mọi ngày, không có hiện tượng gì khác lạ. Lê Đàm vẫn nhẫn nại đeo gông, mang cùm ngồi trong ngục thất. Tin đến tai Nghi Dân. Y thất kinh! Cố nhiên mới lên ngôi, dù có muôn thù tiêu Lê Đàm, lúc này y cũng phải tự «thủ tiêu» ý nghĩ của y đã dã. Nghi Dân vội sai quân dán tờ cáo thị to bằng chiếc chiếu ở ngay cửa phủ Gia vương:

«Đến sáng ngày mồng sáu tháng sáu này, hoàng đế mới ngự tọa nghe triều thần nghị án tội trạng Lê Đàm. Hiện nay Thân tùy Lê Đàm vẫn còn nguyên vẹn tính mạng. Cáo thị cấm ngặt mọi người không được phao tin đồn nhảm và không được tụ hội làm huyên náo trước công môn...»

Ngày mồng sáu, Nghi Dân dời lễ đăng quang thành buổi nghị triều xử án Lê Đàm. Gia vương, vì liên can không được mời tới tham nghị. Á quận hầu Nguyễn Xí, Á quận hầu Đinh Liệt, cùng các quan đại thần như Quân quốc Lê Lăng, Tư mã Lê Niệm, Ngự tiền hầu quân Lê Nhân Thuận, Tông tri

trung quân Lê Nhân Khoái, Thiết dột tả quân Nguyễn Yên, Nhập nội Hành khiền Lê Vĩnh Trường... đều có mặt đông đủ.

Nghi Dân mặc áo rồng ngồi chêm chệ trên ngai. Phía sau vua, lấp ló Ngự sứ dài và đội quân túc vệ của hoàng gia. Tả hữu có Phạm Đôn, Phan Ban, cùng vây quanh là mấy chục võ quan khí giới tùy thân, nai nịt gọn gàng.

Tiếng hô «Hoàng thượng vạn tuế» từ miệng bọn gian thần gào lên toang toác rồi lại dội lên liên tiếp ba lần làm rung chuyền cả chân ngai. Nghi Dân ngã ngửa tẩm lưng ngắn ngắn về phía sau, đang còn lim dim dõi mắt tận hưởng dư vang của một thứ khoái lạc kiêu hanh như nghe một thứ men nồng râm ran chạy khắp cơ thể, thì Ngự sứ dài quan trọng trọng bước ra trước triều thần, quỳ xuống, xướng đọc nghị định tòa hình viện và tờ cung của tên «phản quốc» Lê Đàm. Toàn là những lời vu cáo! Toàn là những chứng cứ vu vơ! Thế mà khi quyết án, hàng trăm cái lưỡi thuộc bè đảng Nghi Dân đều đồng thanh «chém!», «chém!»

Các đại thần huân cựu đã dặn nhau khi vào cuộc, đề cho Á quận hầu Nguyễn Xí «nô» trước.

Nguyễn Xí bắt đầu dõng dạc nói lớn: — Chúng thần kháng nghị bản án Lê Đàm!

Nghi Dân dướn mình ngồi thẳng dậy. Bọn gian nịnh nhấp nhèm chưa kịp múa môi thì Á quận hầu Đinh Liệt lại lên tiếng tiếp theo:

— Bản án không minh bạch! Xin cho diệu Lê Đàm và nhân chứng ra đối chất.

Các vị đại thần khác liền nhất tề nhắc lại:

— Cứ cho diệu Lê Đàm và nhân chứng ra đối chất công khai! — Ngự sứ dài lúng túng. Phạm Đôn, Phan Ban nói nhỏ vào tai Nghi Dân :

— Nếu ra đối chất với Lê Đàm, tên lính canh ở vương phủ sẽ bị núng thế. Bệ hạ nên bác lời nghị vừa rồi đi!



— Chúng thắn kháng nghị bǎn án Lê Đàm!

Không cần ngầm nghĩ, Nghi Dân phán truyền luôn :

— Trăm bác lời nghị của Á quận hầu Đinh Liệt và những lời nghị tương tự.

Nguyễn Xí đứng phắt dậy :

— Thưa các bậc đại thần huân cựu, ý kiến của chúng ta không được đếm xỉa đến, chúng ta còn ngồi đây làm gì nữa !

Tức thì phía đại thần — trừ có Tòng tri trung quân Lê Nhân Khoái và Thiết dột tả quân Nguyễn Yên là còn ở nán lại theo kế đã bàn —, tất cả gần năm mươi vị rũ áo lục tục kéo nhau sang Nghị sự đường.

Đội quân túc vệ và bọn võ quan ngờ ngác nhìn nhau. Cứa đáng tội, bàn tay bọn chúng vẫn nắm chặt đốc kiểm, nhưng đầu gối đã bắt đầu run run. Trước mắt chúng toàn là những vị lão tướng lừng danh thao lược, có máu sát nhân dến như hoàng thượng còn phải gờm nữa là...

Những người còn lại nhón nhác... Thế này thì triều nghi còn ra thế thống gì nữa ! Nghi Dân giận tái mặt, nhảy xô từ trên ngai xuống. Đồn, Ban vội lấy chiến bào khoác cho nhà vua, rồi át cả quyền vua, chúng tự cầm lấy nghi trượng hô lớn :

— Có biến ! Có biến ! Ngự lệnh : bao vây Nghị sự đường, rắp lối cửa Sùng Vũ không cho một tên phản loạn nào chạy thoát !

Nhưng... muộn mất rồi ! Ba tiếng pháo lệnh nổ vang xé vòm không khí... Bè lũ Nghi Dân chưa kịp xung trận thì đã nghe tiếng hò reo dậy đất. Nghĩa binh theo lối cửa Sùng Vũ tràn vào như nước cuốn, rồi nhanh chóng đỗ di nhiều ngả bao vây lấy hoàng cung. Đồn, Ban liền ra lệnh đóng kín tất cả các cửa chính, phụ. Bọn vua tài Nghi Dân lấy kế bảo mạng làm thượng sách. « Thành trì này xây bằng đá tảng, mỗi phiến nặng tới ngàn cân. Giá có cho dân voi trận đi bên trên cũng không lún móng, trại lại, con

kiến bò cũng khó lợt. Sợ gì dám giặc cỏ ấy nhí nhố vành ngoài ! Cứ đè cho Nguyễn Xí, Đinh Liệt... dốc cạn lương ra cho quân ăn, chúng bao vây bảy ngày, bảy đêm – nửa tháng đi chăng nữa – cuối cùng không làm gì được rồi cũng phải kiệt sức. Bấy giờ ta mới phản công ». Nghe Đồn, Ban phác tâu như vậy, Nghi Dân thấy êm tai. Y lại bắt đầu trấn an bọn quan tham bị giam bằng những lời khoác lác :

– Trăm xem ra trong số các khanh ngài đây có nhiều kẻ còn yếu bóng vía hơn cả đàn bà. Thời kỳ trăm chưa thu phục được giang sơn, có những lúc còn nguy khốn gấp trăm, gấp nghìn lần thế này. Những lúc đó – các khanh biết thế nào không ? – trăm đều dùng mưu cao trí cả đè...

Đ ô ô p p... Đ... o., à... a... ng !

Bỗng hai tiếng nổ bất ngờ đánh tai, tung khói ra mù mịt, không trông thấy gì nữa ; Nghi Dân không kịp ngậm miệng, thu mình chui vào gầm ngai. Ngự sứ dài yếu bóng via thật, lăn dùng ngay ra giữa sân rồng. Bọn Đồn, Ban và quan quan thì cứ nguyên cả mũ áo choáng choảng nằm chồng lên nhau...

Tồng tri trung quân Lê Nhân Khoái và Thiết dột tả quân Nguyễn Yên là những nghĩa hữu vừa gây ra hai tiếng nổ ấy. Có gì đâu ! Chỉ là những quả pháo hơi làm bằng vỏ chai, bên trong lèn diêm sinh thật chặt... Đó là mưu kế dùng hỏa mù dè tạo cơ hội cho nghĩa binh bên ngoài trèo lên nóc long cung dỡ mái rồi thả thang dây leo xuống... Khi màng khói đen dày đặc vừa tan, quan tham mở mắt ra, ôi chao ! Họ chứng kiến một cảnh tượng mới còn trăm lần sừng sوت hơn : Lê Đàm hiện ra như « xuất quý nhập thần », đầu đội mũ kim khôi, tay cầm thiết lĩnh dài hai trượng đứng hiên ngang đối diện với trăm quan ; cách dãy không đầy một bước. Phạm Đồn, Phan Ban nằm chết già. Hai tên đều bị trói nghiến quay lưng áp giờ vào nhau, mồm tọng đầy giẻ rách tự bao

giờ... Số là đang ở trong ngục, nghe ba tiếng pháo lệnh, Lê Đàm vùng dậy giật tung gông xiềng — thực ra những thứ này lâu nay chỉ gác hờ vào thiên thề. Người coi ngục giúp Lê Đàm vượt qua chín vòng diểm canh, trả quan Thân tùy về với tự do. Bên ngoài, Cao Nhuệ, Anh Võ và một toán nghĩa binh Côn Sơn đã đứng trực sẵn. Lê Đàm chỉ kịp nói với Anh Võ:

— Em về ngay khu vực cũ cùng bà con chuẩn bị lẽ rước Gia vương...

Rồi chàng lĩnh nhận mũ áo, bình khí cùng Cao Nhuệ, dẫn nghĩa binh đi gặp Á quân hầu Nguyễn Xí và Đinh Liệt ở cửa Tây cung. Đến đây, nghe hai tiếng nổ từ bên trong vọng ra, biết là hai tướng Lê Văn Khoái và Nguyễn Yên đã bắt đầu tung hỏa mù. Không đè chậm trễ một khắc — bằng đường thang dây — các Á quân hầu và Lê Đàm nhanh chóng dột nhập long cung, phá tan « kế bão mạng » của bè đảng Nghi Dân.

Trước cảnh tượng kinh hoàng ấy, vua tôi Nghi Dân chưa kịp hoàn hồn, đã nghe giọng oang oang quen thuộc như chuông đồng của Nguyễn Xí nồi lên :

— Các ngươi có chạy dàn trời cũng không thoát! Trên nóc, dưới sân, ngoài thành, trong cung, đâu đâu cũng đã có quân ta cả. Khôn hồn thì quy hàng ngay lập tức, bằng không cứ trông kia. — Á quân hầu Nguyễn Xí vừa dứt lời, ngọn thiết lính từ tay Lê Đàm đã vung lên đậm nát sọ hai tên Đồn, Ban.

Ngự sử dài sợ mất mệt, vừa lồm cồm ngồi dậy lại lăn kềnh ra, dum bốn vó rên ư ử. Trí nhớ hắn mụ mẫm mất rồi. Hắn không tài nào nhận ra được vị tướng tài mang thiết lính kia lại là chú bé thuyền chài nghèo khổ bên hồ Đàm Đàm ngày xưa đã từng bị hắn — khi còn làm Giám ti — chăn đường cướp cá.

Từ nay đến giờ, Nghi Dân cố nín thở nằm trong gầm ngai. Đã đến lúc cùng đường, tên vua hèn hạ biết không

còn cách nào khác nữa, hắn dành phải cởi hết mũ, măng, chiến bào, rồi hai tay tự vả đòn dối vào miếng, lắc liềng đi bằng đầu gối đến trước mặt lão thần Nguyễn Xí và nãc lên từng hồi:

— Ng.. h... i... D... a... n... nà... y... hư... hư... d... áng... ch... ết... ch... ém... m... ư... ết... Nay... biết... t... ôi... xin... nhường... lại ngôi báu... cho... A... Á... qu... ận... hầu...

Lê Đàm giật chân, trả tay quát lớn:

— Cấm ngay! Đồ càn dỡ. Á quận hầu là bậc nghĩa khí chớ không phải hạng người hám danh, hám lợi như lũ bay. Các ngài chỉ làm việc trừ khử bọn lừa trời dối dân. Còn ngôi báu của thiên hạ phải do triều thần định đoạt.

Bấy giờ các đại thần đã trở lại đông dum. Sân rồng hóa thành nơi nghị tội bè lũ gian nịnh. Số phận Nghi Dân thật thảm hại! Á quận hầu Nguyễn Xí chưa nêu hết tội ác của y, cả quần thần đã « ò » lên như sấm: « Trảm »! « Trảm »! duy chỉ có Lê Đàm đứng lặng suy tư. Á quận hầu Dinh Liệt thấy vậy, hỏi:

— Sao, quan Thân tùy?.. Giết em, cướp ngôi, kẻ ấy chưa đáng chịu tội chết hay sao?

— Quần thần xử trảm Nghi Dân, điều đó không oan ương chút nào. — Lê Đàm thong thả nói — Nhưng tôi trộm nghĩ: ngày xưa Đức Thái Tổ Cao hoàng đế, lúc đã ha hết các thành kéo cờ đại thắng, vẫn còn cấp năm trăm thuyền và mấy nghìn ngựa cho bọn Phượng Chính, Mã Kỳ, Vương Thông, Mã Anh, giúp chúng phương tiện về nước. Ấy cũng là vì giặc « đã sợ chết xin hàng, thực thà cầu sống »⁽¹⁾ cho nên tiễn đế mới « lấy khoan hồng thè bụng hiếu sinh »⁽²⁾. Nghi Dân mang khí huyết của tiễn đế, cùng ruột rà với Gia vương.

(1) và (2) Trích Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi soạn.

Nay dành rằng hắn trót nhúng tay vào máu, nhưng kẻ cầm tay hắn lại là bọn Đồn, Ban. Xin triều thần nghĩ đến phúc ám tö tông, tha tội chết cho hắn mà giáng hắn xuống làm « Lê đức hầu »⁽¹⁾.

Quần thần lại hỏi :

— Còn ông Ngự sử dài, quan Thân tùy bảo nên xử hắn tội gì ?

Lê Đàm trầm ngâm một lúc mới đáp :

— Khi còn ở chức Giám ti, hắn đã từng đánh nhau với nội quan Tạ Thành trong chiếu bạc. Bấy giờ đối với luật pháp triều đình, hắn mắc tội sát nhân, mà đối với trăm họ hắn lại có công trừ khử được một tên đại gian, đại ác. Sau đó, vì tham sống sợ chết, hắn lại rập riệu cùng Nghi Dân làm phản. Hắn chính là kẻ nhờ gió bẻ măng, đục nước béo cò... Nhưng xét cho cùng, bố mẹ vợ con hắn mấy đời nay làm ăn lương thiện, không cậy thần, cậy thế... Đề giảm bớt khổ đau cho những người đó, ta chỉ nên bắt hắn nhận án di dày ở một vùng biên viễn. Kìa ! Các vị cứ trông bộ dạng « quan Ngự sử » run sợ dùm dó như thế kia, dù biết hạng như « ngài » đây chỉ xứng đáng ngang hàng với loài giun dế...

Mọi người trong, ngoài nghe nói đều không nhịn được cười. Cả quần thần vui vẻ chấp nhận ý kiến của quan Thân tùy. Nhiều nghĩa hữu trầm trồ : « Lê Đàm thật đáng bậc môn sinh Thừa chi Nguyễn Trãi. Việc làm, lời nói, nhất cử nhất động đều thấm sâu đạo đức, hào khí của thầy ».

Buổi nghị tội vừa dứt. Tiếng loa đồng từ nội điện vang đi bốn phía :

« Ngôi trời là khó khăn, cửa báu rất quan trọng, nếu không phải là người có đức lớn, không thể đương nổi. Nay Gia vương, từ trời thông tuệ, tài lược trầm hùng, hơn hẳn mọi

(1) Đại Việt Sử ký toàn thư chép : khi đã giết bọn phản nghịch rõ, Quán quốc Lê Lăng lấy lụa đưa cho Nghi Dân, bắt phải tự thắt cổ chết.

người, các vương không ai bằng, lòng người đều thuận thuộc, dù biết ý trời đã giúp... »

Sau khi chiếm xong các công khố, nghe tiếng loa truyền, nghĩa binh nòi nức kéo nhau vào hoàng cung đợi giờ đón nhìn tận mắt đức vua mới. Trước còn từng dám, từng dám, đứng vào khu vực của mình: trấn Thanh Hoa - khu Thái Giám, trấn Sơn Nam - khu Đoan Môn, trấn kinh Bắc - khu cửa Tả... Về sau họ cứ dần dần lấn tới, tấn tới... Lê Đàm cũng chạy vội lên dài Sùng Vũ, thấy dưới đường người, ngựa, xe cộ đang òm òm về phía ngã năm cửa Đông. Ở đây đã đặt sẵn chiếc kiệu rồng son son thép vàng. Lần này rước vua không phải chỉ có quan quân triều đình đầy đủ nghi vệ mà còn có những người nghĩa binh mặc đồng phục, gươm tuốt trần. Lê Đàm nheo mắt... nhận ra cụ chủ quán và viên xã trưởng xã Đoài đứng ở hai đầu hai bên cỗ kiệu. Những vành khăn nhiễu đỏ làm nồi bật mái đầu trắng như bông và những chòm râu bạc phất phơ trước gió. Quan Thân tuy nghĩ thầm: « Gia vương Tư Thành nồi tiếng là người khiêm nhường, ở đâu cũng chú ý kính trọng các bậc tuôi tác. Lần này tân hoàng đế⁽¹⁾ nhìn thấy các vị bô lão di đầu ghé vai khênh kiệu, chắc Người cảm kích lắm! ». Và, trước không khí tung bừng của giờ phút lịch sử trọng đại, chính Lê Đàm cũng không kim nồi xúc động: quên bẵng rằng mình cũng đã được dành riêng một cỗ xe song mã rất sang trọng để cùng các bậc cựu thần lát nữa vào ra mắt mình chủ, Lê Đàm từ trên dài Sùng Vũ chạy bồ xuống đường, nhập vào đám đông. Anh Võ trông thấy chàng từ xa, mừng quýnh, gọi lúi cả lưỡi:

— Anh Đàm ơi! Anh Đàm! Mọi việc anh giao, em lo xong cả rồi, nhưng... anh Đàm này, làm sao triều đình không loan bô trước cho thần dân biết tên hiệu của đức vua mới?

Lê Đàm sững sờ trong thất mật vỗ vào vai Anh Võ:

(1) Đức vua mới, chỉ Lê Tư Thành.

— Em nhớ lấy nhé, Gia vương chúng ta từ nay được suy tôn là Lê Thánh Tôn hoàng đế.

Vì đường vào cửa Động bị nghẽn lối, mãi đến giờ ngọ, chiếc kiệu rồng mới lọt được vào cửa phủ Gia vương cũ và túc trực ở đấy. Trừ các bậc đại thần, huân cựu, còn tất cả các văn quan, võ tướng giờ phút này, không ai có may mắn như quan Thân tùy Lê Đàm, được đặc cách theo vua hộ giá vào tận chính cung. Khi diệu nhạc báo hiệu lễ rước mừng bắt đầu, những chiếc đòn kiệu từ từ nâng lên, và bức rèm ngọc được cuốn cao để lộ khuôn mặt rồng rạng rõ — thì tiếng hô chúc tụng của thần dân tùng loạt liên tiếp nồi lên: «Thánh Tôn hoàng đế vạn tuế!», «Thánh Tôn hoàng đế vạn tuế!» tưởng như không bao giờ dứt.

Đất nước từ đây mới thật sự bước vào những ngày thanh bình tươi sáng.



Năm thứ năm đời Lê Thánh Tôn. Thẩm thoắt lại sắp đến ngày sinh lần thứ hai mươi ba của hoàng đế. Mưa thuận, gió hòa, biển thùy yên ổn, nhà nước mở khoa thi kén chọn hiền tài. Lê Thánh Tôn nỗi tiếng là ông vua hay chữ, đề công rất nhiều vào việc xây dắp nền quốc học. Đề khuyến khích sĩ tử, nhà vua tự ra đề bài thi. Hôm treo bảng vàng làm lễ xướng danh⁽¹⁾, nhà vua lại thân ra ngự trên lầu Khuê văn giám sát việc ban thưởng.

Mấy đời mới có một vị vua hiền, mấy năm mới mở một khoa thi, nên kinh kỳ những ngày rày đông vui vô kể. Suốt một rẽo từ Trường Thi chạy xuôi xuống đường Đại La, trường Giảng Võ, chạy ngược lên phường hàng Vôi, Lò Sũ, tòa ra ô Quan Chưởng đến tận làng Hoàng Mai, hàng quán mới mọc lên nhan nhản. Thế mà vẫn không đủ chỗ chứa

(1) Lê gọi tên những thí sinh tráng túc. Những thí sinh này được vào nhận mũ áo vua ban.

học trò dâng trong, dâng ngoài lều chõng về dự thi. Cụ chủ quán ở Côn Sơn cũng đã rời quê cũ, lên dựng ngôi hàng bên cạnh Thái Miếu từ mấy năm nay. Hàng cụ gần nơi trường thi, sạch mát lại khá tươm tất, nhưng ngày thường cũng như ngày hội, cụ chỉ mở cửa bán nước, tuyệt nhiên không nhận một người lạ nào ở trọ. Cụ sống chung với một chàng thư sinh. Hai người – một già, một trẻ – ăn ở với nhau xem chừng hòa hợp lắm, còn quan hệ ruột thịt hay họ hàng dày mõ rẽ má như thế nào, bên ngoài không ai rõ. Gần đây, hay lui tới hàng cụ có một người đàn bà mái tóc đã nhiều sợi bạc, ăn mặc xuềnh xoàng, nhưng dáng vẻ cao quý, và nét mặt hiền từ luôn luôn phảng phất buồn. Người đàn bà đó lúc thì đến một mình, lúc thì cùng đi với một nhà sư. Chiều nay bà ta lại đến. Vừa nháy thấy bà, cụ chủ quán chạy ra cung kính... Bà mới bước vào nhà, cụ hồi hộp hỏi ngay:

– Phạm phu nhân đã nghe quan trường xướng danh đến Anh Võ chưa?

Người đàn bà khẽ gật đầu, sáng lên một nụ cười đã lâu lăm mới thấy nở trên vành môi héo hắt:

– Cụ hãy mừng cho Anh Võ đi! Cháu đỗ nhất tam trường (1) rồi cụ ạ! Đã thấy ghi rõ tên tuổi ở bảng vàng, chỉ còn chờ xướng danh vào lĩnh mũ áo nữa thôi!

– Có thể chứ... Ô, lão biết mà, lão biết mà, thế nào Anh Võ cũng đỗ thủ khoa. – Cụ chủ quán bây giờ mới khoái trĩ cười rung cả chòm râu bạc, nói chắc – Nay nhớ, kỳ đệ nhất năm bài thi tứ thư, kinh nghĩa, cậu ấy làm được cả. Kỳ đệ nhị ra chế biều, dùng tú lục thì rõ ràng Anh Võ rất sở trường lối văn cõi hè ấy; đến kỳ đệ tam, thi Đường luật... nghe cậu ấy thuật lại khó quá, lão không hiểu thế nào, nhưng lão biết mà, đ, lão biết mà... thế nào Anh Võ cũng phải đỗ cao!

Nghe cụ chủ quán tấm tắc khen con mình, bà Phạm (chính người đàn bà đó là bà Phạm Thị Mẫn, mẹ của Anh Võ, đã

(1) Còn gọi là đỗ thủ khoa, khoa thi hương.

được Lê Đàm và Cao Nhuệ dón về nước từ một năm nay
nhưng vẫn phải trú ngụ nhờ một người bà con ở làng Bố
Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, thỉnh thoảng mới ghé
kinh sư thăm con) cúi đầu ngượng nghịu, và bà lại trở
lại giọng nói buồn buồn mọi khi:

— Cháu Anh Võ được nên người như ngày nay là nhờ có
các bậc nghĩa khí như cụ và các môn sinh của bố cháu hết
lòng nuôi giấu, cứ như tôi, biền biệt bao năm, nuôi tẩm thân
còn khó, nói gì đến chuyện dạy dỗ con...

Cụ chủ quán liền dỗ lời:

— Phạm phu nhân đừng nên dạy thế. Quan Thừa chỉ
ngày xưa cứu cả nước, bây giờ bọn chúng tôi phải có nghĩa
vụ xúm tay nhau lại để nuôi giúp một mình Anh Võ, đã
thẩm vào đâu so với công lao trời bể của Ngài. Mà dù đỗ
đạt, Anh Võ cũng đang còn phải sống ăn náu, đã mở mày
mở mặt được đâu...

Nhớ ra điều gì hệ trọng, cụ chủ quán bèn đặt hỏi bà Phạm:

— À... phu nhân đã nhất quyết chọn dịp này ra mắt đức vua
và hoàng thái hậu ⁽¹⁾ chưa? Thú thật, lão chưa lường trước
được lòng người, nên ngày đêm vẫn lo ngay ngáy.

— Xin cụ cứ vững dạ. — Bà Phạm nói, giọng đầy tự tin —
Anh Lê Đàm và anh Cao Nhuệ đã suy tính mãi rồi, nếu
như Anh Võ đỗ kỳ này thì... chọn cách ấy là hay hơn cả. —
Rồi bà nắn lại vành khăn nở nụ cười sáng bừng gương
mặt — bây giờ cháu đã đỗ rồi, tôi còn đợi gì nữa mà không
làm theo cách ấy hả lão trượng?



Điện Huy Văn khánh thành giữa lúc kết thúc kỳ thi
hương. Vì bận giám sát lễ xuống danh, mãi đến sâm sầm

(1) Mẹ vua, chỉ Quang Thục hoàng thái hậu.

tối, hoàng đế mới đến chúc mừng hoàng thái hậu được. Dù đã lên ngôi thiên tử, đến với mẹ, bao giờ Lê Thánh Tôn cũng giữ đạo bình thản dung dị như hồi ở tiệm dê ⁽¹⁾. Hoàng đế hết sức tránh những sự xa hoa phiền phức. Người cầm bộ Lê [†] nghĩ không được loan báo trước giờ nhà vua khởi hành dè thẩn dâu khỏi mất công đi bái vọng. Người không ngồi xe loan, cũng không mang theo quân túc vệ. Thậm chí, khi bước lên một chiếc cáng cạp vóc vàng, quan Lê nghĩ dời lẩy tàn, lọng ra che, người xua tay bảo: «Đang lúc thời tiết mát dịu, không sương, không nắng, khanh hãy dè cho trãm được tự do hít thở khí trời thoảng dãng...» Đi theo nhà vua, duy nhất chỉ có quan Thân tùy Lê Đàm cưỡi một con ngựa hồng – vẫn cái con tuấn mã trung thành nuôi từ hồi vua – tôi còn ở bên phủ Gia vương ấy.

Lúc vua và quan Thân tùy đến công điện Huy Văn thì các nơi vừa lèn đèn. Ngày khánh thành việc tu sửa điện có khác! Từ bồn hoa, dinh tháp, trong miếu, ngoài hồ dâu dâu cũng thấy trang trí đèn lồng, đèn xếp, và trãm thứ kiều đèn khác: đèn dây, đèn ống, đèn kéo quân, đèn «thiềm thừ» ⁽²⁾... Quang Thục hoàng thái hậu hôm nay lọng lẩy la thường. Đức bà đội mũ khánh tiết, khoác áo kim tuyến, đi hài cườm ra tận tam quan đón nhà vua và vị cận thần. Vừa trông thấy hoàng thái hậu, hoàng đế vội sụp xuống vái lạy:

— Lạy mẹ, mãi việc thi cử, giờ này con mới đến chúc mừng mẫu hậu được. Con xin cam tội bất hiếu.

Quang Thục hoàng thái hậu dịu dàng đỡ nhà vua dậy rồi vui vẻ dẫn Thánh Tôn và Lê Đàm đi thăm cảnh điện mới sửa sang.

Điện Huy Văn hồi còn dưới thời Thái Tôn hoàng đế chỉ là một ngôi chùa nhỏ héo láng nằm ở phía tây nam

(1) Chưa lên ngôi vua.

(2) Đèn bằng giấy, hình con cốc, bên trong thắp nến.

nha Quốc tử Giám, nước hồ tù lai láng bao bọc quanh năm. Đây chính là nơi tị nạn đầu tiên của Quang Thục hoàng thái hậu, ngày bà đang còn gọi là nguyên phi Ngô Thị Ngọc Dao, bị Thái Tôn ruồng bỏ, vì Nguyễn Thị Anh ghen ghét xúi bậy và ngày đó bà mới có mang Tư Thành được ba tháng... Sau những năm tháng bị dày ải, đến cuối đời Nhân Tôn, triều đình an xá, lại cho bà trở về trông coi chùa Huy Văn cho đến khi con trai bà lên ngôi hoàng đế... Chùa Huy Văn đối với bà thân thiết như một người bạn thủy chung vui buồn sướng khổ có nhau, chính vì vậy từ năm năm nay vua Thánh Tôn đã nhiều lần xin rước mẹ về ở trong chính cung, bà khăng khăng từ chối, hoàng đế buộc lòng phải cho trùng tu ngôi chùa xưa thành một ngôi điện tháp theo ý hoàng thái hậu.

Cứ dừng lại mỗi nơi, hoàng thái hậu lại khoe với nhà vua những công trình kiến trúc tinh xảo :

— Con thấy chưa ? Chỉ có người thợ phường Báo Thiên mới nghĩ được cách thiết kế vừa ý mẹ như thế này. Đây nhé, hai cánh cửa lim đồ sộ khi mở ra theo bánh xe lăn, chỉ cần một cái ăn tay nhẹ nhàng, ta đứng đây sẽ được hứng gió hồ mát rượi; đến khi khép lại, lập tức lại hợp thành đôi rồng nằm trong hình lá dề, cùng chầu vào một mặt trời đang bốc lửa.

Hoàng thái hậu rất ý nhị. Biết con trai mê hình tượng rồng, bà liền tìm cách so sánh làm cho nồi bật hình rồng. Bà trả tay dẫn giải :

— Con nhìn kia : mẹ vẫn giữ lại nguyên ở cửa chính con rồng cũ theo kiều dời Lý. Con rồng ấy, có phải không nào, nó đang uốn lưng từ trên xuống theo làn sóng..., mào của nó cũng móng, móng của nó đang vươn ra... Nhưng mẹ lại vừa cho dắp thêm một con «Thanh long» nữa ở trước cửa tiền đường: Con thấy không, «Thanh long» dựng mào quay đuôi trong thế trườn lên, có phải những khúc uốn lượn của

nó bây giờ trông vẫn cồ kính mà lại tự nhiên hơn, trông hùng vĩ mà lại thanh thoát hơn, nó có đà bay cao giống như... Ô, mẹ không biết tả thế nào cho thật đúng!

Lê Đàm đang đứng bên cạnh nhà vua, cao hứng buột miệng :

— Dạ, đúng lắm! Con Thanh long ấy nó đang trên dà bay cao, giống như tâm hồn của một nhà vua trẻ, giống như vượng khí của một triều đại mới.

Hoàng thái hậu thích chí cười giòn tan, còn hoàng đế thì mặt rồng đỏ chín, lấy chiếc quạt the dập dập nhẹ vào vai áo Lê Đàm bảo nhỏ :

— « Phi cồ bắt thành kim »⁽¹⁾! Ngàn đời sau ta vẫn chưa học hết cái tinh hoa của các thời đại trước. Quan Thân tùy đứng ví von như vậy làm trẫm thêm hò hẹn...

Càng đi sâu vào bên trong, cảnh diện càng huyền ảo. Hoa lá chen với núi non, sóng hồ vỗ vào chân tháp, hương trầm thoang thoảng pha lẩn mùi sen, khiến cho người ngoạn cảnh tưởng như mình đang lạc vào chốn bồng lai. Hoàng thái hậu dẫn vua và Lê Đàm di khắp lượt một vòng, đến khi trở về tiền đường, làm lễ khánh tiết xong thì vầng trăng hạ tuần bắt đầu hiện rõ. Thánh Tôn và Lê Đàm lạy tạ hoàng thái hậu ra về. Hoàng thái hậu lại thân tiễn hai người ra tận cửa Tam quan. Những bước chân còn dang lùu luyến, bồng nghe có tiếng tung hô yếu ớt gần sát đâu đây :

— Chúc hoàng thái hậu vạn thọ! Chúc hoàng thượng vạn tuế!

Cùng một lúc, cả ba người nhìn thấy ở dưới bậc bệ đá cuối cùng, choán giữa lối đi, một người đàn bà đang phủ phục, đầu cúi sát ngang vai.

Hoàng thái hậu giật mình. Nhà vua chưng lại nhìn quan Thân tùy... Quái lạ! Giữa giờ này còn có kẻ nào mạo muội

(1) Ý nói không có cũ làm sao có mới.

đến đây. Ké ấy lại là một người dàn bà già nua, yếu đuối, cô đơn. Sao những lời chúc tụng lọt vào tai, ta vắng nghe như là những tiếng kêu than, kêu cứu? Vốn sẵn lòng nhân từ, Lê Thánh Tôn định bước xuống nâng người lật mặt kia đứng dậy. Nhưng hoàng thái hậu bấy giờ vừa bình tâm trở lại, đã nhanh nhẹn cản bước nhà vua, ân cần tiến lên hỏi trước :

- Hỡi người dàn bà đáng thương kia, trước hết bà hãy cho ta biết bà là ai?
- Thưa đức bà, thần thiếp là mẹ đẻ... Ông tân khoa Phạm Anh Võ...

Hoàng đế lắp bắp dỗi môi nhắc lại một mình : « A... Phạm Anh Võ, thủ khoa kỳ thi tam trường... Chiều nay quan chủ khảo mới đệ trình lên cho ta đọc bài phú xuất sắc của chàng thí sinh họ Phạm... » Trong khi đó, hoàng thái hậu hân hoan nói :

- Vậy thì ta có lời chúc mừng bà. Ngày hôm nay, bà là người mẹ sung sướng nhất trên đời.
- Thưa đức bà, trái lại... không có người mẹ nào trên thế gian này tủi phận bằng thần thiếp.
- Sao vậy? Sao vậy – Hoàng thái hậu nôn nóng hỏi – Có phải bà buồn phiền vì con trai của bà ăn ở bạc nghĩa chăng?
- Không phải thế, thưa đức bà; con trai thần thiếp đối xử với mẹ hiếu thảo dù điều...

Hoàng thái hậu nhìn đức vua rồi lại nhìn Lê Đàm lắc đầu cười, khó hiểu :

- Người dàn bà này loạn trí rồi chăng?

Cả vua Thánh Tôn và Lê Đàm đều không đáp, chỉ bắn khoăn cúi đầu suy nghĩ. Hoàng thái hậu lại cố lấy giọng nhẫn耐, gạn hỏi :

- Vậy này, bà mẹ quan tân khoa có điều chi khẩn cấp mà bà phải chầu chực hoàng thượng vào giờ này trước cửa điện nghiêm vàng của ta?

Người dàn bà từ từ ngàng lên, nhìn về mặt phúc hậu của bà mẹ đức vua, tự dung nguồn thương cảm xa xưa bồi hồi kéo đến, những giọt nước mắt lâ châ rơi xuống thèm dá :

— Ôi ! Thưa đức bà, xin đức bà và hoàng thượng soi xét cho, thần thiếp túi phận vô cùng, vì con trai của thần thiếp không có cha, phải khai họ mẹ đẻ vào trường thi !

-- Sao con trai bà lại dại dột thế ? Thè lệ thi cử của triều đình từ mấy đời nay đã qui định : Dù cha đẻ hay cha nuôi không còn nữa thì khi ứng thi, thí sinh cũng cứ phải khai chính thống họ cha kia mà ?

— ...

— Thế Anh Võ mồ côi cha từ năm nào ?

— Thưa đức bà...

Thấy người sương phụ nghẹn ngào nói không ra tiếng, hoàng thái hậu lại vỗ về úy lạo :

— Bà cứ khai thực đi, rồi ta sẽ nói với hoàng thượng đại xá cho con trai bà. Đứa con nào chẳng có một người cha kia chứ !

— Nhưng... thưa đức bà, cha cháu...

— ... Là ai ? Họ Lý hay họ Trần, họ Nguyễn hay họ Lê ? Bà cứ nói đi, nói đi...

— Thưa... cha cháu là người thần thiếp trộm nghĩ đức bà... rõ hơn ai hết !

— Sao ? Người dàn bà kia, người hóa diên thật rồi chẳng ? Trên hai chục năm trời, từ khi hoàng đế đầu thai vào ta, ta không hề tiếp xúc với một người dàn ông quen, lạ nào. Chồng người là ai, có sao người dám nói năng càn dở như vậy ?

Bấy giờ người dàn bà mới cạo đầu xõa tóc, thốt lên lời khai thực :

— Trăm lạy đức bà, nghìn lạy đức bà, xin người và hoàng thượng đại xá cho... Chồng của thần thiếp, người cha quá cố của Anh Võ chính là... là Thừa Chi Nguyễn Trãi !

« Thùa chi Nguyễn Trãi! », vua Lê Thánh Tôn kêu lên mấy tiếng rụng rời. Dưới ánh đèn hồng mà sắc mặt hoàng đế tái xanh đi. Hoàng đế chưa nguôi cơn xúc động, lại thấy Quang Thực hoàng thái hậu chạy đến bên cạnh người đàn bà, cúi xuống ôm lấy đôi vai gầy của bà ta, kè lề vô cùng thống thiết:

— Thùa chi phu nhân ơi! Ta có ngờ đâu phu nhân còn sống sót đến ngày nay! Có ngờ đâu Anh Võ lại là giọt máu của người đã cứu vớt mẹ con ta. Có lẽ Nguyễn Trãi sống trung can, chét linh hiền, nên mới dun dùi cho mẹ con ta gặp mặt mẹ con phu nhân vào giữa cái ngày khánh thành điện Huy Văn này...

— Thế này là thế nào hở quan Thân túy? — Vua Lê Thánh Tôn nắm cù tay Lê Đàm lắc lắc — Khanh! Hình như có nhiều điều khanh chưa thực bụng với trẫm! Chẳng lẽ khanh lại không biết một tí gì chung quanh những điều đang diễn ra trước mắt trẫm đó sao? Khanh có nhớ không, hồi còn ở phủ Gia vương, đã có lần nghe khanh bình thơ Nguyễn Trãi, trẫm bắt đầu ngờ cái án trù di ba họ mà hành quyết quá gấp. Gia dĩ trẫm biết được khanh là môn sinh của Thùa chí... Cũng từ đó cho đến khi lên nắm vương quyền, trẫm đã bao đêm ngồi cặm cụi trong Cơ mật viện, đọc đi đọc lại hàng trăm lần hồ sơ án tích Lệ Chi viên, nhưng không tài nào tìm ra được một chút manh mối. Trẫm biết rằng thời gian và con người đã cố tình xóa mờ vết cũ. Trẫm vẫn định ninh như thế nên dành phải cho việc đời trôi đi như thế... Trẫm có hay đâu Nguyễn Trãi lại là anh hào của hoàng thái hậu và của chính trẫm?.. Mẹ! Sao mẹ nỡ giấu con đến tận ngày nay? Mẹ đẻ ra con mà không tin con, thì trẫm họ còn trông cậy vào Lê Thánh Tôn này sao được? Nếu như không có chuyện tình cờ này...

Thấy nhà vua giận dữ một cách chính đáng, Lê Đàm càng cảm phục trong bụng. « Anh Cao Nhuệ và ta đều không



— *Thì ra chỉ phu nhân ơi!*

nhầm! Đức vua quả là người biết trọng nhân nghĩa...»
Đè mang lại hòa khí chung, quan Thân tùy bèn tìm lời khuyên giải:

— Tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ, thực bụng, hay không thực bụng thường là băng vào hành động mà suy xét. Nhưng đè bệ hạ phải bận tâm vì điều đó, thần tự xét chính mình mới là người có lỗi. Xin bệ hạ đừng nên trách thái hậu. Thần đọc sách, vẫn nhớ lời cõi nhân răn bảo: «Người trái mọi lẽ, sự việc chưa biết chắc mười mươi thì chưa nên nói. Biết chắc mười mươi rồi nhưng lúc chưa đáng nói, cũng chưa nên nói.» Phương chi uần khúc của vụ án Lệ Chi viên còn chưa được làm sáng tỏ thì thái hậu tránh nhắc đến ân nhân của mình là chí phải.

Đêm hôm ấy ở điện Huy Văn trở về cung, Lê Thánh Tôn hoàn toàn không chớp mắt. Hoàng đế trông cho trời chóng sáng đè mở ngay một phiên chầu.



Vào phiên chầu hôm nay, lết thấy mặt hoàng thượng, cả triều thần nhìn nhau norm n López. Sau một đêm thức trắng dấy lên trong đầu óc những bão táp dữ dội, vua Thánh Tôn gầy xom hắn đi. Chiếc mũ bình thiên mọi khi đội vừa khít vầng trán cao rộng, giờ tụt xuống quá mang tai. Đôi mắt quầng thâm lặng lẽ một cách khờ hiều và nghiêm nghị.

Quan Cản chính học sĩ dò hỏi quan Ngự y:

— Gần đây ngài xem mạch hoàng thượng, nghe chừng ngọc thè thế nào?

Thánh Tôn hoàng đế từ ngày ở ngôi, chưa hề cho vời thầy thuốc đến chẩn bệnh bao giờ, tuy nhiên quan Ngự y

của Người vốn tính thích khoang, hễ nghe dá động
dến nghè nghiệp là tuôn ngay ra hàng tràng y lý:

— Mắt hoàng đế quăng thâm thế kia... vâng, là do Người
vượng chân hỏa. Hỏa vượng túc là dương thịnh, mà dương
thịnh át phải âm suy. Ch... ặc! Chi cần bốc ba thang bồ
âm là điều hòa âm dương, chân huyết sẽ lưu thông thôi...

Tòng tri Lê Nhân Khoái nghe quan Ngự y đoán mò bệnh
của hoàng thượng như vậy, suýt bật phì cười, phải lấy tay
che miệng. Trong khi đó, ở hàng thứ nhất phía bên phải
sân rồng, Á quận hầu Đinh Liệt giựt dài mõ người ngồi
kề bên, nói nhỏ:

— Dù từ tối qua đến giờ chưa kịp gặp Lê Đàm, tôi đoán
hôm nay thiết triều, hoàng thượng cũng chỉ đưa ra bàn sự
việc ấy thôi, bác Nguyễn ạ!

Á quận hầu Nguyễn Xí gật gù tán thưởng :

— Tôi cũng nghĩ như bác.

Quả nhiên khi trăm quan vừa yên vị, đức vua phán hỏi
hết súc bất ngờ:

— Các khanh hãy cho trăm biết ở đây, những ai xưa kia
từng là môn sinh của Thừa chi Nguyễn Trãi?

Im lặng!

Hồi hộp...

Đức vua lại giục:

— Thừa chi có trên dưới năm trăm môn sinh, trong số
đó, người đỗ đạt làm nên danh vọng cũng không ít. Chẳng
lẽ không ai dám nhận tên tudì thầy học cũ của mình?

Thấy vua có vẻ tra hỏi gắt gao, các quan càng e dè.
Bỗng một giọng nói quen thuộc, đĩnh đạc nồi lên. Mọi
người đều đỗ dồn mắt về phía quan Thân tùy Lê Đàm:

— Muôn tâu bệ hạ, hạ thần trước kia chính là trò yêu của
quan Thừa chi Nguyễn Trãi.

Nhà vua truyền Lê Đàm ngồi xuống, lại hỏi tiếp.

— Còn ai nữa nào?

Hoàng thượng vừa dứt lời, hàng trên, hàng dưới rào rào đứng dậy: « Thần ạ! » « Thần nữa ạ! » « Còn thần nữa ạ! »... Vua Lê Thánh Tôn kinh ngạc thấy quá nửa triều thần, già có trẻ có, quan to, quan nhỏ, cả bên văn lẫn bên võ, đều một lượt nhận là học trò Nguyễn Trãi.

Vua đứng lặng hỏi lâu mới phán rõ ý:

— Trẫm mong muốn tất cả các khanh ở đây đều là bồ tát trung. Đã là bồ tát trung, phải biết khuyên vua làm điều nhân đức. Theo chỗ trẫm được biết, triều trước có những việc làm thất đức... Đó là do bên cạnh nhà vua còn có những kẻ gian thần xiêm nịnh. Phần lớn các khanh ở đây đã đứng bóng hoặc xế bóng cuộc đời rồi, nhưng chắc các khanh còn đủ sức nhớ lại, các khanh thử ngẫm hộ trẫm xem, vụ án vườn Lệ Chi thực hư như thế nào? Lúc tiên đế băng hà cũng là lúc xảy ra vụ án, trẫm còn bé bỏng trứng nước quá, làm sao mà hiểu nổi những việc trong hậu cung? Nhưng lớn dần lên, có nhiều chuyện ngẫu nhiên xảy đến làm cho trẫm phải suy xét về Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Trẫm khó tin một người như Trãi lại là kẻ loạn thần! Điều đó đeo đẳng mãi trong ý nghĩ của trẫm cho tới ngày nay... Ngày nay băng vào những điều tin cậy được, trẫm đã có thể quyết đoán: Nguyễn Trãi là một bậc trung thần tài giỏi mà bị oan thác! Nhưng minh oan cho Trãi không phải là chuyện dễ. Các khanh nên nhớ rằng khi dựng lên một vụ án, triều trước đã lập mưu tìm đủ bằng cớ hữu lý để buộc tội cho người vô tội, thì khi muốn bác bỏ vụ án đó, triều sau cũng phải có đủ bằng cớ xác đáng mới qua hiện⁽¹⁾ được. Các khanh hãy giúp trẫm và cùng trẫm ra tay vén băng được tấm màn mờ ám, làm cho ngay

(1) Thực hiện một cách có kết quả.

gian sáng tỏ. Nhân đây, trăm loan bố trước với các khanh rồi nay mai sẽ xuống chiếu cho khắp thiên hạ biết: Phàm tội **dân trong** nước Đại Việt, bất luận già trẻ, trai gái, từ người có phàm túc cao nhất cho đến kẻ cùng dinh, từ người lương thiện cho chí kẻ tù dày, kẻ bị can án nặng, nhẹ; ai biết nhiều, biết ít đều có quyền làm tờ biên thuật hoặc nhờ quan sở tại tâu lên tận trăm những điều uần khúc chung quanh vụ án vườn Lệ Chi. Có công, sẽ được hậu thưởng. Đang mắc tội mà biết sự việc trên, tường trình trung thực cũng sẽ được ân xá...

Nói rồi, nhà vua truyền cho bấy chầu.

Không đầy hai tháng sau, nhà vua nhận được hàng vạn tờ trình, tờ biếu. Đặc biệt, tờ trình của một tội nhân đang bị dày ở biên viễn mới gửi về làm cho hoàng thượng chú ý nhất. Người suy xét rất kỹ từng câu, từng ý, lật đi lật lại các chi tiết xem giữa sự kiện và năm tháng có ăn khớp với nhau không; sau đó Người cho mời riêng một số quan cẩn thận tới.

Nhà vua bảo Lê Đàm trao tay cuộn giấy cho Á quận hầu Định Liệt. Xong, Người nhìn mọi người và mỉm cười chua chát :

— Hôm nay, trăm mới tìm ra thủ phạm thật của vụ án vườn Lệ Chi...

Đinh tướng công còn đang lúng túng, nhà vua lại hỏi :

— Các khanh có biết tên Ngự sử đang can tội, tức là tên Giám ti dưới triều Nhân Tôn, và Tuyên Tử hoàng thái hậu ⁽¹⁾ có họ hàng thân thích với nhau như thế nào không?

Thấy các quan đại thần ngồi im lặng, Lê Đàm rụt rè tâu :

— Muôn tâu bệ hạ, mẹ đẻ ra tên Giám ti là chị ruột bà ta.

(1) Tίc nguyên phi Nguyễn Thị Anh, mẹ vua Nhân Tôn.

Bấy giờ quan Quân quốc Lê Lăng cũng đứng dậy :

– Dạ muôn tâu, như thế phong tục ở trấn Thanh Hoa
gọi là ái bạn con dì mà Giám ti thuộc « cảnh » trên.

Hoàng đế bèn xua tay :

– Thôi, trẫm chỉ cần hỏi thế là đủ. Bây giờ các khanh
đọc đi, đọc đi !

Bốn, năm vị chum đầu, dán mắt vào những dòng chữ
chưa bay hết mùi mực ướt. Tờ trình của tên Giám ti là một
tài liệu nhân sự vô giá. Nó là bức tranh chân thực về cuộc
đời một người đàn bà quyền mưu, tham lam, dối kỵ độc ác. Nó
làm hiện lại cảnh sống ngọt ngạt, nhuốm hương dưới
triều vua Thái Tông với tất cả những việc làm đen tối bí
mật của người đàn bà ấy – nguyên phi Nguyễn Thị Anh –
và bọn hoạn quan trong cung cấm.

Nguyễn Thị Anh là một trong năm nguyên phi của Thái
Tông, được nhà vua thuở sinh thời yêu dấu nhất. Biết vậy,
phi luôn tìm cách bắt vua phải chiều theo ý mình. Bằng
thủ đoạn nham hiểm, phi đã mượn tay vua, giết dần những bậc
bè tôi trung nghĩa, và lần lượt phế truất các nguyên phi
khác. Đầu tiên, Thị Anh xúi giục Thái Tông triệt quan Đại
tư đồ Lê Sát, do đó con gái Lê Sát đang ở ngôi nguyên
phi phải phế làm thứ dân dề cho con gái đại thần Lê Ngân
làm Huệ phi. Ít lâu sau, thấy vua có vẻ ăn ý với Huệ phi,
Thị Anh đem lòng ghen ghét, liền tìm cách xui người tố
 cáo là Huệ phi thờ ma, luyện bùa trong nhà mẹ hoặc vua: tức
thì Huệ phi bị giáng, nhân việc ấy bố là Lê Ngân đang
giữ chức Đại Tư không đứng đầu triều phải chịu chết oan.
Rồi đến khi Thị Anh sinh được con trai là Bang Cơ (tức
vua Nhân Tông), phi muốn con mình cướp ngôi thái tử của
Nghi Dân là con trai trưởng của vua Thái Tông, lại tìm
cách xúc xiém vua giáng truất hai mẹ con Nghi Dân.

Những việc ấy Thị Anh đều làm trót lọt. Duy có một
lần... Lần đó Thị Anh đang có chuyện xích mích với

Ngô Thị Ngọc Dao, một nguyễn phi khác của Thái Tôn. Lại lúc thanh vắng một mình với nhà vua trong cung cấm, phi mới thỏ thè gợi chuyện :

— Tàu hoàng thượng, thần thiếp đã phái người đi dò xét tường tận rồi : đúng là Ngọc Dao có nhúng tay vào vụ Huệ phi làm nhiều điều xấu xa tai tiếng đến hoàng tộc. Hoàng thượng đã trị tội Huệ phi, thần thiếp trộm nghĩ nay cũng nên xuống chiếu trị tội Ngọc Dao như Huệ phi mới nêu cao được chính đạo.

Thái Tôn yên lặng. Thị Anh lại bịa đặt nhiều chuyện thậm tệ gán cho Ngọc Dao để hòng làm cho nhà vua ghét bỏ phi. Nhưng Thái Tôn vẫn không nói gì, ngồi trầm tư. Sự ý kiến bị bỏ rơi, Thị Anh liền giả vờ khóc lóc vật vã (chỉ có phi mới dám làm mình làm mày với đức vua như thế mà thôi) :

— Hoàng thượng định tha tội cho Ngọc Dao ư ? Trời đất ơi, nếu hoàng thượng không cho những điều thần thiếp tâu lên là đúng, không tin ở thần thiếp thì thần thiếp còn sống trên đời làm gì nữa, hãy cho Thị Anh này được dập đầu ngay trước long nhan ⁽¹⁾ !

Quả nhiên phi đã làm cho Thái Tôn bối rối. Bấy giờ, nhà vua phải lên tiếng :

— Khanh đừng nghĩ rằng trẫm có ý muốn bênh vực Ngọc Dao. Trên đời này trẫm còn tin yêu ai bằng tin yêu khanh ? Nhưng những điều khanh vừa tâu bày làm cho trẫm rất khó phán xử. Bởi vì hai lần trẫm sắp phê án phát lưu bắt Ngọc Dao đi đày, thì hai lần đều bị Thừa chỉ Nguyễn Trãi can gián. Trước sau, Trãi một mực tâu rằng : « Ngọc Dao đang có mang, xin bệ hạ hãy nghĩ đến ân trọng của tiên đế, đừng nghe lời gièm pha làm điều thất đức, »

(1) Long nhan : mặt rồng, chỉ nhà vua.

Nghe câu nói đó, Thị Anh tái hăn mặt đi. « Thế là hỏng việc rồi. Trãi đã biết hết ruột gan của mình... Giá như một bồ tát khác cẩn ngẩn vua thì mình không thiếu gì cách dè thắng cuộc. Đằng này lại là cái lão già ấy... »

Nguyên phi Nguyễn Thị Anh vốn không ưa Nguyễn Trãi từ lâu, chỉ vì bậc lão thần này tính nết rất cương trực. Những ngày đại triều, trước bệ rồng, thường một mình Thừa chỉ Nguyễn Trãi đứng về một phía, lên tiếng bênh vực những kẻ yếu, và ngang nhiên hạch tội bọn xu nịnh, không thèm để ý đến quyền thế của chúng. Ví như hồi cuối xuân năm Ất Mão (1435) có bảy tên tiêu nhi can tội tái phạm ăn trộm, hình quan chiếu luật dâng sớ xin xử trảm. Vua đem việc ấy hỏi triều thần, ai cũng tau là phải. Riêng Hành khiền Nguyễn Trãi dũng dạc đáp: « Pháp lệnh không bằng nhân nghĩa. Tình thế chưa đến nỗi dường vậy, nay một lúc giết bảy đứa bé chưa đến tuồi thành niên, việc đó đâu phải là đức tốt ». Triều thần không chịu. Nguyễn Trãi lại dẫn câu kinh thư giải nghĩa chữ « chí » là dũng ở sách đại học nói đến đạo gốc của người làm vua là phải dè lòng vào nhân nghĩa mà lấy đó làm nơi yên dừng, tuy có khi ra oai giận dữ, nhưng không thể lâu được. Nhờ đó cuối cùng vua phán chém có hai tên nặng tội nhất trong bảy tên.

Lần khác, vào năm đại hạn, dân đói kém, vua sai Nguyễn Trãi thảo tờ biều cầu phong. Bọn quan trong Nội mạt viện dốt lại tỏ ra vẻ thông thái muốn buộc quan Hành khiền dòi lại mấy chữ, Nguyễn Trãi không ghìm được giận, quát to lên: « Bọn các ngươi chi quen vợ vét dân lành, hiều gì nghĩa lý mà cũng dòi lên mặt? Hạn hán, đói khô chính là do các ngươi mà nên cả ». Bọn này tức lắm, đi gặp mấy tên gian thần bàn cách « trả miếng lại Trãi ». Chuyện đến tai vua. Vua đọc lại tờ biều, thấy ý tứ đòn hậu, lời lẽ thành kính, câu chữ lưu loát, bèn hạ lệnh cấm không ai được sửa văn của Thừa chỉ.

Nguyễn Thị Anh hiều rằng vua Thái Tôn vị nè Nguyễn Trãi không phải chỉ vì ông trung can tài giỏi. Đó mới là một lẽ. Lẽ thứ hai trong cách cư xử của vua đối với Nguyễn Trãi còn là do lời dặn lại của tiên đế. Đức Thái Tô Cao hoàng đế quả là người biết lo xa. Từ thời Thái Tôn còn ở tiềm đế, hoàng đế đã cậy Nguyễn Trãi thay lời mình răn bảo Thái Tử. Thái Tử đã từng có thời kỳ phải học thuộc bài «Hậu tư huấn», trong đó có những câu càng ngẫm càng sáng :

«... Nếu con cậy mình sáng suốt, dùng người yêu riêng, quan của ta thì ruồng bỏ, chính của ta thì đổi thay, gia pháp không tuân, chí thân phế khí, xa người trung trực, gần bọn xiêm du, chỉ điều khoái chí thì làm, chỉ trò ngoạn mục thì chuốc, chẳng theo đức cần kiệm, chẳng nghĩ công gian nan... thì như cõ nhân dã nói: Cha đã sắp đặt làm nhà mà con chẳng chịu dắp nền dựng cột; cha đã siêng chăm cày ruộng mà con không chịu gieo giống gặt mùa...»

Tuy nhiên khi đã kế nghiệp cha ngồi trên ngai vàng, dẽ đâu nhà vua chịu nhớ mãi lời dạy của tiên đế? Mà dù có nhớ lời, dẽ đâu đã làm đúng được như lời. Bọn hoạn quan vỗ công rồi nghè do Thị Anh chủ xướng, rắp mưu bày đặt lăm trồ lôi cuốn nhà vua vào hết cuộc vui này đến cuộc vui khác. Qua nhiều lần can gián vua không được, Nguyễn Trãi chán nản, mới từ chức triều quan, xin lui về ăn dật tại quê nhà, bằng lòng làm chức quan «Đề cử» giữ chùa Côn Sơn (còn gọi là chùa Tư Phúc).

Đó là lúc Thị Anh hời lòng hời dạ. Vắng mặt Thừa chỉ ở triều đình, phi coi như mình đã nhò được một cái dinh trước mắt. Nhưng phi hỉ hứng không được bao lâu. Dùng một cái, giữa lúc Nguyễn Trãi tròn sáu mươi tuổi, vua Thái Tôn lại xuống chiếu vời ông vào kinh, phong cho chức «Gián nghị đại phu kiêm Tri tam quán sự».

Thế là bậc đại phu ấy, mũ áo chỉnh tề, lại vào đứng giữa sân rồng cất cao giọng chính khí, can gián vua và hạch tội

những bọn quyền thần xu nịnh. Trước một con người vững vàng như «cây thông già càng qua năm rét, càng dạn tuyết sương», làm sao mà nguyên phi Nguyễn Thị Anh có thể dễ dàng gièm pha được? Đấy là chưa kể đến Nguyễn Trãi còn có một người thiếp là Nguyễn Thị Lộ, đang giữ chức Lê nghị học sĩ, ngày đêm túc trực bên vua. Nguyễn Thị Anh nghe nói phong thanh rằng Nguyễn Thị Lộ cũng đã nhiều lần cung dự bàn vào việc can vua đề cứu thoát Ngô Thị Ngọc Dao. Thế thì vợ chồng Trãi quá thật, «yuốt mặt, vuốt luôn cả mũi», dám đương đầu với một người mà đức vua yêu quý nhất, mà khắp năm cung sáu viện ai cũng phải né tránh!

Bỗng có tin cấp báo về kinh sư; Ngày mồng bốn, đức vua đi duyệt võ ở Chí Linh, xong rồi ghé vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Sau đó xa giá về đến Lệ Chi viên thì nửa đêm, hoàng thượng bị cảm, băng⁽¹⁾ đột ngột.

Bọn cận thần bàn với nguyên phi chưa nên vội cho trãm quan biết. Nguyễn Thị Anh liền truyền lệnh đóng chặt tất cả các cung môn, cấm không ai được qua lại bàn tán. Rồi phi cùng bọn tay chân lảng lặng kéo nhau vào hậu cung.

Ở đây, rì rầm nồi lên cuộc đối đáp tay đôi giữa nguyên phi Nguyễn Thị Anh và tên cầm đầu hoạn quan Tạ Thanh.

Nguyên phi: — Cơ hội đã đến chưa?

Tạ Thanh: — Chỉ có một cơ hội này mà thôi.

Nguyên phi: — Làm thế nào?

Tạ Thanh: — Buộc Trãi tội giết vua.

Nguyên phi: — Lấy gì làm băng cù?

Tạ Thanh: — Hãy tổng giam Thị Lộ trước. Nay mai thế nào Trãi cũng về kinh chịu tang vua..

(1) Chết. Tự dùng riêng đối với vua.

Nguyên phi: — Rồi sao?

Tạ Thanh : -- Bắt luôn Trãi.

Nguyên phi: — Rồi sao nữa?

Tạ Thanh : — Sai thầm hình quan dùng cực hình bắt Thị Lộ phải khai...

Nguyên phi: — Nói mau lên! Khai thế nào?

Tạ Thanh : — Khai rằng Trãi xui giấu thuốc độc để giết vua vào nửa đêm ở Lệ Chi viên.

Nguyên phi: — Diệu kế, diệu kế! Nay mai là hoàng thái hậu, ta sẽ phong cho nhà ngươi chức quan Tả hình.

... Đợi cho những người bè tôi tin cần đọc xong tờ trình của tên Giám ti và trao cho Lê Đàm cuộn tròn tờ giấy lại như cũ, nhà vua mới ướm hỏi:

— Các khanh bảo trẫm nên xử lý như thế nào? Những kẻ thủ phạm gây nên tội lỗi và những người bị kết tội oan ưởng đều không còn nữa... Sự việc xảy ra cách đây trên hai mươi năm giông như một chum nước đục, những cặn bã nhớ bần dã lảng xuống và năm im dưới đáy, bây giờ có nên quấy vẩn lên nữa hay không? Nhất là thủ phạm chính danh lại là Tuyên Từ hoàng thái hậu, một người dù sao cũng đã từng được phụ hoàng của trẫm một thuở yêu vị?

Lê Đàm lúc này ngồi bóp trán bức dọc, suy nghĩ: «Lâu nay nhà vua muốn minh oan cho quan Thừa chỉ, nhưng nay đụng đến cái gai công lý, coi chừng nhà vua lại lưỡng lự rụt rè, sợ giây giướng đến thanh thế hoàng gia! Một bậc minh quân như Thánh Tôn, cầm cương giữa đời thịnh trị, trước một lẽ phải hiền nhiên như thế mà còn chưa dám quyết đoán, hèn gì xưa kia người thầy trung thực của ta một mình khăng khăng đứng về một phía để bảo vệ nhân nghĩa, cho nên đã phải chuốc lấy vạ lớn vào thân! Biết đâu rồi Lê Đàm này lại chẳng phải có ngày đi theo vết chân thảm khốc của

Thầy? Nhưng hối vong linh người thầy chí tôn, chí kính, cho dù đến bước ấy con đành chịu vậy, chứ con quyết không thể làm⁹ ngơ, nhìn công lý bị dập vùi! » Ý nghĩ cảm khái ấy làm cho người môn sinh trung thành của Nguyễn Trãi mạnh bạo hăng lên:

— Muôn tâu đức hoàng đế cao minh — Lê Đàm đứng thẳng dậy — bệ hạ đã từng khuyên bảo chúng thần là phải « ra tay vén băng được tấm màn mờ ám, làm cho ngay gian sáng tỏ », thần vẫn ghi sâu điều đó. Nay thần trộm nghĩ, nếu được bệ hạ minh xét, đưa ra ánh sáng vụ án vườn Lệ Chi thì chăng những tiên đế và quan Thừa chi cùng những linh hồn oan ương được rửa hồn nơi chín suối, mà trên cõi trần này, người ngay, kẻ gian dối dời sẽ còn trông vào đức uy của bệ hạ mà ngầm mình. Việc làm quang minh đó, muôn tâu bệ hạ, đâu phải giông như trò quấy vần lên một chum nước đục lâu ngày đã lắng xuống! Có chăng nên coi đó là dụng ý khơi lấy phần trong, gạn riêng ra phần đục, để cho đục trong đừng lắn lộn mà thôi. Triều trước đã giết oan mất thầy học của bệ thần và cũng là ân nhân của bệ hạ, nay bệ hạ có cho đúc người vàng cũng không thay được mạng quan Thừa chi! Nhưng chín điều bất hạnh may còn chưa lại được một điều ân phước, và tai họa tàm trời đã bỏ sót lại mẹ con Anh Võ. Nhờ vậy mà lũ môn sinh chúng thần mới hy vọng có ngày được cầu xin bệ hạ xuống chiếu rửa oan cho cả người sống lẫn người đã khuất. Thiết tưởng hai mươi năm trời qua, nhưng những băng cớ xác đáng đè soi tò vụ án vườn Lệ Chi mà bệ hạ vừa trao cho chúng thần, thần đang nắm trong tay vẫn còn nóng hổi.

Lê Đàm tâu liền một mạch. Những vị khác mỗi người đều lên tiếng, nhưng tựu trung cũng không trái với ý kiến của quan Thân túy. Vua Lê Thánh Tôn chăm chú nghe từ đầu đến cuối, không phán hỏi thêm điều gì. Sau đó người lắng lặng thu lại cuộn giấy ở tay Lê Đàm, rồi truyền lệnh

cho mọi người lui. Nhìn sắc mặt hoàng đế lúc này khó mà đoán biết được tâm trạng của Người. Tuy vậy, các quan đại thần và Lê Đàm ra về, ai cũng lòng hụt hụt tin tưởng...



Mấy hôm nay dân chúng kinh sợ và nhiều vùng trấn, đạo trong nước, lại xôn xao lên về cái tin vua Lê Thánh Tôn xuống chiếu minh oan cho ba họ nhà quan Thừa Chỉ Nguyễn Trãi. Mặc dù tờ chiếu đã lý giải tùng mù một, đọc đi đọc lại kỹ càng rồi, nhiều người vẫn cứ thích nhắc nhở bàn tán.

— Tài thật ! Vụ án Trại vải⁽¹⁾ cách đây trên hai chục năm, tưởng đã phi tang mất tích, thế mà hoàng đế còn đem ra bắt triều thần nghị xử lại truy tận gốc phân minh rành rọt. Bây giờ «cháy nhà mới ra mặt chuột»! Góm, cái mực nguyên phi Nguyễn Thị Anh chẳng rõ mặt mũi đẹp đẽ thế nào, nhưng xem chừng nanh nọc lắm.

— Có thể mới có câu «nhất tiểu khuynh thành, tái tiểu khuynh quốc»⁽²⁾ chứ !

— Nhưng bác ạ, chúng tôi nghĩ, nhan sắc mực Nguyễn Thị Anh dù có «nghiêng thành, nghiêng nước» cũng không đáng dè cho vua Thái Tôn phải thiệt mạng, nhất là dân nước ta bị mất một bậc trung tài giỏi như cụ Nguyễn Trãi !

— Thôi, các bácơi, chuyện cũ đã qua, chúng ta có hối tiếc cũng vô ích. Chỉ biết vua Thánh Tôn ngày nay xuống chiếu rửa oan cho quan Thừa chi, thế đã là chí công, chí sáng lắm rồi.

— Tôi nói ra điều này xin các ông, các bà phải giữ kín miệng cho nhé... Không có quan Thân tùy Lê Đàm là môn

(1) Vườn Lê Chi còn có tên gọi là Trại vải, hay Vườn vải.

(2) Cười một lần nghiêng thành : cười lần nữa thì nghiêng nước.

sinh cũ của quan Thừa chi khàn cầu thúc giục, thì dừng hòng hoàng đế đã chịu làm cái việc «chỉ công chỉ sáng», ấy cho đâu!

— Ô, chúng tôi chỉ nghe tờ mơ, bây giờ bác nói mới rõ hơn. Thế... bác này, có phải chính quan Thân tùy đứng ra xin cho Anh Võ được nhận lại họ cha và được bồ nhiệm chức Tri huyện Sơn Nam đó không?

— V... ơơng, chứ còn gì nữa!

— Lại còn nghe nói thế này nhé: lúc đầu, hoàng đế toan xuống chiếu minh oan cho có một mình cụ Nguyễn Trãi thôi. Quan Thân tùy Lê Đàm không chịu. Ngài đòi đè bà Nguyễn Thị Lộ và cả ba họ nhà quan Thừa chỉ cũng phải được tày oan. Thế mà hoàng đế cũng phải thuận dãy... Có đúng thế không hả bác?

— V... ơơng! Đúng quá, chứ còn gì nữa!

**

Ở phía tây trấn Sơn Nam, tại cõng đình làng Đoài cũng có dán một tờ chiếu minh oan... giống như các tờ chiếu nơi khác. Nhưng không thấy dân chúng ở đây bàn tán gì cả. Họ còn bận theo cụ Xã trưởng tới chúc mừng quan huyện mới. Của dáng tội, cũng vì nghe đồn Tri huyện Nguyễn Anh Võ còn trẻ măng mà đã giật giải thủ khoa nên nhiều trai làng, gái làng hiếu kỳ muốn nhân dịp này kéo nhau đi xem mặt con trai cố «Gián nghị đại phu».

Trông thấy cụ Xã trưởng, Anh Võ nhận ra ngay đây là ông già chút khăn nhiều dò dã cùng sánh vai chung một đòn kiệu rồng với cụ chủ quán Côn Sơn cái hôm vui nồ trời, các cụ dẵn đầu nghĩa binh di rước vua từ Gia-dè về cung. Hai người gặp nhau tay bắt mặt mừng hỏi han chuyện làng, chuyện nước. Cụ Xã trưởng thay mặt bà con nói mấy



Hai người gặp nhau tay bắt mặt mừng...

lời chúc tụng, rồi ngồi ý muốn mời tân quan đi thăm một số nơi phong cảnh đẹp trong vùng... Nghe nhắc đến cái thắng tích « eo sông Đáy », « hang núi Cánh Diều »..., quan huyện trẻ cố mường tượng nhớ lại câu chuyện mẹ kè từ những ngày lưu lạc di tị nạn được dân làng ở đây nuôi giấu, lòng không khỏi bùi ngùi mừng tủi. Quan huyện Sơn Nam nắm tay cụ Xã trưởng xã Đoài :

— Đất và người quê ta vốn dày nghĩa, dày tình. Cháu muốn theo cụ và bà con đi thăm phong thò dô dây, ngặt vì đã trót hẹn với anh Lê Đàm ..

— Hẹn việc gì với quan Thân túy mà gấp gáp thế, có thể nói cho chúng tôi biết được không, thưa huyện quan? — Cụ Xã trưởng hỏi xoắn xuýt.

Tri huyện Nguyễn Anh Võ túm tim đáp :

— Nhất định gấp đến nơi rồi cụ ạ, song bà con đều đáng tin cậy cả, nên cũng không có gì phải giấu. Nói nhỏ thôi : hoàng thượng sắp về Lam kinh bái yết tôn miếu! Anh Lê Đàm hẹn cháu, anh em sẽ gặp nhau đúng vào ngày hoàng thượng tới hành tại.

Sợ cụ Xã trưởng chưa hiểu, quan huyện phải giải thích thêm :

— Vâng, trên đường xa giá đi qua, các quan sở tại chỉ việc bày hương án cùng các chức dịch bái vọng tại chỗ. Riêng cháu, hoàng đế cho gọi thẳng về Lam kinh...

Cụ xã trưởng gần như reo lên nói với mọi người :

— Thế thì dân xã Đoài, dân Sơn Nam chúng ta vinh hạnh lắm, có « quan phụ mẫu » ⁽¹⁾ được vua vời tới tận cổ đô.

Rồi cụ quay về phía Anh Võ :

— Chúc tân quan nay mai thượng lộ bình an!



(1) Tiếng gọi quan Tri huyện và Tri phủ một cách qui mến, coi như cha mẹ.

Xa giá đến Lam kinh vào một ngày nắng đẹp. Những búp non, nụ biếc lâu ngày tăm mờ trong tiết mưa phun, đang khao khát khí ấm, nay được tiếp xúc với ánh mặt trời, đâm chồi nảy lộc càng khỏe. Mùa xuân đang độ chín: Đất, trời, người đều ngây ngất hương xuân. Trước đây hàng tháng, trai gái các nơi đã tụ hội hát xướng duyệt tập các trò vui; các cụ già lau chùi đến bóng nhoáng những cỗ hương án chạm rồng chạm phượng chuồn bị dón xe vua về Lam kinh. Nắng phản chiếu sáng lóa những cây đèn đồng và lư đồng đặt nghiêm trang trên các cỗ hương án. Nắng làm bừng lên màu sắc quần áo diêm dúa. Nắng nhuộm vàng thêm những bộ lông óng mượt của những con bò mộng đang ung dung gặm cỏ trên bãi non xanh. Nắng dùa giốn trên dòng sông cùng những chuyến đò chở đi báo tin hoan hỉ. Nắng no vui. Nắng thái bình. Các em bé mục đồng, các cô gái lái đò véo von ca trong nắng ấm:

Dời vua Thái Tổ, Thái Tông (Tôn)

Con bế, con bồng, con dắt, con mang...

Trên mảnh đất rộng ngày xưa vua Nhân Tôn chọn làm hành tại, nay vua Thánh Tôn lại cho ra lệnh mở hội ở đấy. Vẫn có hai chiếc lọng vàng như lợp bằng ánh bình minh. vẫn có hàng trăm quan quân, mũ áo, ngựa xe rợp trời hộ giá, nhưng người ta không còn nơm nớp lo sợ như ngày nào nữa. Khắp các nẻo đường, người đò về như nước, đến gần hành tại đoàn nào cũng muôn vượt lên trước đè dược nhìn thấy rõ mặt vua.

Hai chiếc lọng vàng chỉ cắm đè làm vì. Quang Thục hoàng thái hậu và Thánh Tôn hoàng đế không thích ngồi một chỗ, mà đi vào đám đông chen vai thích cảnh với mọi người. Các quan sở tại tỏ ra mẫn cán, vội quát lính dẹp đường cho nhà vua và thái hậu đi. Quan Thân tùy Lê Đàm thấy vậy, gắt lên: «Các ngươi làm gì đấy? Bao nhiêu năm

hoàng đế mới được về quê cha đất tổ. Người và thái hậu vui vì cái vui trăm họ, tại sao các ngươi dám ngăn cản làm cho dân chúng sợ hãi? »

Nhà vua tán đồng ý kiến đó. Người duỗi hết quân lính lui về phía sau, rồi cùng thái hậu và quan Thân tùy tiếp tục đi xem hội. Trên khoảng đất rộng bao quanh bằng những hàng gióng tre sơ sài, nhiều trò chơi đang diễn ra. Tiếng trống hội cuộn lên từng hồi náo nức. Những lá cờ ngũ sắc phẫn phật trước gió... Nhà vua dừng lại bên đám múa lân. Một cái đầu lân to tướng kéo theo cái đuôi dài có hai người đóng khố tía cầm đỡ hai bên, đang chập chờn múa lượn với một ông phỗng cầm chiếc côn bằng gỗ nhuộm nâu. Bên cạnh, một cụ già râu tóc bạc phơ, dáng quắc thước, tay áo thụng xắn lên quá khuỷu đang vung tay nện lên chiếc trống đại từng nhịp « thùng thì thùng »... Người đóng lân đã khéo người phỗng múa còn ngộ nghĩnh hơn, càng múa càng say, càng xem càng luyến... Bỗng nhiên, tiếng trống « gióng một » chuyền sang nhịp dồn dập « gióng đôi » tùng tùng! tùng tùng! tùng tùng, chiếc đầu lân chập chờn ngừng lại một khắc rồi vọt lên bắt chọt vò lấy người cầm côn. Hụt rồi. « Ông phỗng » nhanh nhẹn né sang một bên và bằng một cái trượt chân ngã vò rất khéo, trườn lên túm lấy tai lân. Con lân lắc chiếc đầu to tướng, kéo bẹt đuôi xuống đất chui đè cho người cầm côn giẫm lên lưng, vung tay múa tít... Tiếng trống lịm tắt trong tiếng cười bật lên ồn à...

Nhà vua bước vào giữa đám, ban thưởng cho các người đóng trò vừa rồi, và lại tiếp tục đi xem chỗ khác.

... Cuối cùng đến một nơi, gần gốc da già, nhà vua giữ thái hậu và quan Thân tùy dừng chân lại lâu hơn cả. Chung quanh gốc đại thụ, cùng với nhịp « tung tung » nồi lén rôm rả của những chiếc trống cơm, hơn ba mươi trai gái khỏe mạnh đang nắm tay nhau múa hát. Bên nam chít khăn đần rìu, đóng khố tía, hông cài dao, mình trần bóng nhẫy. Bên



Dừng lại bên đầm mương lân

nữ mặc áo nâu buộc tà, thắt lưng hoa lý, trên vai khoác dài lụa đào mỏng tang pháp phói bay là là như chiếc cầu dài yếm trong chuyện tình sử dân gian. Vua ngần ngơ thả hồn theo dài lụa và tiếng hát ngọt ngào trầm bồng... Trước mắt hoàng thượng hiện ra cảnh những mái nhà yên vui, những buồm chợ phiên đông đúc, những buồm trưa hè tịch mịch tiếng ru vời với mènh mang lượn vòng ngõ trúc, băng qua dồng nội vọng đến tận cõng đô thành Tây Giai: À ơi.. Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ... Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây⁽¹⁾... À ơi... Có cô hàng xóm ngây thơ bẽn lén mở chiếc khăn hồng lấy vội miếng trầu tẩm cánh quế trao tặng người yêu ra lính. Kìa, giặc Minh tràn đến. Lửa cháy, nhà thiêu, chợ búa tan hoang, mẹ con bồng bế nhau chạy loạn, vua tôi ly tán và... lời ru im lặng, Giọng hát của đoàn hợp ca trầm xuồng như đau cùng với nỗi đau mất nước... Phút chốc hoàng thượng lại thấy diễu qua trước mặt mình những đội hùng binh. Trống thúc, chiêng khua, tất cả thura sống thiếu chết lăn xả vào quân giặc. Chiếc chòi cao dựng lên ngay trước mũi tên thù. Vua Thái Tô ngự trên tầng thứ nhất. Nguyễn Trãi ngồi bày kế phá trận đồ và thảo hịch ngay ở tầng thứ hai. Lời hịch truyền đi tạo ra trăm cách đánh, chặn đứng thế tiến công của giặc, rồi dần lui chúng, rồi buộc chúng phải đầu hàng, rồi thái bình trở lại, khắp nơi vang vang lời «Bình Ngõ đại cáo»... Giọng hát của đoàn hợp ca tự nhiên trở nên thiết tha đầm ấm gợi lại cảnh chiến thắng oanh liệt, cuộc sống êm đềm và hạnh phúc tràn dâng...

(1) Câu ca dao phản ánh sự tích xây dựng thành Tây Giai đời nhà Hồ, câu chuyện tóm tắt như sau: Một viên quan của nhà Hồ trông coi việc xây dựng thành Tây Giai (Thanh Hóa), nhớ người yêu là một thiếu nữ thuộc dòng dõi nhà Trần, đang đêm trốn về thăm. Hôm sau trở lại bị Hồ Hán Thương bắt, chém. Nghe tin này, cô thiếu nữ đến đập đầu vào cõng thành, chết theo. Hồ Hán là chỉ vào Hồ Hán Thương, Hồ Tây chỉ vào nhà Trần.

Tiếng trống cơm dũng hắn, nhà vua mới sực tỉnh. Người bàng hoàng hỏi quan Thân túy:

— Khanh thấy diệu múa hát này thế nào, không hợp với thời thượng chăng?

— Tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ đây mới chính là cái gốc văn, gốc nhạc của nước Đại Việt ta.

— Sao vậy, khanh?

— Tâu bệ hạ, thần chỉ biết cảm xúc như vậy, còn lý giải thông tường, có lẽ phải nhờ đến bậc uyên bác như quan Bí thư Giám học sĩ.

Đức vua lại hỏi:

— Nhưng ít ra khanh cũng phải biết khúc diệu ấy tên gọi là gì chứ?

Quan Thân túy cười thầm trong bụng: «*Hoàng thượng thử dò ý ta hay là Người quên thật? Ngày xưa (khi còn là Bình Nguyên vương) đi hộ giá vua Nhân Tôn, chính Người đã cùng ta được mục kích sự nỗi giận của Tuyên Tử hoàng thái hậu vì khúc diệu này rồi còn gì...*». Nhưng đang suy tính chưa biết có nên nói ra điều đó hay không thì may vừa lúc đó quan lại bộ kiêm Bí thư Giám học sĩ bước ra tâu:

— Muôn tâu thánh thượng, hạ thần đã có dịp tiếp xúc nhiều với phong tục hội hè của dân chúng vùng này. Đây là khúc diệu mà thị dân Lam kinh quen gọi là diệu «*rí ren*», rất thịnh hành ở các làng ven sông Mã và sông Chu. Ngày trước, đức Thái Tô hâm mộ lắm! Đến thời Thái Tôn hoàng đế, thỉnh thoảng còn được nhắc tới. Nhưng đến thời vua Nhân Tôn thì Tuyên Tử hoàng thái hậu... cấm ngặt. Dạ, muôn tâu... lời ca của nó chính là do quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi và bà Lễ nghi học sĩ Nguyễn Thị Lộ soạn ra đấy ạ!

Nhà vua ngờ nhớ lại, tấm tắc khen ngợi một lần nữa:

— Nghé ^{“*}khanh tâu, trăm cũng tin là như vậy. Bởi vì chỉ có những bậc văn tài chân chính mới có thể đặt ra lời ca

trong sáng như thế mà thôi. Thương thay cho dời tâm hồn tài đức song toàn ấy!

Sợ hoàng thái hậu mệt, quan Thân tùy mồi nhà vua quay lại hành tại, lại xin hoàng đế chuẩn y tại chỗ cho việc khao tăng các sĩ, dân có công trong việc hiến trò vui.

Sáng hôm sau, nhà vua vào bái yết Vĩnh Lăng và Hựu Lăng. Sau lễ tưởng niệm ôn lại những công đức của tiên đế đối với xã tắc, nhà vua truyền cho mọi người lui hết ra ngoài, rồi một mình thơ thần dạo gót trong khu lăng mộ. Điệu «ri ren» hôm trước còn dè lại dư vang trong tâm trí hoàng đế. Người như đang cùng sống lại với lớp cha ông thuở trước. Đấy, các tiên đế đã vào sinh ra tử bao nhiêu phen mới dựng nên tên miếu, dè lại nghiệp lớn như thế này. Ta ở ngôi mấy năm rồi, phỏng đã làm được công trạng gì đáng dè khắc tên tuồi vào bia đá, lưu danh cho đời sau? Những dòng chữ trên tấm văn bia Vĩnh Lăng dập vào mặt nhà vua, thời gian chưa hề làm mòn mỏi, nét khắc chạm trong văn còn như mới:

Năm mậu Tuất dãy quân khởi nghĩa, đóng tại Lạc Thủy, trước sau hơn mấy chục trận, đều đặt phục ra kỳ, tránh giặc hăng, đánh giặc (lúc chúng) mệt, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh...

Ôi, lại Nguyễn Trãi! Ở đâu ta cũng gặp Nguyễn Trãi. Giá trong số bề tôi của ta có được nhiều người tài đức... ờ... như Lê Đàm, môn sinh cũ trung thành của Nguyễn Trãi, thì đâu đến nỗi ta phải sớm bạc đầu!

Một ý nghĩ vụt đến. Hoàng đế đứng dậy quay mình đi nhanh ra ngoài, ở phía ấy các quan hộ giá đang sốt ruột ngóng đợi... Không kịp dè mọi người thi lễ, nhà vua gọi quan Lễ nghi lấy ngay bút mực ra. Một đạo dụ vừa được soạn sẵn trong óc, tay Người thảo gấp, nét mực chưa ráo thì các viên xướng lệnh đã truyền di khắp nơi:

«Phàm những di cảo của Thừa chí Nguyễn Trãi còn phân tán lưu lạc bấy lâu, bắt luận quan, dân, sĩ, tốt, ai

còn giữ được phải nộp ngay cho quan Huân đạo sở tại để chuyền gấp về Bí thư các cho trẫm. Ban thưởng cho người có công và trừng phạt những kẻ cõi tinh làm trái lại đạo dụ này. Từ nay hủy bỏ hẳn lệnh cấm lưu hành các di cảo, bút tích của Thừa chi Nguyễn Trãi...

... Hoàng đế lại ban thêm một sắc chỉ cho quan Hàn lâm viện được phép thu thập biên soạn tất cả những văn, thơ, phú, lục rải rác của Nguyễn Trãi. Quan dân xa gần tiếp được các sắc chỉ và đạo dụ này, ai nấy mừng như người được mách chở tìm lại của báu...

Quanh quần trong sơn lăng mãi quá ngọ, nhà vua mới trở về hành tại. Người mới nghỉ ngơi giây lát, thì quan Bí thư Giám học sĩ lại vào báo :

— Muôn tâu thánh thượng, có một đoàn trên hai chục bộ lão tự nhận là những người sống lâu nhất ở Lam kinh, muốn được vào bái yết bệ hạ.

Vua Thánh Tôn vừa thay y phục, lại phải vẩn tóc, buộc lại dài áo, thân hành ra tiếp. Thị ra dân chúng trong vùng tiếp được đạo dụ hồi sáng, mừng rõ quá, liền cử các vị bộ lão đến tạ ơn hoàng đế. Một cụ đáng chừng đẹp lão nhất trong đoàn, vắt bộ râu dài qua vai, trải rộng vật áo thụng lam, cung kính quỳ xuống dâng lên một tập dày cộp :

— Muôn tâu thánh thượng, lũ thần có mặt ở đây, người ít tuồi nhất cũng đã tròn chín chục, đều có diễm phúc được sống từ thời Thái Tổ Cao hoàng đế dầy nghiệp. Tiền nhân nói : « Sống nhiều phải biết nhiều », lũ thần không dám nhận như vậy. Nhưng biết gì, dẫu lòng đầy run sợ cũng xin mạo muội tâu lên... Người dân trên đất cổ đô này từ khi được đọc tờ chiếu rửa oan cho Thừa chi Nguyễn Trãi, kẻ biết nghĩ sâu chí mới vui được nửa bụng, bây giờ bệ hạ ban lệnh tiếp, cho sưu tầm tất cả những di cảo của quan Thừa chi, mọi người mới thật sự hỏi lòng hỏi dạ. Đó là vì, lũ thần trộm nghĩ, bệ hạ đã coi trọng nghiệp lớn của tiên đế mà bảo tồn lấy di sản

văn hiến muôn đời. Cho nên, tuổi già như quả chín không biết rụng lúc nào, lũ thần nhớ được những gì về văn thơ Nguyễn Trãi, đã giấm giúi truyền miệng chép tay bấy lâu nay xin sốt sắng dâng lên bệ hạ. Cứ mong Người đẽ mắt đánh chính lại những chỗ sai sót, làm lần, rồi cho truyền bá rộng rãi trong trường Quốc tử Giám cũng như các trường ốc hương xá.

Vui mừng ôm chồng sách vào lòng, nhà vua xuề xòa cùng ngồi xếp bằng tròn xuống chiếu trò chuyện với các vị bô lão:

— Thật là vạn phúc, vạn phúc! — Nhà vua nói. — Việc làm này ích lợi xiết bao: vừa vì xưa, vừa vì nay, lại cho cả mai hậu. Trẫm còn trẻ người, non trí nhưng bao giờ cũng ham nghe điều phải. Trẫm xin nhận ngay lời thỉnh cầu của các lão phu.

Nói đoạn, nhà vua truyền lấy vóc, lựa ra ban thưởng cho cả đoàn, không sót một vị nào.

Không ngờ mỗi người nhận phần mình xong, các vị bô lão tập hợp tất cả vật phẩm lại một nơi rồi vị đại diện ban nay lại tâu lên:

— Muôn tâu thánh thượng... như thế này coi như lũ thần đã được hưởng lộc của bệ hạ rồi. Lũ thần đều gần đất xa trời, được ngồi với bệ hạ một chiếu còn sướng hơn vạn lần được mặc áo đẹp, chỉ cúi xin thêm bệ hạ một điều...

— Xin các lão phu đừng ngại, cần điều gì cứ nói. — Nhà vua khích lệ.

Vị bô lão đầu dám, đứng dậy, khép vạt áo, lạy mấy lạy rồi kề lại cho nhà vua nghe câu chuyện cảm động về ông già họ Cao nghĩa khí ngày xưa... bên gốc cây đa.

Nghe xong, hoàng đế không cầm được nước mắt, ngửa mặt lên trời mà thở dài:

— Than ôi! Các tồ phụ và tiên triều đã cho ta quyền kế nghiệp nhưng tiên triều cũng đã làm cho đất nước ta không thiếu gì người hiền tài trung nghĩa bị chết oan uồng!

Hoàng đế mang mảng nhớ lại sự việc một người xấu số đã gây ra nhiều chuyện rắc rối cho vương phủ năm xưa bằng những lời trăng trối kỳ lạ ghi trong lá thư tuyệt mệnh... Người chưa hứa điều gì với các vị bộ lão, nhưng sau khi tiễn chân các vị khách quý cao tuổi ra về. Người tra vấn lại việc cũ, bàn bạc thêm với quan Thân túy Lê Đàm và quyết định ban sắc chỉ truy phong cho ông già họ Cao là « Trung liệt sĩ ». Ngoài ra, Người cùng đi với quan Thân túy đến tận nơi thăm di tích ngày trước. Ở đấy, trên ngõ gò cao, gốc đại thụ xưa từ dòng nhựa quanh dò, đã mọc lên tự bao giờ một thân cây tươi tốt; nhân đây vua cảm khái đòi lấy giấy bút đề thơ.

Trên đường xa giá hời kinh đến ngã ba trấn Sơn Nam cách núi Cánh Diều nửa dặm, hoàng đế cho kiệu rồng đỡ lại. Người đích thân cải trang làm một người khách bộ hành lạc đường đi sâu vào làng Đoài. Quan Thân túy nháy mắt bảo khẽ Tri huyện Anh Võ: « Hoàng thượng muốn vi hành ⁽¹⁾ dè điều tra dân tình vùng chúa cai trị đấy! »

Anh Võ hời hộp đứng thầm người ra, không biết trả lời như thế nào. Lúc ra đi, chàng có tạm giao quyền cho cụ xã trưởng xã Đoài trông coi mọi việc, chàng hiều ở nhà cụ xứ sự thế nào? Nhưng điều chàng lo lắng thực ra không cần thiết. Sẵn lòng hâm mộ tân quan từ trước, nên trong khi Anh Võ vắng mặt, cụ xã trưởng và các chức dịch vẫn chăm lo việc công rất chu đáo. Hoàng thượng di vi hành đến đâu, dè mắt quan sát một việc gì, Người cũng thấy hài lòng và đều phải tự khen thầm trong bụng: « Chà! Anh Võ khá thật! Đúng là dòng dõi chính trực, liêm khiết, « con cha, cháu ông! » Chưa từng trải việc trị dân, mới chân ướt chân ráo về vùng này, mà xem chừng được dân yêu, dân phục ra trò. Cứ nhìn vẻ mặt của họ, ta đủ hiểu. Người làm ruộng, kè đi

(1) Vua chúa đi ra ngoài một cách bí mật để xem xét tình hình dân chúng.

học, người ngồi ở công đường cho đến em bé chăn trâu ngoài bãi... mỗi người một việc, ai nấy đều hờn hở, siêng năng. Thế mới viết người cai trị giỏi trước hết phải là người thực bụng thương dân, và thực sự được dân tin cậy. Chỉ dùng quyền uy đè trừng phạt chưa hẳn đã là thượng sách. Lần này trở về kinh, có lẽ ta phải bàn với các quan thượng thư, định lại một số thề chế hành pháp của triều đình»...

Đi gần tới công đường của Tri huyện Anh Võ, hoàng thượng nhìn thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, quần áo turom tất đang cầm cái chổi rẽ quét rác từ công huyện quét ra.

«Đúng là cụ già khênh kiệu năm xưa! – Nhà vua nhớ ra ngay – Phải rồi! Anh Võ dã trình cho ta hay là mấy ngày rày tạm giao quyền cho cụ già này làm chủ sự, ấy thế mà... chà! Quý hóa thật, không nề hà điều gì, hăng hái làm cả cái việc nhỏ mọn tầm thường này... » Hoàng thượng già bộ một người dân thường, lên tiếng hỏi thăm:

– Thưa cụ, chúng tôi là khách phương xa lỡ độ đường, muốn xin quan huyện cho tạm trú chân...

– Quan «phụ mẫu» có việc lai kinh rồi! – Cụ già ngừng tay ngang lên nhìn người khách, đáp – Nhưng quả thật nếu bác lỡ độ đường thì xin mời vào đây nghỉ tạm.

– Nhưng xin lỗi... cụ là ai mới được chứ?

– Lão là... – cụ già cười hóm hỉnh – một người quét rác!

– Ồ, thưa cụ, tôi nghĩ, phải là quan huyện, hoặc một người có quyền ở đây mới giúp đỡ tôi được chứ! Nếu phải quan trên đã di vắng, xin cảm ơn cụ, tôi di đây.

Cụ già gọi giật lại:

– Nay, bác ơi, bác cứ nghỉ lại, không sao mà! Lão có thề thay quyền quan huyện giúp đỡ bác được.

Người khách lại hỏi vặn:

– Cụ nói dừa đấy chứ! Tại sao một người có thề thay mặt quan huyện, lại cầm chổi di quét rác?



Cô giải cù vịnh ngay cho lão bài thơ «cái chõi» đi t

Bấy giờ cụ già mới phát gắt, nói mía mai:

— Nếu bác nghĩ như thế thì xin mời bác đi ngay cho là tốt! À! Nhưng lão cũng muốn được biết bác là hạng người như thế nào, làm nghề gì?

— Tôi là... là một thày đồ.

Cụ già bỗng vừa nghĩ ra điều gì, cười lên khoái trá :

— Thày đồ hả? Tuyệt thật! Thảo nào hạng người dài lungalow vải như bác mới không dám làm cái việc quét rác này.

Ngần ngừ một lát, cụ đồ giọng nài nỉ:

— Nói vậy thôi, lão biết thày đồ không quen cầm chìu nhưng lại thạo cầm cán bút. Thày đồ có giỏi, làm thơ đi đọc lên cho lão nghe nào?

Người khách tỏ ra dễ dãi, không từ chối:

— Xin cụ ra dề di! Tôi sẽ giao văn ngay.

Cụ già ngẫm nghĩ rồi lấy tay dập dập vào cán chìu:

— Đây này, thày có giỏi cứ vịnh ngay cho lão bài thơ «cái chìu» di!

Chưa đầy một khắc, người khách dăng hẵng giọng cất tiếng ngâm:

.., «*Lời chúa vắng truyền xuống ngọc gai*⁽¹⁾

Cho làm lệnh tướng quét trần ai⁽²⁾

Một tay vùng vẫy trời tung gió

Bốn cõi tung hoành đất sạch gai...

Khách ngâm xong, rảo bước đi thẳng. Cụ già cuống quýt mời thày đồ nán lại dè cụ lấy giấy bút ra chép bài thơ trên,

(1) *Thềm ngọc.*

(2) *Bụi trần.*

nhưng... không kịp nữa! Thoáng một cái, khách đã ra đến
dầu làng, đi về phía núi Cánh Diều. Cụ già sững sờ nhìn theo:

— Thiên hạ lăm người tài thật! Văn chương khâu khí như
thể mà không dỗ đạt cao, chỉ làm được đến anh thầy dồ.
Tiếc quá, giá hôm nay quan huyện Anh Võ ở nhà, đã gặp
được bạn văn chương, vui biết mấy!



Đám cưới quan Tri huyện Sơn Nam không đóng năm rạp,
bảy rạp, không mồ trâu, mồ bò, không mang kiệu hoa di
rước dâu... mà tiếng đồn dậy khắp mấy vùng. Nhất là dân
chúng hàng huyện, người ta coi đó như là việc vui mừng
riêng của chính bản thân và gia đình họ. Người thì khoe:

— Tôi biết... cụ Xã trưởng xã Đoài làm mối cho quan
chứ còn ai nữa! Chẳng là cái hồi Phạm phu nhân về lánh
nạn trong hang núi Cánh Diều, bà Tèo làng mình có hay
lui tới mang cơm, mang cháo cho phu nhân mà... Ôi chao,
hồi đó bà ta còn đi mò cua, mò cáy, cũng mới có mang
được vài tháng như phu nhân, rồi sau này đẻ ra một mụn
con gái... Cô con gái ấy lớn lên cũng học làm nghề dâu
tằm và cày cuốc lam lũ như chị em cảnh minh thôi... Ai
ngờ tốt số thế, bây giờ lại trở thành một bà quan huyện.

Người thì tỏ ra vẻ thông tỏ ngọn nguồn họ nhà gái nhiều
hơn nữa:

— Nay, tôi dố bà con biết gốc rễ quê quán của nhạc gia⁽¹⁾
quan huyện ở đâu nào? Chịu cả rồi chứ gì! Đầu đuôi thế này
nhé: Chồng bà Tèo làng ta, người ở tận vùng Côn Sơn, từng
là nghĩa binh xưa kia theo cụ Nguyễn Phi Khanh, tức ông
nội quan huyện Anh Võ bây giờ. Sau khi cụ Nguyễn bị giặc

(1) Nhà vợ.

**Minh bắt về Tàu, vợ chồng bà Tèo phẫn muỗn tránh con
mắt dò la của bọn quan đô hộ, phẫn ngao ngán thế sự, mới
bỏ đất tò di ẩn về trấn Sơn Nam chúng ta...**

— À... ra thế... «Bà huyền» té ra cũng thuộc con nhà dòng
dõi đầy chừ. Thảo nào bốn năm năm về trước khi ông thân
sinh mất, họ hàng quen thuộc ở Côn Sơn về đi đưa đám
đông đến thế!

Nhưng có một điều hết sức quan trọng mà người dân
Sơn Nam chưa tài nào đoán biết được: tại sao qua ngày
cặp tân hôn «động phòng hoa chúc» rồi, Phạm phu nhân
vẫn chưa về vui vầy với con đẻ và con dâu?

Lại có tin vợ chồng quan huyền đang sửa soạn thương
kinh gấp. Cọc chèo buồm, lái dã sẵn sàng cả ở bến sông Đáy,
chỉ còn chờ gió đông nam nồi lên là nhò sào... Phạm phu
nhân gấp chuyện gì rủi ro ở xa chăng? Hay đức vua triệu
quan huyền về kinh dè Người ban chúc? Hay... Đầu là
phòng đoán cả thôi. Chỉ có cụ Xã trưởng xã Đoài, may ra
mới biết chắc. Nhưng ai dám thóc mách đến gặp cụ dè hỏi?
Mà hỏi, chắc đâu cụ đã nói thật!

* * *

Sau khi hộ giá hoàng thượng đi Lam kinh bái yết Sơn
Lăng, trở về, quan Thân tùy Lê Đàm bị ốm dột ngọt. Lúc
dầu cũng tưởng cảm mạo qua loa thôi. Về sau thấy người
bệnh cơm cháo không ăn, thuốc thang không uống, cứ nằm
ngửa mặt nhìn trùng trùng, một bàn tay luôn luôn đặt nơi
mồ úc, hễ nhắc bàn tay ấy di, bệnh nhân lại nồi cơn đau.
Quan Ngự y đến xem mạch nhiều lần, một hôm tâu với
Thánh Tôn hoàng đế:

— Muôn tâu bệ hạ! Nhờ ân đức bệ hạ, thần đã tìm ra được
căn bệnh của quan Thân tùy.

— Thế thì còn đợi gì mà nhà ngươi không nói cho trãm biết.

Đó là điều nhà vua không thể ngờ tới: cái dây ngang đường do bọn hung đồi, tay chân của Nghi Dân ngày xưa làm cho Lê Đàm bị ngã ngựa bất thình linh, chỉ dè lại một vệt lăn mờ nhỏ không đáng kể ở phía ngang ngực. Chính cái vệt lăn đó đã dẫn tới những cơn tức thở lúc trời trái gió, những cơn mê sảng giữa giấc ngủ đang ngon. Chính cái vệt lăn đó là căn nguyên gây nên một thương tích âm ỉ bên trong mà từ lâu Lê Đàm vô tình không biết. Mãi gần đây, do thuật khéo léo, nhẫn nại thăm dò lai lịch bệnh nhân, quan Ngự y mới phát hiện ra điều đó.

Hi vọng Lê Đàm qua được cơn bệnh trọng, nhà vua hứa hờ giục quan Ngự y:

— Khanh hãy kê ngay đơn và cho bốc thuốc đi! Trãm phó thác tính mạng quan Thân tùy ở nơi khanh, khanh đừng phụ lòng trãm nhé!

— Hạ thần xin bái lịnh những lời vàng ngọc của bệ hạ. Nhưng muôn tâu bệ hạ..., căn bệnh của quan Thân tùy rủi chì chạy chữa bằng thuốc thang e rằng không đủ.

— Vậy thì khanh bảo cần phải làm gì nữa?

— Thần cúi xin bệ hạ cho bệnh nhân được tự chọn lấy một nơi thích hợp để vừa điều trị, vừa tĩnh dưỡng.

Thời thường những khi rỗi việc triều chính, chỉ có hai vua-tôi bên nhau, Lê Đàm đã có lần thò lộ niềm ao ước của mình:

— Sau này thần đến tuổi già, chỉ mong bệ hạ cho về an dưỡng ở Trại Vải.

— Đất nước của trãm thiếu gì nơi ngoạn mục, danh thắng, tại sao khanh lại xin lui về một nơi mà trước đây tiên đế ta băng hà đột ngột, còn dè lại một nghi án cho đến ngày nay?

— Muôn tâu bệ hạ, ngày nay vụ án vườn Lê Chi đã được bệ hạ soi rõ... Nếu thần được về đấy dưỡng nhàn, sẽ

chỉ cảm thấy tâm hồn thanh thoát, lòng dạ yên tĩnh mà thôi. Xin bệ hạ đừng quá xa ! Thần xin hứa với bệ hạ không bao giờ coi Trại Vái còn là nơi gợi lại những kỷ niệm đau thương, hãi hùng, mà thần sẽ coi đó như là thái ấp của công lý. Thần sẽ chăm sóc, bồi trúc, mò mang cho nó, đẽ dời dời Trại Vái vẫn mùa kế mùa nặng trĩu quả thơm, cho người người các thế hệ mai sau nhìn thấy nó như nhìn thấy sự tất thắng của lẽ phải, nhìn thấy sự sáng láng của bệ hạ và họ sẽ nhớ lại rằng người thầy vô vàn yêu kính của thần, người bồ tát ngay thẳng của tiên đế, đã được rửa sạch hết mọi oan khiên...

Có lẽ vì thế mà đức vua đã cho xây cung Yên Hà và lầu hóng mát lộ thiên tại khu vườn Lệ Chi, rồi cho dón quan Thân tùy về dấy tinh dưỡng. Nơi an dưỡng xa kinh thành bốn năm chục dặm. Cách núi, ngăn sông, nhà vua không thè ngày ngày đến tận giường bệnh đẽ cầm tay thăm hỏi người bồ tát tin yêu của mình được. Người lại gửi sắc chỉ xuống thay lời úy lạo :

« Ngày xưa trẫm còn là Gia vương, chỉ say mê vui đâu vào kinh sách của thánh hiền, không có ý nguyện làm vua. Vì khanh hết lòng suy tôn phò tá, xả thân trừ bầy phản nghịch, trẫm lên ngôi báu đến nay chốc đã gần trọn mươi niên. Thủ vui con hát thì khanh thua xa họ Thạch, họ Cao nhà Tông, mà lo lắng đến héo ruột cháy tim vì xã tắc thì khanh lại hơn cả họ Phùng, họ Đỗ nhà Đường. Công của khanh trẫm chưa báo đền, bệnh của khanh chó nên trẫm trệ ! Nếu khanh thật bụng nghĩ đến trẫm, lo cho trẫm, thì khanh phải đẹp hết mọi nỗi ưu tư, an tâm tĩnh dưỡng cho chóng bình phục... »

Chẳng riêng gì đức vua, ở trong triều, các bậc đại thần huân cựu cũng có nhiều vị hăng lưu tâm đến bệnh tình Lê Đàm. « Không ham chức trọng quyền cao, chỉ lấy thùy chung, trung chính làm đầu, con người ấy cốt cách giống

như Úc Trai (Nguyễn Trãi), đáng nêu gương muôn thuở! »

Á quận hầu Đinh Liệt thường nói về quan Thân tùy với các bạn đồng liêu như vậy ! Cho nên, ngay khi Lê Đàm mới lâm bệnh mặc dầu đã có Phạm phu nhân ở bên cạnh ngày đêm săn sóc – Á quận hầu vẫn phái người về trấn Sơn Nam báo tin cho Anh Võ. Hầu không biết rằng Anh Võ vừa cưới vợ và đang sống trong tuần trăng mật.

Cặp tân hôn này vội vã lai kinh. Tới nơi, họ gặp nhà sư Cao Nhuệ, mới hay ở Côn Sơn cùng nhận được tin như họ một lúc. Cuộc họp mặt giữa mấy anh em ngày hôm ấy thật cảm động và cũng đáng ghi nhớ. Thầy Cao Nhuệ mang theo một tay nải sách khá nặng, Anh Võ vô tình hỏi :

– Anh Cao, đi thăm người bệnh, anh vác sách tới làm gì nhiều thế ?

Nhà sư không trả lời, lặng lẽ giở tay nải và bày ra trước mặt mọi người những cuốn sách gáy dã sờn. Quả nhiên, Lê Đàm nhác trong thầy chồng sách ấy, tinh táo ngồi hẳn dậy, tưởng như một lúc cất được nửa phần bệnh. Đó là số lớn những di cảo rất quý báu của quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi mà trước đây Lê Đàm nhận ở các bạn đồng môn phường Báo Thiên đã đem gửi Cao Nhuệ, và nhà sư đã bảo toàn được bằng cách cất giấu trong ruột hai pho tượng đặt tại chùa Tư Ân...

Có người tâu chuyện này đến tai vua Thánh Tôn. Đức vua đã phải thốt lên :

– Ôi ! Sao mà Thừa chỉ Nguyễn Trãi có được những môn sinh dốc lòng vì thầy, vì đạo đến như thế ! Rủi cho trãm, mang tiếng ở ngôi giữa đời thịnh trị mà phải trông thấy nhan nhản những phường vong ân bội nghĩa, gót chân vừa bén tới con đường khoa danh đã quên băng ngay lối cõng ngõ nhà thầy !

Biết thêm những chuyện đó, nhà vua càng quý mến Lê Đàm, nhất là từ ngày quan Thân tùy về tịnh dưỡng ở Trại Vải.



Lại đến mùa quả chín. Những chùm lê chi mọng nước theo cành lá đung đưa trước gió, phả mùi thơm mát lịm. Một chiếc thuyền ba khoang, mui the, chèo quẽ, chở một toán cung nữ quãng năm, sáu người, đang thênh thênh ngược dòng Thiên Đức. Những món tóc đuôi gà đen nhánh và những dài yếm đào phất phơ bay bay trước làn gió sớm. Nắng tháng ba còn đượm hương xuân nhuộm hồng những khuôn mặt trắng xanh bầu bĩnh. Giữa khoảng nước trời thoáng đãng, các cung nữ như những cánh chim vừa được sờ lồng, vui sống lại những ngày tự do hiếm có. Họ véo von cất lên những lời ca trong trẻo. Tiếng hát, tiếng đập nhịp chân hòa với tiếng mái chèo, khua vang cả một khúc sông. Từ trên cành cao, bầy chim tu hú đang say sưa hút mật vải, nghe tiếng động, đua nhau kêu lên xối xả rồi xác vỗ cánh bay di dề rơi xuống mặt nước vàng óng những hạt quả chín màu nâu sẫm.

Đến cách Trại Vải chừng vài chục con sào, các cung nữ hầm chèo cho thuyền di chầm chậm.. Bỗng một cô trong bọn họ reo lên :

— A... Thuyền rồng ! Chị em ơi ! Thuyền rồng của đức vua dỗ kia kia !

Mấy cô khác liền phụ họa theo :

— Dúng rồi, hoàng thượng đã đến điện Huy Văn xin phép hoàng thái hậu từ mấy hôm trước...

— Chắc là sau khi đi tuần miền đông rồi đức vua ghé qua đây để thăm quan Thân tùy luôn thè chử gì ?

— Nghe nói quan Thân tùy tinh dường đến nay **dã gần**
bình phục rồi. Có khi chuyến này tiện thuyền rồng, ngài
cùng lai kinh với hoàng thượng cũng nên!

— Úi chà! Chị em mau mau trông lên bờ mà xem. Có
phải **cơ man** nào là cờ, quạt pháp phói ở lối dăng kia không?
Dãy! Cung Yên Hà dãy! Lầu hóng mát lộ thiên cũng ở
phía ấy dãy! Hoàng thượng đang ngự ở dãy chứ còn ở
đâu nữa?...

Họ còn mải bàn tán thì thuyền đã cập bến. Dợi cho thuyền
cầm sào và các cung nữ đã lục tục gánh những dôi sọt
không, kéo nhau lên bờ rồi, bấy giờ chú lính canh thuyền
cho nhà vua, mới dám ló đầu ra phía mũi thuyền rồng,
nói vọng lên:

— Ô... ôi... các cô mình ơi! Gắng trảvải nhanh nhanh
lên đê sớm mai cùng xuôi với anh em một thề cho vui
nh... ô...

Chẳng là cánh lính trong hoàng cung tinh nghịch thì
tinh nghịch, nhưng xưa nay vẫn né dám cung nhân ở điện
Huy Văn. Nhất là cùng đi trong đám này lại có một người
dã luống tuồi, từng giúp việc trong nhà tắm từ thuở bà
Nguyễn Thị Lộ còn giữ chức Lê nghi học sĩ cho tiễn đế
(vua Thái Tôn).

Hôm nay, nàng vâng lệnh Quang Thục hoàng thái hậu dẫn
một toán cung nhân trẻ ngược thuyền đi trảvải... Thế là,
sau mấy chục năm trường cô tú nữ ngày xưa vẫn mặc áo
xanh màu lá trúc ấy — lại mới được đặt chân trở lại mảnh
vườn xa vắng. Nàng tránh sao khỏi những nỗi bồi hồi xúc
động! Nàng ngập ngừng trong từng bước di, từng ý nghĩ...
Trong óc nàng đang hiện ra một bà Lộ «đẹp lồ lộ» với tính
nết dịu dàng, với nụ cười độ lượng. Một bà Lộ «xuan xanh
chừng độ trăng tròn lè» đã từng ứng khẩu họa thơ với quan
Thừa chỉ và trở nên người bạn ý hợp tâm đầu của Ngài. Một
bà Lộ có nét chữ rồng bay phượng múa, có giọng bình văn

thánh thót dã khiến cho vua Thái Tôn phải kính nè, dã làm cho Tuyên Từ hoàng hậu Nguyễn Thị Anh phải ghen đức, ghen tài và... vì thế bà Lộ dã sớm thành người bạc mệnh. Đến nỗi, có một thời người ta dã gán cho bà những tội tày đình và coi bà như một loài hồn tinh, yêu quái! Hồi đó, chỉ có đám cung nô chịu số phận hèn kém như mình mới hiều hết được tấm lòng bao dung cao cả của bà. Sau khi bà oan thác, nhắc đến bà, những chị em trong cung cảm như mình chỉ biết khóc ngầm, khóc ngầm với nhau, nhất là hàng năm mỗi khi nghe chim tu hú kêu báo hiệu mùa vải chín. Ôi! Những mùa vải năm xưa, cầm quả lè chi, nhớ đến bà mà đầm đìa hai hàng lệ... Nếu quan Thừa chỉ không có được những môn sinh nghĩa khí như quan Thân tùy Lê Đàm thì biết đến bao giờ bà Lộ mới được ngậm cười nơi chín suối, biết đến bao giờ mình mới có được một ngày rời khỏi cung cảm như hôm nay đè cùng chị em sống lại thuở đôi mươi? Và, Lệ Chi viên... có khi dã vĩnh viễn hóa thành hồn lệ, chẳng ai còn buồn bước chân tới đó làm gì nữa!...

Nàng lẩn theo những lối mòn, di vòng quanh khắp một lượt. Trong lòng nàng tăng dần lên một niềm vui mới mẻ. Không! Trái qua bốn triều đại rồi (¹) nhưng vườn xưa nay xem ra lại có phần sum sê tươi tốt hơn nhiều. Gốc, thân cây cũ lớn cao hơn mà hàng hàng, lối lối vẫn giữ nguyên như cũ. Trên lối đi, nàng không giãm phai những quả sâu rụng, không vướng phải những cành khô mục. Từng chặng từng chặng, không có những khoảng trống vô ích. Trái lại, những cây mới lớn lên không bị tán lá những cây to che rợp bóng. Rõ ràng lâu nay ở đây phải có một bàn tay chuyên cần chăm sóc.

Một cảnh lè chi trêu quả rủ thấp vừa tay người với tới. Nàng dừng lại, ngắm nghĩa hồi lâu rồi chọn hái một chùm quả



(1) Chỉ vào các triều đại: Thái Tôn, Nhân Tôn, Nghị Đàn, Thành Tôn.



Vườn xưa nay lại có phần sum sê...

đó đẹp nhất. «Ta sẽ dành chùm vải dầu mùa này để mang về tặng cho người bạn gái thân thiết của ta!» Nàng không hề nói cho đám cung nhân trẻ tuổi cùng đi với mình biết điều đó. Vậy người bạn thân thiết của nàng là ai? — Đó là cô tú nữ ngày xưa — mặc áo xanh màu lá dào — đã có lần cùng nàng theo bà Lộ về trảy vải ở khu vườn Lệ Chi còn giữ mãi những kỷ niệm thân thiết đối với nàng.



Trong cung Yên Hà, giờ này vua Thánh Tôn cũng mới nhận được món quà quý. Một chiếc mâm đồng sáng choang, dây cóngon, phủ bằng những vuông vóc vàng vừa mới được lật ra, để lộ trước mặt nhà vua những chùm lè chi đỏ ối xen giữa những nhánh lá xanh biếc cuồng cὸn ú nhựa.

— Muôn tâu bệ hạ!... Gọi là «cây nhà, lá vườn» của quan Thân tùy tiến dâng bệ hạ. Xin Người tiên hưởng⁽¹⁾.

Nghe quan Nhập nội hành khiền tâu mời, đức vua rất hài lòng. Người nhón tay ngắt một quả ném thử rồi tỏ lời ban khen:

— Trẫm nghe hoàng thái hậu kè lại, từ thời các tiên vương, giống vải nòi tiếng này đã được đem tiến kinh nhiều lần. Song đến lúc trẫm lên triều thì Lệ Chi viên đã phải trải qua bao nhiêu năm cảnh vườn hoang, quả rụng. Nay quan Thân tùy về dây tĩnh dưỡng, có người để mắt trông coi, mùa vải này trẫm mới có dịp được thưởng thức tại chỗ cái hương vị ngọt ngào này. Nào, các khanh! Các khanh hãy cùng trẫm vui hưởng đi!...

Nhà vua tự tay nâng một chùm lè chi, trao cho Lê Đàm, bảo đem chia đều khắp cho các quan tùy tùng mỗi người

(1) Ăn trước.

một dè Các quan sung sướng nhận phần của mình. Nhưng của vua ban là của hiếm, nên không ai bảo ai, mỗi người chỉ dám ăn một vài quả cho đẹp lòng hoàng thượng, còn gói đem về cùng chia sẻ với người thân.

Rồi trong niềm hân hoan thân mật, vua-tôi lại cùng nhau làm thơ chúc tụng.

Vua Lê Thánh Tôn ra dè cho bài thơ « bát cú » xoay quanh ý mừng mùa vải chín trở lại trên vườn Lệ Chi. Hoàng thượng gieo vần vịnh bài xướng. Các quan lần lượt làm bài họa theo. Lời nối lời, vận tiếp vận, tiếng ngâm trầm bổng, giọng bình khoan thai, cuộc xướng họa kéo dài cho đến tận giờ sứu ⁽¹⁾.

Sau cuộc bình thơ, các quan khẩn khoản mời đức vua dinh nghi. Nhưng người mỉm cười, vui vẻ nói:

— Trăm vạn thấy tinh thần sáng khoái lâm! Huống chi, giờ này quá giấc rồi, trăm muôn thức luôn cùng với đất, trời.

Hiều ý hoàng thượng, Lê Đàm mời người dao gót sang lầu hóng mát lộ thiên. Bước lên tầng thượng rồi, nhà vua bèn ra lệnh cho quan Thân túy:

— Khanh vừa mới bình phục, chờ nên khinh thị. Hãy nghe trăm vạn giấc đi!

Lê Đàm không dám trái lời.

Bấy giờ vào tiết cuối xuân, đầu hạ. Quang âm đang chuyển dần về sáng. Trời không trăng nhưng không gian trong suốt. Đứng trên lầu lộ thiên, nhà vua có thể nhìn bao quát phong cảnh khu vườn Lệ Chi. Người lại bắt đầu xúc động. « Chà! Lệ Chi viên! Một mình ngươi cũng đủ xứng danh là một giang sơn cẩm tú! Có phải vì thế mà xưa kia tiên đế ta đã từng chọn ngươi trong một tối dừng chân... và cũng vì thế mà tiền triều đã gây ra bao nhiêu oán cùu, thảm khốc! »

(1) Quang 1, 2 giờ sáng.

Nhà vua hit một hơi thở thật dài. Gió từ mạn sông Thiên
Đức thổi về mang theo mùi thơm mát lịm của những quả
lệ chi vừa nở cùi chín rộ. Nhà vua sửa lại khăn áo và ngửa
mặt nhìn lên bầu trời cao lồng lộng. Xa xa, về phương Nam
lấp tấp giữa những vì sao đêm, ngôi sao Khuê đang lấp lánh...

Bất giác hoàng thương cao hứng ngâm vang : « Úc Trai
tâm thương quang Khuê tỏo ! ⁽¹⁾ »

Lời thơ của bậc minh quân đã được đất, trời, núi, sông
chứng giám. Lời thơ bất hủ đó đã được truyền tụng đi khắp
nước. Và nó sẽ còn truyền tụng mãi, cũng như ngôi sao
Khuê còn lấp lánh mãi trên bầu trời phương Nam...

Viết xong, mùa vải 1973 tại Hoằng Lộc

(1) Tâm hồn của Úc Trai (Nguyễn Trai) sáng biếc như ánh sao
Khuê buổi sớm mai.

Biên tập: KIM ANH
Trình bày: THY NGỌC
Sửa bài: ĐẶNG MINH

In 80,300 cuốn tại Nhà máy in Tiền Bộ. Khuôn khổ 13×18,8
Số xuất bản 15/KĐ. Số in 1429. In xong 20-1-1977.

TÓM TẮT NỘI DUNG

Vua Thái Tôn đi tuần ở miền đông, ghé vào thăm vườn Lê Chi rồi nửa đêm băng đột ngột. Nhân cơ hội này, Tuyên tử hoàng hậu Nguyễn Thị Anh và bọn gian thần trong triều – vốn từ lâu có tư hiềm với quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi – lập nên vụ án Lê Chi viễn, buộc tội Nguyễn Trãi đã xui người vợ thiếp hay chữ là nữ học sĩ Nguyễn Thị Lộ bỏ thuốc độc cho vua (!) để có cớ bắt giết ông và cả ba họ.

Nhờ Lê Đàm và các môn sinh (học trò cũ, bà Phạm Thị Mẫn, vợ chính của Nguyễn Trãi) được cứu thoát và sau này sinh ra một đứa con trai đặt tên là Anh Võ. Rồi cũng nhờ có Lê Đàm và đám môn sinh ấy mà Tuyên tử Nguyễn Thị Anh và bọn gian thần dùng nhiều kế hiềm độc vẫn không hại nổi mẹ con Anh Võ; trái lại Anh Võ vẫn được ăn học tử tế chờ ngày thi thố tài năng... Cho đến sau vụ mưu phản của Lạng Sơn vương Nghi Dân, bắt đầu triều vua Thánh Tôn thì Nguyễn Trãi và ba họ đều được minh oan.

Thông qua câu chuyện Lê Đàm và các đồng môn nuôi giấu, cứu nguy vợ con thầy học, « Sao Khuê lắp lánh » đã nói lên tư tưởng đại nhân đại nghĩa và tâm hồn trong sáng như sao Khuê của Úc Trai (Nguyễn Trãi).